

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

LƯƠNG THỊ TÌNH

**CÁI TÔI TRỮ TÌNH
TRONG THƠ LƯU QUANG VŨ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGỮ VĂN

Chuyên ngành: Lí luận Văn học

Mã số: 60.22.01.20

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN VĂN NAM

HÀ NỘI – 2014

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn đến các thầy giáo, cô giáo trong khoa Văn học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, các cán bộ và giảng viên đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong thời gian học tập và nghiên cứu tại trường những năm qua.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tới PGS.TS.Lí Hoài Thu, cô đã định hướng để tôi chọn đề tài “Cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ”, thầy Nguyễn Văn Nam đã tận tình hướng dẫn để tôi thực hiện luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè đã luôn ủng hộ và giúp đỡ tôi trong thời gian qua.

Hà Nội, tháng 4 năm 2014

Lường Thị Tình

MỤC LỤC

A. MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề.....	1
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	5
4. Phương pháp nghiên cứu	5
5. Mục đích của luận văn	6
6. Cấu trúc của luận văn	6

B. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. VỀ CÁI TÔI TRỮ TÌNH VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO CỦA LƯU QUANG VŨ..... 7

1. PHẠM TRÙ CÁI TÔI TRỮ TÌNH.....	7
1.1. Từ góc độ triết học và tâm lý học	7
1.2. Từ góc độ sáng tạo văn học nghệ thuật.....	10
2. CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH.....	13
2.1. Khái niệm cái tôi trữ tình	13
2.2. Nhà thơ và cái tôi trữ tình trong thơ.....	15
3. Hành trình sáng tạo và đặc điểm cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ	20
3.1. Giai đoạn 1963 – 1971	20
3.2. Giai đoạn 1971 – 1973	21
3.3. Giai đoạn 1974 – 1978	21

CHƯƠNG 2: MỘT CÁI TÔI TRỮ TÌNH ĐỘC ĐÁO VÀ ĐA DIỆN 23

2.1. Cái tôi trong cảm hứng công dân	23
2.1.1. Cái tôi trong cảm hứng chiến đấu và chiến thắng.....	23
2.1.2. Cái tôi suy tưởng về lịch sử dân tộc	31
2.1.3. Trầm tư và triết lý.....	43
2.2. Cái tôi trong đời sống riêng tư	46
2.2.1. Từ gia đình ra xã hội	46
2.2.2. Cái tôi trên mảnh đất tình yêu	49

CHƯƠNG 3: NHỮNG PHƯƠNG THỨC NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ LƯU QUANG VŨ	58
3.1. Biểu tượng thơ.....	58
3.1.1. Đất nước	59
3.1.2. Mưa	61
3.1.3. Gió.....	63
3.1.4. Lửa.....	67
3.1.5. Các loài hoa.....	69
3.2. Thể thơ.....	72
3.3. Không gian và thời gian nghệ thuật	77
3.3.1. Không gian nghệ thuật, không gian xã hội	78
3.3.2. Không gian đời t- , trải nghiệm	84
3.4. Thời gian nghệ thuật.....	92
3.4.1. Thời gian lịch sử – xã hội.....	93
3.4.2 Thời gian đời t- , thời gian chiêm nghiệm	97
3.5. Ngôn ngữ thơ ca và giọng điệu trữ tình.....	103
3.5.1. Ngôn ngữ thơ ca.....	103
3.5.2. Giọng điệu trữ tình	109
3.3.2. Âm chủ của một giọng điệu	113
KẾT LUẬN	117
TÀI LIỆU THAM KHẢO	119

A. MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

L- u Quang Vũ là một cây bút tài hoa. Tr- ớc khi đến với sân khấu và trở thành nhà viết kịch nổi tiếng, ông đã là một nhà thơ “*nhiều triển vọng*” trong đôi mắt tinh tế của nhà phê bình Hoài Thanh. Với chặng đ- ờng hơn hai m- ươi năm sáng tác, L- u Quang Vũ đã có những đóng góp nhất định cho nền thơ hiện đại Việt Nam. Tác phẩm của ông để lại không nhiều nh- ng đó là những sáng tác mặn mà chất thơ. Cùng với sự sàng lọc của thời gian, cái còn lại bền lâu ở L- u Quang Vũ vẫn là thơ, đặc biệt là những tập thơ chỉ kịp đến với ng- ời đọc khi tác giả đã già từ nhân thế. L- u Quang Vũ ra đi vội vàng, bỏ lại dang dở một bút lực đang trong độ sung mãn. Nh- ng không thể phủ nhận những gì nhà thơ để lại là thành quả của một ngòi bút dốc lòng vì nghệ thuật. Nếu kịch và truyện ngắn là nơi L- u Quang Vũ viết về những vấn đề phức tạp của cuộc sống đ- ồng thời, của những ng- ời xung quanh thì thơ lại là mảnh đất ng- ời nghệ sĩ ấy dành để thao thức nhiều hơn về nỗi niềm riêng t- và đối mặt với bao nhiêu ngổn ngang của đời sống tâm hồn tr- ớc những b- ớc ngoặt đời mình.

Thế giới nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của nhà văn, là một chỉnh thể của hình thức văn học và là sự thống nhất của mọi yếu tố đa dạng trong tác phẩm. Con đ- ờng đi vào thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ giúp ng- ời nghiên cứu khẳng định một phong cách thơ độc đáo và lí giải đ- ợc sức sống bền bỉ của thơ ông. Ngoài ra, đến với thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ, luận văn khai thác một giọng thơ không trộn lẫn trong thế hệ thơ chống Mĩ; từ đó góp phần tìm hiểu thêm về một nhà thơ đã cống hiến hết mình cho sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt là ở lĩnh vực thơ vốn còn nhiều mạch ngầm đang cần khám phá.

Đến với cái tôi trữ tình trong thơ L- u Quang Vũ cũng là dịp giúp tác giả luận văn nâng cao hiệu quả của công việc nghiên cứu và giảng dạy văn học, giảng dạy thơ ca trong nhà tr- ờng.

2. Lịch sử vấn đề

L- u Quang Vũ là một hiện t- ợng văn học không đơn giản. Nếu tìm hiểu tác giả này ở lĩnh vực sân khấu thì thiết nghĩ chẳng còn gì để bàn cãi bởi ông đã khẳng định đ- ợc vị thế của mình trong lòng công chúng. Nh- ng tài năng của

L-u Quang Vũ không chỉ dừng lại ở tên tuổi một nhà viết kịch thành danh mà với độ lùi nhất định về thời gian, L-u Quang Vũ ngày càng đ- ọc biết đến trong t- cách một nhà thơ. Hai m- ời năm sáng tác ch- a phải là nhiều nh- ng so với cuộc đời quá ngắn ngủi của L- u Quang Vũ thì đó cũng đã là một chặng đ- ờng khá dài đủ để ông khẳng định mình.

Một trong những chức năng quan trọng nhất của phê bình văn học là tính dự báo. Hoài Thanh - nhà phê bình tinh anh và tài hoa - đã sớm phát hiện ra tài năng thơ L- u Quang Vũ qua những bài thơ rải rác đăng báo. Trong bài viết **“Một cây bút trẻ nhiều triển vọng”**, nhà phê bình tinh tế ấy đã ngỡ ngàng tr- ớc những vần thơ L- u Quang Vũ viết cho quê h- ong. Ông cảm nhận: *“Đến lượt mình, Lưu Quang Vũ đã góp tiếng nói của anh. Một tiếng nói nhỏ nhẹ mà sâu”* [47,8] . Hoài Thanh đã lắng nghe đ- ọc hồn thơ L- u Quang Vũ, dù với ông, thơ L- u Quang Vũ nhiều lần đứt nối. **“Hương cây - Bếp lửa - Đất nước và đời ta”** là bài viết của tác giả Lê Đình Ky. Ở đây, ông đã nhìn thấy những thành công và hạn chế của **“Hương cây”** - nửa tập thơ đầu tay L- u Quang Vũ in chung với Bằng Việt. Với ông, thơ L- u Quang Vũ ít chất suy nghĩ nhưng đó vẫn là *“một điệu tâm hồn riêng”*. Hai bài viết trên đã mở đầu cho một hướng nhìn nhận mới về L- u Quang Vũ và những đóng góp của ông trong nền văn học Việt Nam ở một lĩnh vực đ- ọc dự báo là sẽ còn tiến xa. Quả nhiên, những tác phẩm thơ đến với bạn đọc khi nhà thơ ra đi đột ngột đã làm không ít ng- ời ngỡ ngàng; ngỡ ngàng tr- ớc một tình thơ sâu lắng.

Từ khi hai tập di cao **“Bầy ong trong đêm sâu”** và **“Mây trắng của đời tôi”** đến với bạn đọc, nhiều công trình nghiên cứu đã góp tiếng nói của mình khẳng định thêm vị trí của L- u Quang Vũ trong sự nghiệp thơ. Tác giả Bùi Công Hùng khi đề cập đến sự kế tiếp nhau của các lớp nhà thơ trong phong trào quần chúng đã khẳng định L- u Quang Vũ là một trong những nhà thơ thuộc lớp thanh niên *“sung sức, đi nhiều, có văn hoá, có nhiều tìm tòi”* [15, 35]. Khái quát nhất vẫn là bài viết công phu của tác giả Vũ Quần Ph- ong với nhan đề: **“Đọc thơ Lưu Quang Vũ”**, đã chứng minh đ- ọc sự vận động phong cách thơ L- u Quang Vũ và nhận định những vần thơ di cao là một b- ớc tiến dài về nghệ thuật. Nối tiếp theo đó là hàng loạt bài viết xung quanh tài năng thơ L- u Quang Vũ mà một thời

ng-ời ta ch- a kịp nhìn nhận thấu đáo. Phong Lê, trong bài viết “*Sự kiện L- u Quang Vũ*” khẳng định sự sống của thơ Lưu Quang Vũ chính là “*một sự sống khác vẫn ẩn ngầm, bỗng trỗi dân lên*” [25, 435]. “*Những bài thơ sống với thời gian*” của Bích Thu, “*Những vần thơ thắm đẫm bản khoả*” của Huỳnh Nh- Ph- ong, “*Thơ Xuân Quỳnh, thơ L- u Quang Vũ*” của tác giả Ngô Văn Phú và nhiều công trình nghiên cứu khác... đều cảm nhận cái còn lại lâu dài và ngân vang hơn trong L- u Quang Vũ vẫn là một hồn thơ.

Có thể nói, hành trình sống và sáng tạo thơ ca của L- u Quang Vũ có nhiều gặp gỡ. Vì thế, phần “*L- u Quang Vũ - ng- ời trong cõi nhớ*” trong cuốn sách: “*Lưu Quang Vũ - Tài năng và lao động nghệ thuật*” là những gợi ý quan trọng cho ng- ời viết đi và khám phá sâu hơn đời sống nội tâm của chủ thể trữ tình trong thơ ông. Đây là tập hợp những lời tâm sự, nhận định... rất quý giá của ng- ời thân và bạn bè sau nỗi đau mất mát nhà thơ về sự thật cuộc đời lận đận của nghệ sĩ đa tài này. Có thể nói, để cảm nhận đầy đủ những biểu hiện của cái tôi trữ tình trong thơ L- u Quang Vũ, chúng ta không thể không bắt đầu từ việc khám phá cái tôi nhà thơ.

Có lẽ, L- u Quang Vũ thành công nhất ở địa hạt thơ tình. Đây là những vần thơ thật nhất mà cũng không ít xót đau của một thân phận nhiều trắc trở trong đời sống riêng t-. Với bài viết “*Tình yêu - đau xót và hi vọng*”, tác giả L- u Khánh Thơ đã tinh nhạy và sẻ chia với bao nhiêu mất mát của ông: “*Trong cuộc đời long đong, vất vả của anh, hầu nh- ở giai đoạn nào anh cũng gặp một tình yêu lớn. Cho dù cái mà tình cảm đó đem lại có thể là một vết th- ong, một nỗi đau suốt đời. L- u Quang Vũ quan niệm rằng, sự đầy đủ của một đời con ng- ời là ở chỗ tìm thấy tình yêu, mặc dù tình yêu ấy có thể không ở lại cùng ta suốt đời*” [52, 54]. Cũng cảm nhận sâu sắc tiếng thơ tình yêu của L- u Quang Vũ, trong “*Xuân Quỳnh - L- u Quang Vũ, tình yêu và số phận*”, tác giả Phong Lê cũng tỏ ra thấu hiểu niềm hạnh phúc và cả những đớn đau mà chủ thể sáng tạo đã trải vào thơ. Nguyễn Thị Minh Thái, trong “*Thơ tình L- u Quang Vũ*”, nhấn mạnh: “*Thơ với L- u Quang Vũ là tất cả sự hàm ơn và trang trải riêng t- của tâm hồn chàng với đời sống*” [46, 92]. Và trong “*Nhà thơ L- u Quang Vũ: Tháng ngày*

lân dân” - một bài viết gân đây nhất của tác giả Vũ Từ Trang thì một lần nữa, L-u Quang Vũ lại đến với bạn đọc trong tâm thế một nhà thơ với đời sống tình cảm đầy biến động. Cũng trong *“L- u Quang Vũ - Tài năng và lao động nghệ thuật”*, ta sẽ tìm được một số bài bình thơ xung quanh tác phẩm: *“V- òn trong phố”*, *“...Và anh tồn tại”*, *“Mây trắng của đời tôi”*... đ- ọc đánh giá là những bài thơ tình đặc sắc nhất của tài năng thơ L- u Quang Vũ.

Dừng lại ở vài bài viết, ta có thể bắt gặp một số hình t- ượng tiêu biểu, ám ảnh và chi phối rất nhiều đến thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ. Nh- ở *“Những bài thơ viễn vông cay đắng u buồn viết trong những năm chiến tranh”* của V- ơng Trí Nhân, ng- òi đọc cảm nhận đ- ọc m- a là hình t- ượng gắn gũi với chủ thể sáng tạo, đặc biệt là gắn với những dằn vặt trong đời sống nội tâm của ng- òi nghệ sĩ. Theo tác giả bài biết thì m- a trong thơ L- u Quang Vũ *“cho thấy sự trôi qua của thời gian mà con ng- òi bất lực, không sao níu kéo nổi. M- a làm cho hiện tại trở nên vô nghĩa và t- ơng lai trở nên lờ mờ, không xác định”* [37, 69]. Đặc biệt, đến với công trình dày dặn *“L- u Quang Vũ – tâm hồn trở gió”* của Phạm Xuân Nguyên, chúng ta sẽ thấy đ- ọc một hình t- ượng khác ám ảnh nhiều nhất trong không gian nghệ thuật và trong cả thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ là gió. Theo Phạm Xuân Nguyên, Lưu Quang Vũ là một *“tâm hồn trở gió”* và thơ ông là những vần thơ nổi gió [35, 29]. Đây là bài viết gợi nhiều ý t- ưởng cho ng- òi nghiên cứu luận văn trong việc khám phá giá trị nghệ thuật của một hình t- ượng không gian – chi phối rất nhiều đến quan niệm của nhà thơ về thế giới và con ng- òi.

Nhìn chung, hầu hết các tác giả đã góp những bài viết của mình khám phá nhiều điều kì diệu trong hồn thơ L- u Quang Vũ. Nh- ng quả thật, ch- a có công trình nào khai thác toàn diện thế giới nghệ thuật thơ của ông. Vì vậy, chúng tôi chọn đề tài này nhằm tìm hiểu kĩ hơn về thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ trong đó đi đâu khai thác phương diện cái tôi trữ tình. Trên cơ sở đó, tác giả luận văn tiếp tục đi sâu hơn vào thế giới nghệ thuật thơ ông để thêm một lần nữa khẳng định tài năng thơ của một ng- òi vốn gặt đ- ọc nhiều thành công trên sân khấu và khẳng định vị trí của L- u Quang Vũ trong v- òn văn học muôn h- ơng sắc.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong luận văn này, chúng tôi coi cái tôi là yếu tố chủ quan, là yếu tố căn bản làm nên nội dung trữ tình. Đồng thời cái tôi cũng là hạt nhân tổ chức các yếu tố khác nhau như đề tài, cảm hứng, tứ thơ, giọng điệu và ngôn ngữ... Trên cơ sở tìm hiểu cái tôi trữ tình luận văn đi vào nghiên cứu những đặc điểm nổi bật của thơ Lưu Quang Vũ, đi sâu vào một số phương diện nghệ thuật tiêu biểu đã làm bộc lộ rõ cái tôi trữ tình trong thơ anh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Luận văn khảo sát hầu như toàn bộ thơ Lưu Quang Vũ ở “**Hương cây**” (1968), “**Mây trắng của đời tôi**” (1989), “**Bầy ong trong đêm sâu**” (1993), và nhiều tác phẩm trong sách “**Lưu Quang Vũ – thơ và đời**”, trong một số tuyển tập khác và cả những bài thơ đăng báo.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi phối hợp những phương pháp sau:

4.1 Phương pháp hệ thống: Nhằm đặt những bài thơ, tập thơ vào trong hệ thống và đặt những yếu tố khảo sát riêng lẻ vào trong một chỉnh thể nghiên cứu, đó là thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ. Từ đó, rút ra được những vấn đề có tính chất khái quát về diện mạo thơ Lưu Quang Vũ.

4.2. Phương pháp so sánh: Đây là một phương pháp quan trọng giúp người nghiên cứu nhận ra nét riêng, độc đáo của phong cách thơ Lưu Quang Vũ so với các tác giả cùng thời; qua đó, thấy được sự gặp gỡ giữa Lưu Quang Vũ và những người bạn thơ trong khả năng khám phá một số vấn đề của cuộc sống và con người.

4.3. Phương pháp phân tích, tổng hợp: Nhằm phân tích và khái quát được những nét độc đáo, nổi bật của thơ Lưu Quang Vũ để tái hiện được chân dung nhà thơ và khẳng định phong cách tác giả.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng một số phương pháp bổ trợ khác như phương pháp thống kê, phương pháp phân tích tác phẩm...

5. Mục đích của luận văn

5.1. Luận văn mong muốn khẳng định L- u Quang Vũ là một nhà thơ tài hoa. Với một bút lực đang còn nhiều tâm sức nh- ng đã vội vã ra đi, L- u Quang Vũ vẫn khẳng định đ- ợc tài năng của mình bằng một thế giới nghệ thuật thơ đầy cá tính sáng tạo, một giọng thơ nồng nàn mà thâm trầm và một hồn thơ sâu nặng tình đời. Qua đó, khẳng định ông là một nhà thơ có phong cách độc đáo trên nền cảm xúc và suy t- ởng.

5.2. Từ việc tìm hiểu thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ, luận văn khẳng định L- u Quang Vũ tr- ớc sau vẫn là một phong cách riêng, không trộn lẫn vào những phong cách thơ tài hoa và đã rất thân quen của thơ ca thời kì chống Mĩ. Trong sự thành công của nền thơ chống Mĩ, không thể không ghi nhận những đóng góp nhất định của L- u Quang Vũ. Cùng với đội ngũ sáng tác trẻ, L- u Quang Vũ đã mang những tác phẩm đậm chất thơ của mình làm phong phú thêm diện mạo của nền thơ Việt Nam.

5.3. Lâu nay, ng- ời ta chủ yếu biết đến tên tuổi L- u Quang Vũ với t- cách một kịch gia. Qua đề tài này, chúng tôi muốn tạo nên một ấn t- ợng mới trong tâm thức ng- ời tiếp nhận về một L- u Quang Vũ - nhà thơ có chiều sâu nội cảm. Và cũng mong góp một phần nhỏ tiếp tục dự báo về sức sống bền bỉ của thơ L- u Quang Vũ cho đến nay vẫn còn mới mẻ trong nền thơ Việt Nam hiện đại.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, luận văn gồm có 3 ch- ơng:

Ch- ơng 1. Về cái tôi trữ tình trong thơ và hành trình sáng tạo của Lưu Quang Vũ.

Ch- ơng 2. Một cái tôi trữ tình độc đáo và đa diện.

Ch- ơng 3. Những phương thức nghệ thuật biểu hiện cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ.

B. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. VỀ CÁI TÔI TRỮ TÌNH VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO CỦA LƯU QUANG VŨ

1. PHẠM TRÙ CÁI TÔI TRỮ TÌNH

1.1. Từ góc độ triết học và tâm lý học

Cái tôi là gì? Vai trò của nó như thế nào trong quan hệ chủ thể và khách thể? Ngay từ thời cổ đại, nhiều nhà khoa học, triết học đã trăn trở tìm lời giải đáp. Nhưng ý thức về cá nhân, về cái tôi chỉ thực sự được khẳng định khi nhận thức của con người thoát khỏi sự ngự trị của tôn giáo. Sự nhận thức duy lý về cái tôi là một bước ngoặt quan trọng của nhân loại về bản thể sinh tồn. Trong quá trình phát triển lịch sử của loài người, cái tôi dần định hình và tự khẳng định tính độc lập của mình, trở thành chủ thể tư duy, chủ thể nhận thức thế giới. Khái niệm cái tôi, được hình thành bởi một quá trình lâu dài, mang trong mình tính phức tạp nhiều khi tưởng như thần bí. Cái tôi có nội hàm rộng đến nỗi khó xác định được toàn bộ ý nghĩa của nó cũng như tìm cho nó một định nghĩa hoàn chỉnh, thống nhất.

Các triết thuyết tôn giáo: Cơ đốc giáo, Phật giáo, Nho giáo ... về cơ bản “*Không thừa nhận cái tôi cá nhân, hoặc học giả có thừa nhận nhưng rồi cuối cùng cũng quy về những quan niệm siêu hình, duy tâm, thần bí, xoá bỏ cái tôi*” [36,11]. Các học thuyết tôn giáo bằng cách này hay cách khác, đều hướng con người đến đáng tối cao, quên đi cái tôi của mình. Song, để đạt được điều đó, tôn giáo đòi hỏi mỗi cá nhân phải có một nghị lực phi thường để vượt qua chính mình. Để chế ngự cái tôi, vượt qua cái tôi, quên đi cái tôi, suy cho cùng lại phải thực sự nhận biết tường tận về cái tôi. Chính vì vậy mà chủ trương diệt ngã, vô ngã, xoá cái tôi cá nhân, tôn giáo cũng đã gián tiếp thừa nhận cái tôi tồn tại trong mỗi cá nhân. Duy có điều, quá trình sống của con người là quá trình khẳng định cái tôi thì tôn giáo lại đi ngược lại – xoá bỏ cái tôi.

Các triết thuyết duy tâm khác cũng rất quan tâm đến cái tôi. Các nhà triết học: Đêcactơ, Phichtê, Cantơ, Hêghen, Becxông, Phorot...; đã “*giải thích cái tôi*

như là căn nguyên có tính chất quan niệm” [40,66], và từ những quan niệm mà xây dựng thành hệ thống triết học duy tâm của mình.

Đêcactơ (1595–1650) đưa ra định nghĩa duy lý nổi tiếng “*Tôi tư duy vậy là tôi tồn tại*”. Ông quan niệm cái tôi thể hiện ra như một cái thuộc về thực thể biết tư duy, như là căn nguyên của nhận thức duy lý, do đó khẳng định tính độc lập của mình [40,67-171], [36 (II),68].

Cantơ (1724-1804] cho rằng: Cái tôi bao gồm hai phương diện:

Thứ nhất, cái tôi với tư cách chủ thể tư duy, chủ thể nhận thức thế giới.

Thứ hai, cái tôi với tư cách là khách thể của chính nhận thức.

Theo Cantơ, cái tôi cũng bắt đầu từ sự tự kỷ ý thức, bản thân nó cũng chính là một đối tượng để khám phá, tìm hiểu. Đây chính là một bước tiến quan trọng trong quan niệm về cái tôi [36 (II), 165-166], [40,72].

Hêghen (1770-1831] coi cái tôi như sự tha hoá của “ý niệm tuyệt đối” đồng thời nhấn mạnh vai trò to lớn của cái tôi . Cái tôi như là trung tâm của tồn tại, cái tôi có khả năng, khát vọng và sức mạnh để thể hiện mình trong hiện thực. Mọi cái đều tồn tại nhờ có cái tôi và cái tôi có thể chi phối toàn bộ sự tồn tại và tiêu diện của thế giới [36 (II), 195-200], [40,67].

Hai nhà triết học cổ điển Đức (Cantơ và Hêghen) đã có những đóng góp to lớn không chỉ cho triết học mà cho cả hoạt động nghiên cứu văn học nghệ thuật, đặc biệt trong việc khẳng định vai trò to lớn của chủ thể sáng tạo.

Becxông (1859-1941) cho rằng trong con người có “cái tôi bề mặt” và “cái tôi bề sâu”, chỉ có “cái tôi bề sâu” thuộc về sâu thẳm của ý thức mới chính là đối tượng của nghệ thuật [40,31], [24,141].

Phorot (1856-1939) coi cái tôi là sự hiện diện động cơ bên trong của ý thức con người. Cái tôi là trung tâm của ý thức [40,553], [24,198-203].

Như vậy, cái tôi là một phạm trù thuộc lĩnh vực đời sống tinh thần và thực chất là khái niệm thuộc về cấu trúc nhân cách. Vì vậy, các nhà tâm lý học khi bàn về nhân cách đã phân tích rất kỹ cái tôi: Phân tâm học của Phơ rớt; thuyết hiện sinh của Husserl; Sartre; thuyết phát triển trí tuệ của J.Piagich; ... Các công trình lý luận về nhân cách của các nhà tâm lý học Mac xít: A.N.Lêônchiep;

A.G.Côvaliôp... đều coi cái tôi là yếu tố cơ bản nhất, quan trọng nhất cấu thành ý thức, nhân cách. Đáng chú ý nhất là quan niệm của hai nhà tâm lý học: A.G.Xpirkin và A.N.Lêonchiep. Trong Triết học xã hội A.G.Xpirkin đã nêu lên: *“Cái tôi chính là cấu trúc phần tự giác, tự ý thức của nhân cách, có thể coi đó là trung tâm tinh thần – ý nghĩa, điều chỉnh - dự báo của nhân cách, mang tính định hướng về động cơ, niềm tin, lợi ích, thế giới quan, là cơ sở hình thành những tình cảm xã hội của con người, ý thức về phẩm giá, nghĩa vụ, trách nhiệm, nguyên tắc đạo đức và xác định mặt cá tính (đơn nhất) của nhân cách”* [42,17].

A.N.Lêonchiep cũng bàn nhiều đến nhân cách, trong đó có vấn đề con người tự ý thức mình là một nhân cách. Theo A.N.Lêonchiep: *“ý thức về cái tôi, là kết quả, là sản phẩm sinh thành của một con người với tư cách là một nhân cách. Cái tôi của con người như đan quyện vào hệ thống tổng quát của những mối quan hệ giữa con người và xã hội”* [18].

Trên cơ sở những thành tựu khoa học về con người, đặc biệt là thành tựu triết học, tâm lý học, triết học Mác đã đưa ra một định nghĩa đầy đủ và hoàn chỉnh về cái tôi: *“Cái tôi là trung tâm tinh thần của con người, của cá tính người có quan hệ tích cực đối với thế giới và đối với chính bản thân mình và có khả năng thể hiện tính chủ động toàn diện mới có cái tôi của mình”* [40,66]. Việc khẳng định cái tôi là trung tâm tinh thần, cá tính con người cho thấy đời sống tinh thần con người không phải do một đấng siêu nhiên nào thổi vào mà được hình thành và phát triển cùng với quá trình của con người, do con người định đoạt. Mặt khác, cái tôi *“quan hệ tích cực với thế giới và chính bản thân mình”*. Có nghĩa là cái tôi vừa mang bản chất xã hội, có quan hệ gắn bó khăng khít với hoàn cảnh, vừa mang bản chất cá nhân độc đáo. Cấu trúc của cái tôi gồm hai phần: Cái cá nhân và cái xã hội nhưng không phải là phép cộng, cũng không phải là một sự gắn kết cơ giới, máy móc mà hoà hợp, xuyên thấm lẫn nhau như một hợp chất hữu cơ vậy. Như vậy, không thể có một cái tôi hoàn toàn duy lý đến mức cực đoan, cũng không phải chấp nhận một cái tôi thụ động buông xuôi mà *“chỉ có con người độc lập kiểm soát những hành vi của mình và*

có khả năng thể hiện tính chủ động toàn diện mới có cái tôi của mình” (Các Mác) [40,66]. Cái tôi đòi hỏi con người phải có ý thức cùng với những khả năng quan sát, phân tích, tổng hợp ... để tự điều chỉnh sao cho phù hợp với quy luật đời sống.

Trên cơ sở quan niệm của các nhà triết học, tâm lý học nhân cách, đặc biệt dựa vào quan điểm của chủ nghĩa Mác, chúng tôi tạm thời có một vài kết luận về cái tôi:

Thứ nhất, Cái tôi là trung tâm tinh thần của con người, là trung tâm làm nên cấu trúc nhân cách, hình thành cá tính, phẩm chất, năng lực, sự năng động của ý thức ... của con người.

Thứ hai, Cái tôi vừa mang bản chất xã hội, lịch sử vừa mang bản chất cá nhân riêng biệt, độc đáo... Con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội. Do vậy, cái tôi vừa là chủ thể, vừa là khách thể của hoạt động nhận thức.

Thứ ba, Cái tôi tự ý thức, tự điều khiển, điều chỉnh, tái tạo lại thế giới và tái tạo lại chính mình để hướng tới cái hoàn thiện.

Tóm lại, các tư tưởng triết học, tâm lý học về cái tôi đã nói về bản chất của chủ thể trong đó có vấn đề nhận thức, sáng tạo. Cái tôi chính là nền tảng của sự sáng tạo, có ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật nói chung và thơ ca trữ tình nói riêng.

1.2. Từ góc độ sáng tạo văn học nghệ thuật

Cái tôi nhà văn với tư cách là trung tâm tinh thần, tham gia vào quá trình sáng tạo, đã trở thành một đối tượng của lý luận văn học, văn học sử nghiên cứu văn học. Cái tôi nhà văn có mặt ở mọi khâu, trong mọi yếu tố của quá trình sáng tạo. Vai trò chủ thể trong sáng tạo nghệ thuật rất quan trọng. *“Nghệ thuật là tôi, khoa học là chúng ta”* (Claud – Berna).

Ở đây, cần phải nói tới sự can thiệp của cái tôi nhà văn vào tư duy hình tượng- kiểu tư duy đặc thù của sáng tạo nghệ thuật. Về điểm này, các nhà lý luận đã đi đến thống nhất là nếu không có tư duy hình tượng, không có hư cấu, tưởng tượng sáng tạo thì không có văn học nghệ thuật. Người nghệ sĩ, bằng kiểu tư duy hình tượng, bằng tưởng tượng sáng tạo đã tạo ra một cuộc sống thứ hai (thống nhất mà không đồng nhất với cuộc sống hiện thực vốn có). Ở đó, thế giới

được cấu tạo lại theo ước vọng. Người nghệ sĩ khám phá cuộc sống theo quy luật phản ánh và sáng tạo. Những sự vật, hiện tượng diễn ra hàng ngày, dưới con mắt người nghệ sĩ, đã không còn giữ nguyên cái thuần túy vốn có của nó nữa. Như vậy, cái tôi nhà văn tham gia vào tư duy hình tượng cũng có nghĩa là tham gia vào toàn bộ quá trình sáng tạo ngay từ khi bắt đầu hình thành ý đồ sáng tác. Tài năng của nghệ sĩ, tư duy hình tượng ở nghệ sĩ không phải là cái gì có tính đột biến mà phải được nuôi dưỡng từ thời thơ ấu. Nhà văn quan sát thế giới (kể cả tự quan sát), hướng tất cả sự chú ý vào những gì tác động mạnh mẽ đến cái tôi của mình. Với khả năng nhạy cảm đặc biệt, cái tôi, trung tâm tinh thần diễn ra một quá trình phân tích, tổng hợp. Những gì được giữ lại trong trí nhớ sẽ trở thành các ấn tượng có sức sống lâu bền. Quá trình này diễn ra hết sức chủ quan và từ ấn tượng đến sáng tạo có một khoảng cách, ở đó cái chủ quan có thể thay đổi. Sự thay đổi này làm cải biến các ấn tượng. Các ấn tượng tồn tại trong trí nhớ ở dạng rời rạc, khi đi vào tư duy hình tượng, sáng tạo chúng được tổ hợp nhờ liên tưởng thành một chỉnh thể phức hợp, hoàn chỉnh. Từ góc độ cái tôi tác giả, cái tôi nghệ sĩ tham gia vào toàn bộ quá trình này với chức năng điều chỉnh, điều khiển tư duy đi đúng với quy luật nhận thức và đặc trưng sáng tạo nghệ thuật. Cái tôi nghệ sĩ cảm hoá thế giới thực tại và tự biểu hiện mình qua hình tượng một cái tôi trữ tình. Độc giả đến với tác phẩm văn học do nhu cầu của đời sống tinh thần. Câu chuyện văn chương là câu chuyện của tâm hồn. Cho nên, không phải không có lý khi có người đặt nhà thơ ngang với người mộng du, có thiên hướng phóng chiếu cái tôi của mình ra ngoài, còn độc giả có thiên hướng chủ quan hoá xúc động của người khác. Amaudôp gọi “quá trình sáng tạo của người nghệ sĩ là quá trình “giải thoát nội tâm” và ông quan niệm, những đau khổ bất hạnh sẽ làm cho nghệ sĩ “năng sản” hơn là những gì nghệ sĩ cảm thấy hạnh phúc” [4,223], Tônxtôi, Puskin, Lammactin, Banzăc, Got... đều cho như vậy.

Chính nhờ có sự đồng cảm trong sáng tạo mà ở nghệ sĩ thường có sự nhập thân vào đối tượng nhưng mức độ khác nhau. Song, nhờ có cái tôi tự ý thức, nhà văn luôn có sự tỉnh táo nhất định. Sự nhạy cảm, cảm xúc khi dâng lên mãnh liệt thì lý trí có nguy cơ làm nô lệ cho trí tưởng tượng, khi đó nhà văn sẽ rơi vào “ảo

mộng”, không còn ý thức về cái tôi của bản thân nữa. Nhà văn phải dùng đến một cái tôi tỉnh táo, luôn tự ý thức, tự quan sát, biết phân tích và dùng lý sự can thiệp vào quá trình sáng tạo. Một sự nhập thân hoàn hảo là vừa phải biết quên mình đi vừa biết ẩn mình một cách kín đáo. Nhập thân vào nhân vật nhưng luôn tự biết mình là một nhà văn.

Như vậy, hình tượng nghệ thuật là kết quả của những gì mà cái tôi nhà văn hoàn toàn tâm huyết, là sự thống nhất hài hoà giữa tình cảm và lý trí, giữa tư duy hình tượng cảm tính và sự phân tích lý tính, giữa khách quan và chủ quan.

Cũng cần phải đề cập đến sự ảnh hưởng của cái tôi nhà văn đối với cá tính sáng tạo. Không có cá tính sáng tạo thì tác phẩm chỉ là một sự sao chép. Không có phong cách, không có cái riêng là hành động “tự sát” trong nghệ thuật. Khrapchencô khẳng định: *“sự đối lập giữa cá tính sáng tạo và con người thực của nghệ sĩ cũng không hợp lý như sự đồng nhất chúng hoàn toàn”* [14,104]. Cá tính nhà văn và cá tính sáng tạo, cái tôi nhà văn trong cuộc đời và cái tôi nhà văn trong nghệ thuật (gọi tắt là cái tôi nghệ thuật) không bao giờ đồng nhất. Trong quan hệ giữa cái tôi và cá tính, giữa cái tôi nghệ thuật và cá tính sáng tạo cũng vậy. Giống như cái tôi nghệ thuật, cá tính sáng tạo mang bản chất cá nhân, bản chất xã hội và bản chất thẩm mỹ. Nhưng nếu như cá tính sáng tạo với những phẩm chất tương đối ổn định, bền vững là nét đặc thù thì cái tôi nghệ thuật, nét đặc thù là tính chất tự ý thức, tự điều chỉnh, thậm chí điều chỉnh cả cá tính sáng tạo. Khi giữa cái tôi nghệ thuật và cá tính sáng tạo có được sự thống nhất cao độ thì sáng tạo của nhà văn mới thật sự mang phong cách và có giá trị. Bởi lẽ, cá tính sáng tạo và cái tôi nghệ thuật đều có xu hướng tự biểu hiện nên trong tác phẩm chúng luôn có mặt ở mọi cấp độ, mọi bình diện, làm nên một hình tượng tác giả thống nhất mà không đồng nhất với con người nhà văn ngoài đời. Thi pháp học hiện đại khẳng định hình tượng tác giả trong tác phẩm cũng là một hình thức nghệ thuật và cũng là một tín hiệu thẩm mỹ. Nhà văn sáng tạo ra hình tượng của mình vừa chân thực vừa hư cấu tượng tượng. Như vậy, xét ở bình diện tác giả, ta có thể khẳng định: Tác giả tiểu sử, cá tính tiểu sử và cái tôi tiểu

sử thuộc về cuộc sống thứ nhất. Hình tượng tác giả trong tác phẩm với cá tính sáng tạo và cái tôi nghệ thuật thuộc về cuộc sống thứ hai.

Nhìn chung, cái tôi tác giả (cái tôi nhà văn) và cái tôi nghệ thuật của nhà văn thống nhất với nhau nhưng không đồng nhất. Quan sát và tự quan sát, cảm xúc và lý trí, tư duy hình tượng, trí tưởng tượng cũng như cá tính sáng tạo đều có mối quan hệ nội tại khăng khít, hữu cơ với nhau và có quan hệ với cái tôi. Một cái tôi mạnh mẽ sẽ hoạt động tích cực và tham gia vào quá trình sáng tạo từ khi nó được hình thành.

2. CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

2.1. Khái niệm cái tôi trữ tình

Thơ trữ tình *“là thuật ngữ chỉ chung các thể loại thơ thuộc loại trữ tình, trong đó những cảm xúc và suy tư của nhà thơ hoặc của nhân vật trữ tình trước các hiện tượng đời sống được thể hiện một cách trực tiếp. Tính chất cá thể hoá của cảm nghĩ và tính chất chủ quan hoá của sự thể hiện là những dấu hiệu tiêu biểu của thơ trữ tình. Là tiếng hát của tâm hồn, thơ trữ tình có khả năng thể hiện những biểu hiện phức tạp của thế giới nội tâm từ các cung bậc của tình cảm cho tới những chính kiến, những tư tưởng triết học”* [39,216].

Về thơ trữ tình, cũng có rất nhiều quan niệm khác nhau nhưng xu hướng chung có tính thống nhất và được đa số chấp nhận là quan điểm cho rằng thơ trữ tình phản ánh thế giới theo phương thức nghệ thuật trữ tình (thế giới bao gồm cả thế giới chủ quan lẫn thế giới khách quan) nghĩa là thơ trữ tình chiếm lĩnh thế giới theo nguyên tắc chủ quan và biểu hiện trực tiếp (điển hình là các ý kiến của Viên Mai, Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát, Hêghn, Biêlinxki...). Thế giới khách quan vô cùng phong phú và phức tạp với tất cả những biến thái của nó trong tự nhiên, lịch sử, xã hội. Thế giới chủ quan lại càng phong phú và phức tạp hơn gấp nhiều lần với đời sống tinh thần: tâm hồn, tình cảm, những suy nghĩ, trải nghiệm... Thơ trữ tình luôn vươn tới khát vọng khám phá tất cả những gì bí ẩn trong cuộc sống, đặc biệt là cuộc sống tinh thần của con người.

Như vậy, *“thơ trữ tình là phương tiện để con người tự khẳng định bản chất tinh thần của mình so với tồn tại vật chất, là phương tiện để tự đồng nhất mình,*

xây dựng hình tượng về mình, xác định ý chí, chỉ hướng, lập trường giá trị trước cuộc sống, đồng thời là phương tiện để xây dựng thế giới tinh thần phong phú cho con người” [44,112]. Thơ trữ tình luôn gắn bó với cái tôi trữ tình. Về khái niệm cái tôi trữ tình tuy có rất nhiều ý kiến, quan niệm khác nhau nhưng cơ bản vẫn gặp nhau ở nội hàm tính trữ tình và tính chủ thể. Vũ Tuấn Anh quan niệm, cái tôi trữ tình *“chính là sự tự ý thức của cái tôi được biểu hiện trong nghệ thuật và bằng nghệ thuật, cái tôi của hành vi sáng tạo, là quan niệm về cái tôi được thể hiện thông qua các phương tiện trữ tình”* [1,26]. Lê Lưu Oanh cho rằng: *“Cái tôi trữ tình là thế giới chủ quan, thế giới tinh thần của con người được thể hiện trong tác phẩm trữ tình bằng các phương tiện của thơ trữ tình”* [42,18-19]. *“Có thể quan niệm rằng cái tôi trữ tình là nội dung, đối tượng cũng như bản chất của tác phẩm trữ tình”*[42.18-19]. Hêghen trong Mỹ học tuy không dùng khái niệm cái tôi, song ông đã nhấn mạnh đến vai trò chủ thể. Ông nói: *“Nguồn gốc và điểm tựa của thơ trữ tình là ở chủ thể và chủ thể là người duy nhất, độc nhất mang nội dung”* [12,162]. Chủ thể mà Hêghen nói đến ở đây chính là cái tôi trữ tình. Cái tôi trữ tình vừa thể hiện cách cảm, cách nghĩ của chủ thể vừa đóng vai trò sáng tạo, tổ chức các phương tiện nghệ thuật. Như vậy, cái tôi trữ tình vừa là nội dung (duy nhất, độc nhất), vừa là điểm xuất phát (nguồn gốc) vừa là cơ sở vững chắc (điểm tựa) của thơ trữ tình. Về bản chất, thơ trữ tình chính là sự thể hiện của cái tôi trữ tình. Biêlixki cho rằng: *“Toàn bộ hiện thực đều có thể là nội dung của thơ trữ tình với điều kiện nó phải trở thành sở hữu máu thịt của chủ thể”* [42,26]. Tất cả các quan niệm cho rằng thơ bắt nguồn từ tình cảm, tâm hồn, cảm xúc chính là nhằm khẳng định bản chất chủ quan của thơ trữ tình, khẳng định vị thế của cái tôi trữ tình trong thơ (tiêu biểu là các ý kiến của Bạch Cư Dị, Viên Mai, Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát, Ngô Thì Nhậm...) [4], [41]. Chúng tôi tán thành quan điểm về cái tôi trữ tình của các nhà nghiên cứu đã nêu trên.

Thơ trữ tình nào cũng dựa trên sự rung động của cái tôi cá nhân mang số phận, cá tính riêng tư trong các tình huống trữ tình. Sự khác biệt của các thời đại thi ca suy cho cùng chính là ở quan niệm về cái tôi và các dạng thức biểu hiện ở

cái tôi trữ tình. Thế giới của cái tôi trữ tình là thế giới không cùng. Vì thế, ý thức về cái tôi trữ tình, phát triển cái tôi là tiền đề thực tế cho sự phát triển của thơ.

Tóm lại, cái tôi trữ tình chính là điểm bắt đầu cũng là điểm kết thúc của quá trình sáng tạo thơ trữ tình, là linh hồn của thơ trữ tình.

2.2. Nhà thơ và cái tôi trữ tình trong thơ

Vấn đề chủ thể, cái tôi trữ tình có một vị trí, vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thơ. Ở mỗi thời đại, mối liên hệ giữa khách thể và chủ thể luôn là vấn đề được các nhà nghiên cứu quan tâm. Bên cạnh cái tôi nhà thơ, ta có cái tôi trữ tình. Bản chất của cái tôi trữ tình là mang tính chủ quan, cá nhân, mang tính xã hội nhân loại. Cái tôi trữ tình càng tự ý thức sâu sắc thì thơ trữ tình càng đặc sắc. Nhưng cái tôi trữ tình không hoàn toàn đồng nhất và trùng khít với cái tôi nhà thơ mà là sự thể hiện đời sống tinh thần và tư duy sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ. Đó là phiên bản mới mẻ, chọn lọc, kết tinh và thăng hoa những suy tư, cảm xúc và trải nghiệm của cái tôi nhà thơ: *“Có nhiều cuộc đời thi sĩ gắn liền với đời thơ như hình với bóng. Nhà thơ là nhân vật chính, là hình bóng trung tâm, là cái tôi bao quát trong toàn bộ sáng tác. Những sự kiện, hành động và tâm tình trong cuộc đời riêng cũng in lại nét trong thơ”* (Hà Minh Đức) [9,62]. Viên Mai cho rằng: *“Tất cả mọi người làm thơ đều có thân phận của mình”*. Mỗi nhà thơ đều có một phong cách riêng, độc đáo mang dấu ấn chủ quan trong thơ. Hàn Mặc Tử viết: *“Người thơ phong vận như thơ ấy”*. Chính cái tôi trữ tình đã tạo nên sự khác biệt của phong cách thơ. Phong trào Thơ Mới (1932 – 1945) là một thời đại thi ca mà trong đó những cái tôi trữ tình hiện lên rõ nét phong cách: Trong sáng và ẩn chứa một nụ cười có duyên là thơ Nguyễn Nhược Pháp; hào hùng với đầy tráng khí là thơ Huy Thông; chân quê mộc mạc là thơ Nguyễn Bính. Còn Chế Lan Viên thì dường như sinh ra đã uống nguồn nước “Sông Linh” từ thời dâu bể tang thương để rồi cất tiếng khóc trong *Diêu tàn* bằng những vần thơ như tiếng gọi hồn khóc than cho một xứ sở Chiêm Thành hoang tàn trong tưởng tượng. Thơ Hàn Mặc Tử là lời xưng tội, lời sám hối, lời cầu nguyện vang lên giữa hai bờ hư thực, có lúc trong trẻo đến trình nguyên, lắm khi cuồng điên đầy máu lệ. Huy Cận thì suối buồn thương chảy ra

lai láng thành thơ. Xuân Diệu lúc nào cũng khát khao giao cảm với đời, nhưng đời quá đổi vô tình nên lòng người yêu thơ mà vẫn trống trải cô đơn... Sự khác biệt về phong cách thơ suy cho cùng chính là sự khác biệt của cái tôi trữ tình với bản chất cá nhân - chủ quan độc đáo. Tuy nhiên, không thể đồng nhất cái tôi trữ tình với cái tôi nhà thơ nhưng cũng không thể tách bạch mối quan hệ này. Có thể xem cái tôi nhà thơ như gốc gác, như ngọn nguồn từ đó toả ra rất nhiều dạng thức của cái tôi trữ tình. Cái tôi nhà thơ không phải hiện tượng bất biến. Trong sự vận động của thời gian, sự biến động của lịch sử, khi hoàn cảnh, thời đại thay đổi thì cái tôi nhà thơ và cái tôi trữ tình cũng thay đổi. Những nhà Thơ Mới đến với Cách mạng tháng Tám đã làm một cuộc “lột xác” để đi từ “*chân trời của một người đến chân trời của mọi người*” (Paul Eluard). Ở phần lớn các nhà thơ, cái tôi trữ tình dù có đổi thay, biến hoá phong phú thì dưới bề sâu vẫn thấp thoáng cái tôi nhà thơ, một cái tôi chung thuỷ và nhất quán trong bản chất của nó.

Giữa cái tôi nhà thơ và cái tôi trữ tình trong thơ không đồng nhất nhưng hoàn toàn thống nhất. Cái tôi trữ tình trong thơ cũng không phải là cái tôi nhà thơ trong đời mà cái tôi nhà thơ đã được nghệ thuật hoá. Cho nên, sự thống nhất giữa cái tôi nhà thơ và cái tôi trữ tình trong thơ là hiện tượng thường gặp. Thơ trữ tình từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, đến Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Phan Bội Châu, Tố Hữu... đều biểu hiện rõ nét sự thống nhất đó. Đọc thơ Nguyễn Trãi, ta bắt gặp cuộc đời của một người có khí tiết thanh cao, suốt đời vì nước, vì dân. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào Nguyễn Trãi cũng luôn là một cây trúc hiên ngang, cương trực giữa chốn “vườn Quỳnh” đầy rẫy nhưng kẻ xu nịnh, hiểm độc. Đọc thơ Hồ Xuân Hương, ta lại thấy một cái tôi duyên phận hẩm hiu, cuộc đời lận đận, bảy nổi ba chìm, luôn khao khát hạnh phúc, tình yêu nhưng chưa bao giờ được như ý nguyện. Cái tôi ấy phóng túng, táo bạo, quyết liệt, đầy bản lĩnh, nghị lực, sẵn sàng lên án những bậc “hiên nhân quân tử” và cả những lễ nghĩa, lễ lối đạo đức giả, lớn tiếng bênh vực, đòi quyền sống cho những người phụ nữ. Đồng thời, đó cũng là một cái tôi đằm thắm, duyên dáng, thiết tha, rất phụ nữ. Thơ Phan Bội Châu là những lời tâm huyết chứa chan tinh thần yêu

nước, gắn liền với cuộc đời người chiến sĩ Cách mạng. Với Tố Hữu, nhà thơ, đời thơ, người chiến sĩ cộng sản, đời Cách mạng chỉ là một.

Từ những quan điểm lý luận về thơ trữ tình, nhà thơ và cái tôi trữ tình trong thơ, chúng ta có thể khẳng định: Sự biểu hiện của cái tôi trữ tình trong thơ là đa dạng, muôn hình, muôn vẻ. Nhà nghiên cứu Hà Minh Đức [9, 73-74] đã chỉ ra những dạng thức bộc lộ của cái tôi trữ tình như sau:

Thứ nhất, dạng trực tiếp của một tình cảm riêng tư, một câu chuyện, một cảnh ngộ, một sự việc gắn với cuộc đời riêng của người viết. Trong những trường hợp ấy, cái tôi trữ tình rất gần hoặc cũng chính là cái tôi của tác giả và nhà thơ thường sử dụng một cách bộc lộ trực tiếp qua chữ “tôi”: “*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ*” (Tố Hữu), hoặc chữ “ta”: “*Hué ơi, quê mẹ của ta ơi!*” (Tố Hữu) (chữ “ta” rộng hơn bản thân cái tôi của người viết) có khi là anh em ta, đồng chí ta, bạn bè ta ... “*Ta nắm tay nhau xây lại đời ta*” (Tố Hữu).

Thường thì cái tôi trữ tình trong thơ dễ bộc lộ trực tiếp trong trường hợp viết về chính bản thân mình và trong những quan hệ riêng tư. Với những loại đề tài này, cái tôi trữ tình trong thơ thường phổ biến là cái tôi tác giả.

Thứ hai, cảnh ngộ, sự việc trong thơ không phải là cảnh ngộ riêng của tác giả. Nhà thơ nói lên cảm nghĩ về những sự kiện mà mình có dịp trải qua hoặc chứng kiến như một kỷ niệm, một quan sát. Cái tôi trữ tình ở đây là nhân vật trữ tình chủ yếu của sáng tác. *Ta đi tới* của Tố Hữu, *Các vị La Hán chùa Tây Phương* của Huy Cận, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi... đều nằm trong trường hợp này.

Thứ ba, những bài thơ trữ tình viết về một loại nhân vật nào đó: *Bà mẹ Việt Bắc* (Tố Hữu), *Anh chủ nhiệm* (Hoàng Trung Thông). Những nhân vật này có khi là những điển hình có thực ngoài đời như Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Việt Xuân... Đó là nhân vật trữ tình của sáng tác tồn tại bên cạnh cái tôi trữ tình của nhà thơ (cái tôi trữ tình là một loại nhân vật ít xác định cụ thể). Trong những trường hợp trên, tuy cái tôi của nhà thơ không bộc lộ trực tiếp nhưng qua sáng tác vẫn nổi lên rõ cái tôi trữ tình. Ở trường hợp thứ hai và thứ ba cái tôi trữ tình

là cái tôi của tác giả được nghệ thuật hoá thành nhân vật trữ tình quan trọng trong thơ.

Trong cuốn *“**Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam**”*, Nguyễn Bá Thành cho rằng: *“**Thơ trữ tình là những “bản tốc ký nội tâm” , nghĩa là sự tuôn trào của hình ảnh và từ ngữ trong một trạng thái xúc cảm mạnh mẽ của người sáng tạo. Chính vì vậy, về bản chất, mọi nhân vật trữ tình trong thơ chỉ là những biểu hiện đa dạng của cái tôi trữ tình**”* [49,166]. *“**Cái tôi trữ tình trong thơ được biểu hiện dưới hai dạng thức chủ yếu là cái tôi trữ tình trực tiếp và cái tôi trữ tình gián tiếp. Thơ trữ tình coi trọng sự biểu hiện cái chủ thể đến mức như là nhân vật số một trong mọi bài thơ**”*. *“**Tuy nhiên, do sự chi phối của quan niệm thơ và phương pháp tư duy của từng thời đại mà vị trí của cái tôi trữ tình có những thay đổi nhất định**”* [49, 56-57].

Vũ Tuấn Anh cũng đã giành nhiều tâm sức để nghiên cứu về bản chất và sự biểu hiện của cái tôi trữ tình trong thơ. Ông nhận định: *“**Cái tôi trữ tình là một sự tổng hoà nhiều yếu tố, là sự hội tụ, thăng hoa theo quy luật nghệ thuật cả ba phương diện cá nhân – xã hội - thẩm mỹ trong hình thức thể loại trữ tình**”* [1,33].

Bản chất thứ nhất của cái tôi trữ tình là bản chất chủ quan – cá nhân, bộc lộ qua những thuộc tính sau:

Cái tôi trữ tình trở thành hệ quy chiếu thẩm mỹ đặc biệt mang tính chủ quan, chuyên đổi hiện thực khách thể thành hiện thực chủ thể, mang đậm dấu ấn cá nhân nhưng một hiện thực độc đáo, duy nhất, không lặp lại.

Cái tôi trữ tình biểu hiện, khai thác và phơi bày thế giới nội tâm của cá nhân, đồng thời qua đó xây dựng một hình ảnh mang tính quan niệm về chủ thể. Cái tôi trữ tình khác về chất lượng với cái tôi nhà thơ, cái tôi trữ tình không chỉ là cái tôi nhà thơ, nó là cái tôi thứ hai hoặc cái tôi đã được khách thể hoá trong nghệ thuật và bằng nghệ thuật. Bởi vậy cái tôi trữ tình còn có thể là cái tôi trữ tình nhập vai hoặc nhiều vai.

Bản chất thứ hai của cái tôi trữ tình là bản chất xã hội nhân loại. Cái tôi trữ tình tồn tại trong phức hợp các mối quan hệ: Truyền thống văn hoá, lịch sử, đạo

đức, thời đại, nhân loại... nên bao giờ cũng mang giá trị xã hội. Cái tôi trữ tình đồng hoá vào mình những gì tốt đẹp được kết tinh trong đời sống tinh thần dân tộc, cộng đồng, nhân loại, đồng thời luôn có xu hướng đào thải những gì lỗi thời, lạc hậu. Đây là cơ sở giải thích vì sao mang bản chất cá nhân mà cái tôi trữ tình không hề đơn điệu. Bởi vì, nội dung thơ trữ tình không chỉ bó hẹp trong phạm vi đời tư, cá nhân mà vô cùng đa dạng, phong phú.

Bản chất xã hội trong thơ trữ tình còn được cắt nghĩa từ góc độ bản chất người. Cái tôi trữ tình luôn có xu hướng thâm nhập sâu vào bản chất người và biểu hiện bằng những thể nghiệm, những suy tư trần trở thường trực. Cho nên, những đề tài muôn thuở mang tính phổ quát toàn nhân loại hay được đề cập đến trong thơ trữ tình: Tình yêu, hạnh phúc, niềm vui nỗi buồn, cái chết... Đó cũng là lý do khiến cho thơ trữ tình là một thể loại văn học chiếm được sự “đồng cảm”, “đồng điệu” lớn nhất. Thơ trữ tình là tiếng nói của một cá nhân trong đó có sự đồng vọng, cộng hưởng của tiếng nói xã hội, thời đại và nhân loại.

Bản chất thứ ba là bản chất nghệ thuật - thẩm mỹ của cái tôi trữ tình. Cái tôi trữ tình là trung tâm sáng tạo và tổ chức văn bản trữ tình. Cái tôi trữ tình luôn vươn tới lý tưởng thẩm mỹ (cái chân, cái thiện, cái mỹ) và biểu hiện bằng một thể giới nghệ thuật mang tính đặc trưng của phương thức trữ tình. Để vươn tới lý tưởng thẩm mỹ, cái tôi trữ tình bao giờ cũng bắt nguồn từ những tình cảm, cảm xúc hết sức chân thành. Có thể nói, chân thành là điều kiện số một để cái tôi trữ tình vươn tới cái đẹp, cái cao cả. Tình cảm thành thực làm cơ sở cho bản chất nghệ thuật - thẩm mỹ của cái tôi trữ tình.

Thế giới nghệ thuật của cái tôi trữ tình tồn tại ở dạng tinh thần với tất cả sự phong phú, phức tạp, tinh vi và sâu sắc. Có sự đồng nhất, có đối lập, chông chéo, đan cài của những cảm giác, ấn tượng, cảm xúc. Có sự biểu hiện của những động tác, những âm thanh, màu sắc, có cả thời gian và không gian đồng hiện... Tất cả đều có xu hướng tự biểu hiện.

Tóm lại, cái tôi trữ tình là một sự thống nhất giữa cái tôi cá nhân, cái tôi xã hội và cái tôi nghệ thuật - thẩm mỹ. Nếu thiếu phần xã hội thì cái tôi trữ tình dễ rơi vào hướng chủ quan, chủ nghĩa cá nhân tự kỷ, ích kỷ, hẹp hòi; Nếu không có

bản chất nghệ thuật - thẩm mỹ, cái tôi sẽ mất đi yếu tố trữ tình, tồn tại ở một lĩnh vực nào khác mà không phải lĩnh vực văn học nghệ thuật, lĩnh vực thơ trữ tình; Nếu thiếu phần cá nhân, cái tôi trữ tình sẽ tự đánh mất bản thể, đánh mất cái riêng, cái độc đáo. Sự thống nhất bản chất của cái tôi trữ tình biểu hiện trong sự thống nhất nội dung, hình thức thơ trữ tình và sự thống nhất này nằm trong tính quan niệm của chủ thể, bị chi phối bởi tính quan niệm của thời đại.

Qua việc tóm tắt, tìm hiểu quan điểm lý luận của các nhà nghiên cứu phê bình, chúng tôi thấy rằng: Cái tôi trữ tình biểu hiện trong thơ ở ba bình diện lớn: Bình diện chủ quan mang tính độc đáo, riêng biệt; bình diện tư tưởng xã hội và bình diện sáng tạo nghệ thuật

Từ những nhận thức lý luận chung về cái tôi trữ tình như trên, chúng tôi muốn liên hệ đến những nét bản chất trong vai trò chủ thể sáng tạo của cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ.

3. Hành trình sáng tạo và đặc điểm cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ

3.1. Giai đoạn 1963 – 1971

Giai đoạn này được tính từ những ngày đầu cầm bút tới trước những ngày chiến tranh xảy ra ở miền Bắc, xảy ra những đổ vỡ trong tâm hồn nhà thơ. Sáng tác của Lưu Quang Vũ giai đoạn này có khoảng 20 bài thơ được in chung trong “**Hương cây - Bếp lửa**” cùng Bằng Việt. Những bài thơ này được xếp vào thơ ca của thế hệ trẻ thời chống Mỹ cứu nước. Đặc trưng của giai đoạn này là cái tôi nhiều mơ mộng, cảm xúc tươi trong, giàu tin cậy – dù lòng tin ấy còn mang dấu ấn của sách vở nhà trường. Cái tôi lúc này có sự hài hoà tan thấm lẫn nhau giữa cái riêng và cái chung. Cái tôi đi về với ba đối tượng chủ yếu của lòng mình đó là: Mẹ - Em và Quê hương (bóng hình đất nước). Ở giai đoạn này Lưu Quang Vũ đã thực sự có một “*điệu tâm hồn riêng*”, kịp định hình một phong cách thơ trẻ trung, sôi nổi, mê đắm, tràn ngập niềm yêu đời, yêu cuộc sống.

Giữa một nền thơ cách mạng chuộng sự tỉnh táo, chắc khoẻ, giàu chất liệu hiện thức thì sự xuất hiện của thơ Lưu Quang Vũ là một hiện tượng đáng chú ý. Nhưng trong đời sống nghệ thuật, người nghệ sĩ không thể cầm tù sự sáng tạo

của mình trong những lời khen để hoá thành định mệnh. Từ năm 1970, nhà thơ Lưu Quang Vũ đã có những dấu hiệu chuyển biến rõ rệt, nhà thơ đã cố gắng tìm đường và nỗ lực lột xác trong nhận thức về sáng tạo nghệ thuật.

Như vậy ở giai đoạn 1963 – 1970, cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ đã đi từ mơ mộng, lý tưởng hoá hiện thực đến với việc lựa chọn một thể giới nghệ thuật mới chân thực dữ dội hơn, một cách ứng xử mới: dấn thân vào cuộc sống lao động và trải nghiệm. Thế nên năm 1970 là năm bản lề, năm mà sự chọn đường của cái tôi sẽ là tiền đề cho sự phát triển đa chiều và sâu sắc ở giai đoạn sau.

3.2. Giai đoạn 1971 – 1973

Đây là giai đoạn “*gian khó, cô đơn đến cùng cực*” trong đời người đời thơ Lưu Quang Vũ. Những biến động trong cuộc sống chung – riêng đã tạo nên một diện mạo hoàn toàn mới cho thơ anh với những vần thơ “*viễn vông cay đắng u buồn*”. Thế nhưng, từ đáy sâu nỗi buồn và sự tuyệt vọng thơ Lưu Quang Vũ vẫn rực cháy một niềm tin, một khát vọng không thể dập tắt. Nó làm nên kiểu cấu trúc hai mặt trong thơ: Tuyệt vọng – hy vọng.

Như vậy về bản chất, cái tôi trữ tình ở giai đoạn này mang đậm chất của cái tôi thế sự đời tư một mặt nó tiếp tục chất đăm đuối, phát triển cảm giác bén nhạy trong cảm nhận về cuộc sống của giai đoạn đầu. Mặt khác, nó thúc đẩy mạnh những suy nghĩ của cái tôi tỉnh thức để hiện diện trọn vẹn là một cái tôi cô đơn khắc khoải về thân phận, trung thực khốc liệt trong cả nỗi đau.

3.3. Giai đoạn 1974 – 1978

Từ khi gặp được Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ tìm lại được con đường đi, tìm lại được mục đích sống, không còn là cái tôi hoang mang đồ nát như giai đoạn trước. Nó tìm thấy cứu cánh ở tình yêu, bởi tình yêu ấy lớn hơn một tình yêu thông thường có thể xác định hướng đi cho cuộc đời một con người. Cái tôi ấy say mê trở lại, từng thấy hạnh phúc trong đời thường. Thơ anh vẫn viết về tình yêu nhưng không còn mơ mộng như giai đoạn đầu hay mãnh liệt tuyệt vọng như giai đoạn sau mà trở nên da diết, ân tình hơn. Cái tôi trong thơ Lưu Quang Vũ không chỉ say sưa trong tình yêu mà còn nhiệt huyết trong cảm hứng về nhân

dân, đất nước. Những sáng tác của Lưu Quang Vũ trong giai đoạn này được tập hợp chủ yếu trong tập thơ **“Mây trắng của đời tôi”** (1989).

Theo sát hành trình sáng tạo thơ ca của Lưu Quang Vũ từ những ngày đầu cầm bút đến khi chia tay bạn đọc có thể nhận thấy cái tôi trong thơ Lưu Quang Vũ có quá trình phát triển khá phức tạp. Về cơ bản nó đi từ mơ mộng đến tỉnh thức và chiêm nghiệm, từ niềm vui bông bột đến nỗi cô đơn khắc khoải và tạm dừng chân với hạnh phúc đời thường. Trong quá trình vận động thăng trầm đó, cái tôi vẫn mang những nét căn cốt nhất làm nên đặc sắc của hồn thơ Lưu Quang Vũ. Đó là cái tôi tinh tế trong cảm giác, phóng túng trong tâm tưởng, trung thực, mãnh liệt trong đánh giá đối tượng, tin yêu một cách xót xa và luôn mang nỗ lực vượt thoát.

CHƯƠNG 2: MỘT CÁI TÔI TRỮ TÌNH ĐỘC ĐÁO VÀ ĐA DIỆN

2.1. Cái tôi trong cảm hứng công dân

Đến thời kì Thơ mới, cái tôi kiêu hãnh bước vào văn học. Văn thơ xao động hẳn lên khi hàng loạt cái tôi đòi thể hiện mình. Một Lưu Trọng Lư dặt nên thảm lá vàng thu mộng ảo, một Hàn Mặc Tử chồng chất đau thương không muốn chia lìa trần thế, một Chế Lan Viên giàu nghiệm suy và khi Xuân Diệu đến văn Thơ mới thì bao người phải say sưa trong những vần thơ tình tứ của ông... Nhưng thường vô tình trong *chiếc áo hôn cô đơn* nên càng về cuối, cái tôi lãng mạn Thơ mới càng khoáy vào sâu mộng và cô độc. Như Hoài Thanh thành thực nhìn nhận: “*Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh*” [48,56]. Từ đó, cái tôi trữ tình vận động, thoát khỏi vòng luẩn quẩn bế tắc của nó trong tiến trình văn học; cái tôi lãng mạn nhường chỗ cho cái tôi sử thi của thơ ca cách mạng (mà thông thường mọi tiếng thơ đều quy về một tình cảm chung) và một cái tôi thế hệ tự bạch, đối thoại với thế hệ mình bằng trải nghiệm của người trong cuộc. Thơ Lưu Quang Vũ biểu hiện sinh động cái tôi thế hệ “*vừa trẻ trung, vừa già dặn, vừa hồn nhiên trong cảm xúc vừa sâu lắng trong những suy tư*” [57,108]. Song nếu nhìn một cách thấu đáo, chúng ta sẽ thấy phong cách thơ Lưu Quang Vũ được thể hiện chủ yếu qua bức chân dung tự họa của nhà thơ trong cái tôi cá thể – cái tôi nhìn thẳng vào lòng mình để tự nghiệm mình – mà thơ trước 1975 hầu như thiếu vắng.

2.1.1. Cái tôi trong cảm hứng chiến đấu và chiến thắng

“*Khẩu súng và cây bút. Viên đạn và con chữ. Thuốc nổ và máu. Mảnh đất âm ào tiếng bom, tiếng súng và trang giấy trắng. Màu áo lính và màu áo thi ca. Có cái gì đó tưởng như trái ngược nhưng lại rất đồng nhất*” [32,4]. Là một nhà thơ từng mặc áo lính, Lưu Quang Vũ cũng lấy chất liệu sáng tác từ những điều “*tưởng như trái ngược nhưng lại rất đồng nhất*” ấy. Từ sáng tác trong “**Hương cây**” đến trang viết cuối cùng, dân tộc luôn là nguồn cảm hứng đơm bông bền chắc nhất của đời thơ Lưu Quang Vũ.

Ngay từ những bài thơ đầu tiên, chúng ta đã cảm nhận được thơ Lưu Quang Vũ chính là tiếng vọng tâm tình của một tuổi trẻ tình nguyện cầm súng hành quân. Đó là những vần thơ mang hơi thở thời đại mới của một chàng trai vừa “*bứt khỏi vòng tay yêu thương của gia đình*” [51,210] bước vào đời lính. Cái tôi trữ tình hăm hở, náo nức hòa bước cùng đất nước hành quân:

*Làm kẻ sinh sau giữa đời rộng mở
Mang khối căm hờn ngày tr-ớc ch- a tan
Hờn căm mới lại chồng lên nợ cũ
Lửa cháy bom rơi ta lại lên đ- ờng*

(Đêm hành quân)

Thuộc thế hệ “*dàn hàng gánh đất nước trên vai*” (Bằng Việt), mỗi nhà thơ cách mạng bám rễ sâu vào hiện thực. Đó là cái tôi thế hệ “*tự bạch, tự phân tích, tự biểu hiện, độc thoại, đối thoại với thế hệ mình, với những thế hệ khác qua những kinh nghiệm và trải nghiệm của những người trong cuộc*” [57,108]. Họ mang trái tim đầy nhiệt huyết để làm thơ. Từng nếm trải đời lính, Lưu Quang Vũ có một vùng kí ức: *Mùa chiến dịch bình minh ánh đuốc/ Rung núi chuyển rừng bộ đội hành quân (Phố huyện)*. Một con sông Thương, một ngã ba thị xã, một nhịp cầu Long Biên... đều có thể thành kỉ niệm. Đất nước thành hình trên những chặng đường mà chủ thể trữ tình đi qua. Trong lòng nhà thơ trẻ ấy, quê hương vẫn *t-oi hoa đẹp nắng, vẫn trọn chiều hương êm ả*. Nghĩa là hình hài đất nước còn vẹn nguyên trong cái nhìn của con người chưa rơi vào nghịch cảnh và đang nhìn thấy tương lai đất nước ở tầm cao. Đó là cái tôi công dân quyện vào tình yêu quê hương: *Em ơi, em là Hà Nội/ Anh chưa bao giờ yêu Hà Nội như hôm nay (Ch- a bao giờ)*.

Lưu Quang Vũ là người lính “*đi thẳng từ cánh cửa nhà trường đến chiến trường chống Mỹ*” nên dĩ nhiên tâm hồn ông còn vương vấn nhiều thanh âm, hình ảnh của một phía quê hương yên bình. Đến đây ta gặp một cái tôi mang cảm quan thiên nhiên trong trẻo với *hương lá bưởi lá chanh*, với tiếng *chim chiêu kêu thơ ngây*, với *dáng vẻ quê hương trong cây lá hiền lành*. Hình ảnh trong ba lô mỗi người lính luôn có một góc nhỏ đựng bao nhiêu điều hiền lành như thế.

Giữa màu xám xịt của m- a bom, cái tôi trong thơ Anh Ngọc r- ng r- ng tr- ớc nét duyên thầm của cành cây xấu hổ trong *màu xanh bối rối (Cây xấu hổ)*. Hay mùi h- ong hoa b- ởi thanh tao cũng len vào lòng ng- ời lính trong **“Hương thầm”** của Phan Thị Thanh Nhàn... Tất cả làm dịu hẳn đi cái tàn khốc của chiến tranh. Và đến L- u Quang Vũ, thơ ông cũng không tránh khỏi chút bịn rịn trong những đêm hành quân: *Nào đâu phải ngày đi không l- u luyến/ Mắt ng- ời trong nh- n- ớc giếng ban đầu/ Mảnh trăng liềm nghiêng một nỗi nhớ nhau/ Còn biết mấy hẹn hò dang dở (Đêm hành quân)*. Đó là vùng kí ức đ- ợm mật h- ong mùa hạ (*Qua sông Th- ong*), vang vang *một tiếng chim khuya gọi mùa vải đỏ (Đêm hành quân)*; là khoảnh khắc chợt nhớ *một tiếng phong cầm (Ngã ba thị xã)*, một con *phố tuổi thơ (phố huyện)*... Lưu Quang Vũ có thể được xem là một nhà thơ cách mạng dành nhiều tình cảm cho những điều hết sức bình th- ờng.

Đến đầu những năm 70, L- u Quang Vũ không còn mang h- ong cây điếm tô cho hiện thực chiến tranh nữa. Đã qua hơn m- ời năm tự nghiệm giữa cuộc đời, nhà thơ nh- dần sâu hơn trong nhận thức. Hơn nữa sự chống chọi trên đ- ờng m- u sinh và trong hạnh phúc đầu đời khiến cái tôi chỉ có thể tha thiết nghĩ về dân tộc qua lăng kính rạn vỡ đời t- . Càng về sau, với độ chín trong sự nhận thức và tr- ớc chuyển biến phức tạp của xã hội, nhà thơ dám nói thật những điều trông thấy. Chúng ta bắt gặp t- t- ởng ấy trong nhiều tác phẩm ông viết về quê h- ong: **“Việt Nam ơi”, “Giấc mộng đêm”, “Đất nước đàn bầu”** ... Đây là nét mới trong quan niệm của L- u Quang Vũ khi mà cả nền thơ hồi bấy giờ chủ yếu lấy lí tưởng cách mạng làm mực thước để đo phẩm chất con người. *“Từ cái náo nức say s- a với cảm hứng lãng mạn của buổi đầu đến sự trải nghiệm với nhiều suy t- trầm tĩnh trong giai đoạn cuối cuộc chiến tranh, cái tôi thơ trẻ muốn tìm cho mình tiếng nói trầm tĩnh, trực tiếp thậm chí đến trần trụi chối bỏ những gì hoa mĩ và sáo mòn trong thơ”* [28,12]. Đó là cái tôi trong thơ L- u Quang Vũ, muốn nhìn thấu vào chiều đau th- ong của chiến tranh. Đến giai đoạn này, thơ ông thực sự là sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và lí trí. Đó là quá trình tự suy của *phong cách suy t- ởng* – là ngẫm suy trong sự xúc động. Nghĩa là thơ ông đã có chiều sâu nhận thức. Dấu phong cách ấy có khi chỉ tiềm ẩn trong những trần trở của

ông về nhiều bình diện cuộc sống. Với nhà thơ, nghệ thuật cũng nh- cuộc sống, không bao giờ tĩnh tại:

Những điều hôm qua t- ởng tuyệt vời và tốt đẹp

Đến nay thành không đủ nữa rồi

(Viết lại một bài thơ Hà Nội)

Cái tôi đau xót, thậm chí bi quan khi hình hài dân tộc hiện lên với: *Những áo quần rách r- ời/ Những hàng cây đấm mình vào bóng tối/ Chiều mờ s- ơng leo lắt đên dàu (Việt Nam ơi)*. Đất n- ớc nh- trở mình khó nhọc d- ời con mắt hụt hẫng của trái tim ôm nặng tình quê. Lời thơ L- u Quang Vũ nức nở trong hàng loạt câu hỏi chất vấn dồn dập. Nh- ng càng ngẫm ngợi ta càng thấy đó lại là “*cái buồn trung hậu*” (Chữ dùng của Hoài Thanh). Tác giả chất vấn để tự vấn: *Tôi làm sao sống được nếu xa Ng- ời*. Có lúc, L- u Quang Vũ ghi lại nhật ký cho quê h- ơng. Trong một đêm 1972, tác giả l- u lại bao nhiêu g- ơng mặt thảng thốt, hãi hùng tr- ớc cơn bão đạn. *Mặt đất chao nghiêng, ga xưa đã sụp tan tành...* làm nhà thơ lạng ng- ời:

Ngực nghẹn lại không còn khóc được

Th- ơng mọi ng- ời cơ cực mấy m- ời năm

Th- ơng ga x- a đã sụp tan tành

Th- ơng những chuyến đ- ờng x- a đã chết

(Ghi vội một đêm 1972)

L- u Quang Vũ quả đã nhìn vào bề sâu của chiến tranh. Một nhà thơ cách mạng khơi sâu vào nỗi đau của con ng- ời trong chiến tranh cũng là điều cần thiết. Để càng yêu th- ơng, càng phải sống, càng bội phần căm thù: *Trong hồn tôi những con trăn nổi giận/ Những sừng cao nhọn hoắt của bầy nai/ Nổi hờn căm của đứa trẻ l- u dàu/ Con đói khát của những ng- ời bị xích (Bài ca trên bán đảo)*.

Tình yêu quê h- ơng của nhà thơ lúc này còn đ- ợc gói trong tình yêu tiếng mẹ đẻ. Có thể xem “*Tiếng Việt*” là một trong số bài thơ hay nhất của L- u Quang Vũ. Đây là bài thơ ca ngợi ngôn ngữ dân tộc, ca ngợi tiếng mẹ đẻ. Ngôn ngữ vốn chứa đựng tâm hồn, ca ngợi ngôn ngữ là một cách ca ngợi tâm hồn dân tộc.

Lưu Quang Vũ ca ngợi bằng cách tập hợp lại những cảm xúc trữ tình của anh về Tiếng Việt. Ca ngợi mà cũng chính là chứng minh. Chứng minh không gian tồn tại của Tiếng Việt là không gian cảm xúc, chứng minh sức chuyển tải tình cảm, biểu hiện âm thanh, lưu giữ hình ảnh của Tiếng Việt. Cuối cùng là nhận xét : Tiếng Việt mang tâm hồn dân tộc, tiếng Việt sống trong đời sống chúng ta, tiếng Việt nuôi hồn ta như cơm gạo nuôi người. Ngôn ngữ của mỗi dân tộc cũng có vẻ đẹp riêng, cũng là tài sản thiêng liêng được dân tộc đó yêu mến và bảo vệ. Với Lưu Quang Vũ ca ngợi tiếng Việt là giải bày lòng yêu nước, sự gắn bó của mình với tiếng mẹ đẻ. Tác giả dùng những kỉ niệm gắn với mình để lý giải. Nhà thơ thuyết phục bằng cảm xúc chứ không phải bằng lý lẽ của môn ngôn ngữ học.

Không gian tồn tại của tiếng Việt được vang lên trong những bối cảnh gây xúc động có tính phổ biến với mọi lòng người:

*Tiếng mẹ gọi con trong hoàng hôn khói sẫm
Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về
Có con ghé trên lưng bùn ướt đầm
Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre*

Đó là tiếng mẹ gọi con ở thôn quê lúc chiều về, có khói thổi cơm, có chim về tổ, có những người làm đồng trở về nhà. Đó là không gian của sự đoàn tụ gia đình, không gian dễ gọi lòng người bao nỗi hàn huyên thương nhớ. Cảnh vật trong thơ có con ghé bé nhỏ và có tiếng gió thổi qua cau tre xạc xào. Tiếng Việt còn được vang lên trong:

*Tiếng kéo gõ nhọc nhằn trên bãi vắng
Tiếng gọi đò sông vắng bên lau khuya
Tiếng lùa xé đau lòng thoi sợi trắng
Tiếng dập dòn nước lũ xoáy chân đê.*

*Tiếng cha dặn khi vun cãnh nhóm lửa
Khi hun thuyền gieo mạ lúc đưa nô
Tiếng mưa dội ào ào trên mái cộ
Nón ai xa thăm thẳm ở bên trời*

Rồi khi người ta nhóm lửa, người ta hun thuyền, gieo mạ, đưa nôi...đều là những khung cảnh trữ tình gợi cảm, tác giả chiêm nghiệm từ đời sống hoặc thu lượm từ những tác phẩm nghệ thuật. Hình ảnh rất ít nét nhằm khơi gợi chứ không phải để miêu tả. Sức gợi rõ nhất nhiều khi lại ở những câu thơ mù mờ nhất “ *Nón ai xa thăm thẳm ở bên trời*”.

Để chứng minh cho sức chuyên tải tình cảm của tiếng Việt, Lưu Quang Vũ dựa vào ca dao. Anh dẫn ra một vài sức ám ảnh kì lạ của tiếng Việt trong ca dao:

“Đá treo leo trâu trèo trâu trượt...”
Đi mòn đàng dứt cỏ đọi người thương
Đây muối mặn gừng cay lòng khé xót
Ta như chim trong tiếng Việt như rừng.

Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ
Ồi tiếng Việt như đất cày như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

Sức chuyên tải tình cảm của tiếng Việt được thể hiện qua “gừng cay muối mặn” gừng, cay, muối, mặn là hai danh từ, hai tính từ thể mà cài vào nhau lại chất chứa biết bao nếm trải của đời người. Thế rồi “trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ”,nói cá nói sao mà lại thấy thân phận con người, cô đơn buồn khổ. Qua đây ta thấy Lưu Quang Vũ khá nhạy cảm với ca dao, thơ anh ít cách tân mà nhiều đắm thắm là vì thế. Nhất là ở giai đoạn sáng tác đầu. Trong phần thơ này Lưu Quang Vũ có hai so sánh đẹp: ngôn ngữ Việt như rừng, anh như con chim say vẻ đẹp mê mải lạc suốt đời trong đó. Anh còn ví tiếng Việt như đất như lụa. Đất vĩnh cửu nuôi cái ăn, lụa mỏng mảnh dai bền nuôi cái mặc. Đất mọc lên tre ngà, ám ảnh trong tâm trí người đọc huyền thoại Thánh Gióng, lụa dệt từ tơ mỏng manh gợi hư ảo kỳ lạ từ không thành có.

Để chứng minh tiếng Việt chớ âm thanh, gợi hình ảnh, Lưu Quang Vũ dựa vào nhạc cảm và trí tưởng tượng của mình. Anh nhận xét tiếng Việt nói mà như hát, chỉ bằng âm thanh mà đọc được vui buồn.

*Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng riú rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh*

*Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy
Một tiếng “vườn” rợp bóng lá cành vươn
Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng “suối”
Tiếng “heo may” gợi nhớ những con đường.*

Lưu Quang Vũ chứng minh bằng những nhận xét không chứng minh được nhưng người Việt mình ai cũng cảm nhận được, ấy là anh thấy “*dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh*”, thấy tiếng “*vườn*” thì “*rợp bóng*”, tiếng “*suối*” làm “*ngọt lịm ở đầu môi*”, tiếng “*heo may*” gợi nhớ những con đường xa vắng, tiếng “*làng*” tiếng “*nước*” tác động mạnh vào ta khi ta ở biển khơi xa đất hay ta ở rìa biên cương tổ quốc. Hồn dân tộc đọng thắm trong *Tiếng Việt* từ những sức gợi đó. Lưu Quang Vũ thấu tóm lại: ấy là khi tiếng Mỵ Châu khóc lạy cha già lúc quân Triệu Đà sắp đuổi tới, lúc thần Kim Quy đã hiện lên và lúc Thục An Dương Vương đã tuốt gươm ra khỏi vỏ, trong khung cảnh bi kịch ấy tiếng người con gái trong trắng cất lên. Tiếng ấy chất chứa nỗi niềm nào hằn chúng ta đều hình dung được.

Ấy là tiếng của Nguyễn Du trong *Văn chiêu hồn* và *Truyện Kiều* vằng vặc nỗi thương đời. Bài thơ đến đây có thể chuyển vào ý kết bằng bốn câu cuối cùng:

*Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ
Quên nỗi mình, quên áo mặc cơm ăn
Trời xanh quá, môi tôi hôi hộp quá
Tiếng Việt ơi, tiếng Việt ân tình.*

Ở giai đoạn này Lưu Quang Vũ đang phong phú và đa dạng những hình ảnh lẫn tình ý, anh phải nói cho hết điều anh cảm, anh còn trùng điệp tới 5 đoạn thơ, 20 câu nữa trước khi vào đoạn kết, nói rõ thêm những ý đã nói, nghĩ đây thêm những điều anh đã gợi người đọc nghĩ. Thêm vào nữa những ý gợi cảm :

*Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển
Có gọi thầm tiếng Việt mỗi đêm khuya?*

Và cả ý gắn vào thời sự lúc ấy :

*Ai ở phía bên kia cầm súng khác
Cùng tôi trong tiếng Việt quay về.*

Cũng như bao nhà thơ thế hệ chống Mỹ khác, ông hướng về nhân dân bằng tấm lòng thành kính. Tác giả nhìn thấy lòng căm thù của nhân dân trào lên trong cả cái chết, khi quê hương ngày đêm chồng chất xác người: *Người liệt sĩ nơi nghĩa trang nằm đó/ Cũng lên đường nhập với hàng quân (Đêm hành quân)*. Đi qua khỏi những năm 60, nhà thơ lại nghĩ về nhân dân trong nhiều nguồn cảm hứng đan xen, chẳng hạn trong sự thành kính pha lẫn xót xa:

*Máu ớt dẫm bàn tay khi tôi nâng xác bạn
Anh ấy chết cho Hà Nội của tôi*

(Viết lại một bài thơ Hà Nội)

Nhân dân ám ảnh nhà thơ trong những *giác mộng đêm, những bóng gầy lặng im, những nụ cười ràn rụa, những bà thím suốt đời không ngẩng mặt, những ông t-ớng mất thành chết chém, những đồng đội ngày xa, muôn người chết đứng lên cùng kẻ sống (Giác mộng đêm)* ... trở về đánh thức ông. Đứng lên từ sự thật buồn thương đó, Lưu Quang Vũ viết bài thơ “*Câu nguyện*” cửa đứt lòng người:

*Tôi không tin
Lỗ đinh trong tay t-ớng Chúa
Chúa của tôi ngồi ở bên đ-ờng
Ngủ gục trên nắp hầm trú ẩn
Chúa của tôi bom thiêu cháy xém
Chúa của tôi hát xẩm trên tàu điện
Chúa của tôi bới gạch tìm con*

Vào cái đêm mừng Chúa giáng sinh, nhà thơ cất lời nguyện cầu nhân ái cho người và chính mình: *Nguyện cho lòng tôi đừng nguội lạnh tình yêu*. Tín ngưỡng tôn giáo của ông chính là niềm tin trần thế. Trong ***Người cùng tôi***, L-u Quang Vũ đã đúc kết phẩm chất nhân dân ở cả hai mặt vốn có của con người. *Ng- ời cùng tôi bên bờ biển bão/ Người cùng tôi đầu ngọn gió mùa/ Người mở rừng mở đất bao la/ Bàn tay ta làm ra tất cả*. Nh- ng khi họ lại là những con người *an phận ngủ ngờ cam chịu*. Lời thơ hàm cả lòng tri ân và giận dỗi. Lưu Quang Vũ *thống nhất trong t- duy nghệ thuật, thất vọng th- ờng - ơm niềm tin*. Bằng cả nửa đời duyên nợ với thơ ca, L- u Quang Vũ thực sự nhận thức sâu sắc về nhân dân, gửi niềm tin vào họ: *Tôi cùng ng- ời chung lúa chung khoai/ Chung cơn bão chung cánh rừng lửa đạn/ Chung ca n- ớc d- ới đ- ờng hào nắng gắt/ Chung lá cờ chung ngọn lửa ban mai*. Dẫu để có đ- ợc nhân sinh quan tích cực này, L- u Quang Vũ phải đi trọn một vòng đời không mấy yên lành. Ông viết ***“Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi”*** với bút thơ thực sự thăng hoa, khao khát vô bờ:

Ước chi đ- ợc hoá thành ngọn gió

Để đ- ợc ôm trọn vẹn n- ớc non này

Niềm lạc quan có thể phải trả từ những nỗi đau xé lòng nh- ng thế hệ những nhà thơ chống Mỹ, trong đó có L- u Quang Vũ đã mang niềm tin khắc cả vào những vần thơ đậm tình dân tộc. Thơ ông đã lên đ- ợc thêm cao của yêu tin.

2.1.2. Cái tôi suy tưởng về lịch sử dân tộc

Khác với thơ mới 32-45- đào sâu bản thể - thơ từ 1945 trở đi mang tính chất hướng ngoại là chính. Thơ thể hiện những vấn đề lớn của thời đại, những vấn đề mà ai cũng quan tâm, liên quan đến số phận cộng đồng. Và Lưu Quang Vũ không chỉ là nhà thơ viết cho chính mình, thơ anh còn thể hiện những vấn đề bức xúc, những nỗi đau thương mang tầm nhân loại. Chiến tranh luôn là nỗi ám ảnh trong thơ Lưu Quang Vũ, và thể hiện thời đại chiến tranh anh đã có những cái nhìn độc đáo, tạo một âm hưởng riêng so với thời đại.

Nếu như Phạm Tiến Duật tạo được không khí chiến trường và tâm hồn tươi trẻ của người lính bước vào những năm chống Mỹ, đem đến giọng điệu thi

ca đầy chất lính tráng thì Lưu Quang Vũ, ngay từ khi mới xuất hiện đã mang “*một tiếng nói nhỏ nhẹ mà sâu*”. Tuy nhiên, trước 1970, Lưu Quang Vũ vẫn mang sự trẻ trung và niềm tin lớn. Với anh lúc ấy, chiến tranh - cuộc chiến đấu của dân tộc ta gắn liền với lý tưởng. Chất sử thi và lãng mạn là một trong những đặc điểm chính của văn học, Lưu Quang Vũ cũng nằm trong quỹ đạo chung. Với nhiệt huyết của tuổi trẻ, năm 1965, mười bảy tuổi anh xin vào bộ đội. Hình ảnh chiến tranh trong thơ anh giai đoạn này mang đầy chất lý tưởng. Ở đó không thấy hiện thực tàn khốc, sự huỷ diệt cũng chính là tái sinh, cả cái chết vẫn vẹn nguyên sự sống:

*Giữa trời khuya nghe tiếng súng nổ dồn
Từ trận đánh xưa công đồn lửa đỏ
Người liệt sỹ nơi nghĩa trang nằm đó
Cũng lên đường nhập với hàng quân*
(Đêm hành quân)

Sau những trận bom, cuộc sống vẫn bình yên:

*Nắng rung rinh khắp ngã đường Hà Nội
Còi báo yên vừa nổi
Chuông tàu đã leng keng*
(Chưa bao giờ)

Có nhiều lý do để lý giải vì sao thơ Lưu Quang Vũ thời kỳ này mang tính chất lạc quan như thế. Thứ nhất, đó là âm hưởng chung của thời đại: thơ phục vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu – thơ là vũ khí và “*nhà thơ cũng phải biết xung phong*”. Thứ hai, thời này anh còn trẻ, chưa va vấp với cuộc đời. Thứ ba, cũng có thể trong giai đoạn 65-70, đế quốc Mỹ mới trở lại xâm lược miền Bắc, tính chất tàn bạo khốc liệt không thể bằng những ngày cuối 1972.

Nhưng dù sao chúng ta thấy, cái nhìn của anh về chiến tranh trong giai đoạn sau đã khác hẳn. Đau đớn, dằn vặt, cái chết và sự huỷ diệt, những đoàn người khốn khổ... “*chúng ta đã đọc những tổn thất về người, về của, giờ đây chúng ta đọc thêm những tổn thất của tâm trạng*” [16.59]. “*Bây giờ tôi chỉ còn là một chiếc cốc vỡ, một vết thương*”. Nỗi đau của Lưu Quang Vũ thực ra là nỗi

đau chung của thời đại chúng ta, chỉ có điều, ngay lúc ấy Lưu Quang Vũ tự cho phép mình nói ra, anh cần phải nói ra, không thì “*không chịu được*” còn cả thế hệ lúc ấy cần phải vượt qua đau buồn, còn phải cứng cáp để đi lên. Trước chiến tranh, bom đạn, có lúc Lưu Quang Vũ như rơi vào những khoảng trống anh không lý giải được, không hiểu được:

*Cơ sự làm sao đến nỗi này
Mông lung không đoán được ngày mai
Máu chảy thành sông thây chất núi
Bè bạn tan hoang mình rã rời
Thơ Khánh buồn như lòng đất nước
Thơ hay đời loạn chẳng đâu dùng
Vườn cũ cây tàn chim chết cả
Người chơi đàn nguyệt có còn không*

**(Đêm đông chí, uống rượu với bác Lâm và bác
Khánh, nói về những cuộc chia tay thời loạn.)**

Lưu Quang Vũ như tạc nỗi buồn vào cả không gian và thời gian. Sự im lặng bao trùm tất cả. Màu tang thương bàng bạc khắp thế gian.

Mười hai ngày đêm Mỹ ném bom hàng loạt vào Hà Nội cuối 1972, mười hai ngày đêm chiến đấu cực kỳ anh dũng của quân dân ta. Có thể nói đó là một trong những chiến thắng vẻ vang nhất của lịch sử. Nhưng với sự tàn bạo chưa từng có, nhân dân ta đã đổ không biết bao nhiêu máu và nước mắt. Trái tim yếu đuối của chàng nghệ sỹ dường như không chịu được “*Cầu nguyện*” và “*Ghi vệt một đêm 1972*” là hai bài thơ tiêu biểu nhất nói về sự kiện này. Nỗi ám ảnh lớn nhất là cái chết, sự huỷ diệt của chiến tranh. “*Cầu nguyện*” viết trong đêm lễ Noel, những dòng người ngơ ngác như lạc loài trên mặt đất. Chỉ có hai màu trắng và đỏ, màu tang và màu máu:

*Mưa rửa sạch máu tươi trên đá lạnh
Những bé em nằm ngủ trong mồ
Trên hoang tàn tăm tối các cửa ô*

Tất cả là một đám tang dài. Hình ảnh Chúa lồng vào hình ảnh những con người đau khổ:

*Chúa của tôi ngồi ở bên đường
Ngủ gục trên nắp hầm trú ẩn
Chúa của tôi bom thiêu cháy xém
Chúa của tôi hát xẩm trên tàu điện
Chúa của tôi bới gạch vụn tìm con
Chúa của tôi đêm nay lang thang
Không cửa không nhà vật vờ đói rét*

Chiến tranh có thể cướp đi mọi giá trị mà con người làm ra, “*nhà cửa, đèn đài, thành phố*”, những người thân... Chúa của Lưu Quang Vũ chính là nhân dân. Cũng như “*Câu nguyện*”, “*Ghi vôi một đêm 1972*” là một bản cáo trạng, một bức tranh hiện thực:

*Lửa cháy đỏ trời bốn phía ngoại ô
Tro lá tả xuống mặt gầy hoang hốt
Em ném lên cao những đường tàu gãy nát
Những bàn ghế những lá thư những cánh tay người*

Đọc những dòng này ta liên tưởng đến những bức tranh chống Phátxít của Picátô. Màu đỏ của máu và màu vàng của sự tàn lụi. Những hình người bị biến dạng, những chính thể bị tách rời... Những vực thẳm sâu hút, những đường ray chênh vênh mỏng manh giữa sống và chết. “*Chiến tranh... là cái quái gì ấy nhỉ? Phải chăng nó chỉ gói gọn trong một định nghĩa mộc mạc là ngày nào cũng nhìn thấy người chết*” (*Ăn mày dĩ vãng... Chu Lai*). Thế giới huỷ diệt để rồi tái sinh, chẳng có gì mất cả, những vì sao lặn xuống để rồi sáng hơn ở bờ bên kia. Nhưng trong những trận chiến, sự tái sinh và hồi sinh ấy như một cái gì trừu tượng, nó thuộc về một quy luật nào đó, còn hiện tại là “*tê đại nổi kinh hoàng*”... Chính vì thế ngày mai là một ngày xa xăm, có thể không có thực, có thể sẽ không bao giờ tồn tại nữa. “*Tôi lớn lên giữa thời bạo ngược. Biết trông đợi gì, biết tin tưởng vào đâu*”. “*Nổi bất lực cửa lòng muôn kính nát...*” *Thành phố thân yêu không nhỏ bé như em. Để anh ôm trong vòng tay che chở*”. Đây chính là những “*tôn*

thất tâm trạng” như Vũ Quần Phương đã nói. Điều này lý giải vì sao có những người ra khỏi cuộc chiến đã mang những vết thương, những đố vỡ tinh thần không bao giờ hàn gắn được. Nó trở thành một nỗi ám ảnh, một ảm ức, một nỗi đau có lúc âm ỉ trong vô thức.

Và không chỉ là cái chết, còn có một nỗi buồn khác, những **“Khu nhà vắng trẻ con”**:

*Các em đã bỏ đi hết cả
Nỗi đau nhịp gâu gầy đở
Nỗi đau nhà tan gạch vỡ
Nhưng da diết nhất nỗi buồn
Mỗi khu nhà đều vắng bật trẻ con*

Trẻ con - đại diện cho thế hệ tương lai, cho sự hồi sinh của dân tộc, khu nhà vắng trẻ con sẽ thấy có gì đó như đang tàn lụi.

Hiện thực chiến tranh trong thơ Lưu Quang Vũ là hiện thực khốc liệt. Vừa là bản anh hùng ca nhưng vừa là một bi kịch. Tuy vậy, trong đau thương mất mát anh vẫn thể hiện quyết tâm vượt qua hoàn cảnh, vượt lên nỗi đau. Anh dẫn vật vì mình đã yêu đuối. Thơ anh mang tính nhân bản sâu sắc.

*Người đau thương, tôi gắng gượng mỉm cười
Gắng tin tưởng nhưng lòng tôi có hạn
Chiều nay lạnh tôi nghẹn ngào muốn khóc
Xin người tha thứ Việt Nam ơi*

(Việt Nam ơi)

“Xin người tha thứ Việt Nam ơi”. Đó là lời thú tội chân thành của con người đau khổ rời Lưu Quang Vũ. Anh luôn dẫn vật, luôn đấu tranh với bản thân mình. Trong sự mâu thuẫn nội tâm đó thể hiện một khao khát hoà bình mãnh liệt, một tình yêu gắn bó máu thịt với đất nước. Có lẽ hiếm có nhà thơ nào viết nên những lời tâm huyết, những câu thơ như máu ứa rất đỗi chân thành như anh:

*Tổ quốc là nơi toả bóng yên vui
Nơi nghĩ đến lòng ta yên tĩnh nhất*

Nhưng nghĩ đến người lòng tôi rách nát

Xin người đừng trách giận Việt Nam ơi!

Trong anh cháy lên câu hỏi “*đến bao giờ đến bao giờ nữa*”. Đến bao giờ Việt Nam được hoà bình, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. “*Tổ quốc là nơi toả bóng yên vui*”. Dù không viết những vần thơ hào hùng lửa cháy, nhưng phải nói đây là những vần thơ yêu nước nồng nàn. Nỗi đau của anh gắn liền với nỗi đau đất nước, số phận anh gắn liền với số phận đất nước, chặt chẽ tha thiết như máu thịt. “*Xin người, xin người...*”, thơ Lưu Quang Vũ là những vần thơ xuất phát từ trái tim nên những lời này cũng là những lời cầu xin rất tự nhiên của anh vậy, những lời cầu xin của một đứa con cảm thấy mình lạc lõng bơ vơ không đúng lúc. Vương Trí Nhàn nhận xét: “*Tận trong thâm tâm, mỗi người vẫn biết là có lòng mình, tâm trạng của mình ở trong những dòng thơ rách xé đó. Vốn xa lạ với mọi thư giáo huấn, dạy bảo, Vũ không hẳn cố ý làm lay truyền cái nôn nao buồn bã của mình. Nhưng có lẽ chính vì thế mà tiếng kêu của anh càng tội nghiệp. Nó giống như tiếng nước nở*” [20,124]. Và Vũ Quần Phương thì nhận xét: “*Nói lên ở Vũ là một cái gì đó rất đau đớn, thấy cuộc đời cay cực mà vẫn yêu đời và quyết bám lấy cuộc đời thô nhám này*” [16,124]. Thật vậy, dù tuyệt vọng hay vui sướng, Lưu Quang Vũ vẫn “*quyết*” bám lấy cuộc đời, sự sống và đất nước.

Lưu Quang Vũ là người luôn mang trong mình những linh cảm định mệnh. Anh hay buồn, chính vì vậy mà anh thường lo sợ. Những dự cảm hậu chiến trong thơ anh cũng chính là một nét độc đáo so với thơ đương thời. Những ngày cuối 1972 anh đã viết:

Cuộc chém giết lặng dần

Các dũng sĩ thân tàn ma dại

Đập nát những cây đàn quý

Ngôi nường thịt cóc ăn

Con mèo đi hai chân

Kêu lên tiếng trẻ khóc.

(Chiều cuối)

Vũ Quân Phương viết về mấy câu này như sau: Chiến tranh lúc ấy đang căng và không ai biết bao giờ nó kết thúc. Những câu thơ này chỉ là dự cảm hậu chiến đến nay, sau hơn mười năm chiến tranh kết thúc nhưng dự cảm ngỡ như quá khứ ấy không phải là không có lí [16,60]. Lưu Quang Vũ đúng là người “tiên hạ chi ưu”, anh lại rất có lý khi dự cảm trước những khó khăn về đời sống vật chất sau này. Trong khi hầu hết chúng ta nhầm tưởng rằng giải phóng dân tộc chúng ta sẽ thoát khỏi đói nghèo, sẽ no cơm ấm áo, sẽ tiến lên như Liên Xô hùng mạnh. Nhưng kết thúc chiến tranh, không tiếp tục nhận được sự viện trợ của nước ngoài, nền sản xuất yếu kém, nước ta đã bước vào một thời kỳ rất khó khăn về đời sống vật chất, thiếu gạo và thiếu tất cả mọi thứ cần thiết:

*Hoà bình đến mong manh
Nhiều tin đồn mà chẳng có gì ăn
Người đông phố chật
Quán cà phê mở khắp nơi
Chim buồn chiều hót khẽ ở đầu cây
Chiều như biển nằm xoài khi bão lặng
Còn ghê rợn tiếng gươm đao thù hận
Còn nổi buồn trống rỗng
Sau một đời chiến tranh*

(Liên tưởng tháng hai)

Tất cả những điều trên là linh cảm của Lưu Quang Vũ - con người không bao giờ thôi lo lắng cho tương lai. Những dự cảm của anh đã trở thành hiện thực khi đất nước bắt đầu lập lại hoà bình. Và những khó khăn lại được anh nhắc đến: Bây giờ lại bắt đầu những khó khăn của thời hậu chiến. *Chưa ai dựng nhà trên bãi nền đổ nát. Nơi máu đỏ quá nhiều chưa ai dám trồng hoa. Chưa ai yêu thương bên mộ huyết căm thù. Nổi trống trải già nua, những đôi mắt nghi ngờ. Những cửa biển những phố phường xa lạ (Tháng năm).* Nhưng dù sao, chiến tranh cũng qua rồi - điều khủng khiếp nhất đã qua rồi. Sự sống sẽ tái sinh “sẽ nói lại chiếc vòng sẽ đi hết con đường; bằng hi vọng của em trên mặt đất”. Trên tất cả thơ Lưu Quang Vũ cuối cùng vẫn là một niềm tin lớn.

Có thể nói rằng, trong cảm hứng về đất nước, cái làm nên sự độc đáo của thơ Lưu Quang Vũ tập trung nhất chính là ở những vần thơ về thời đại chiến tranh và những dự cảm hậu chiến.

Ra khỏi thời kỳ **“Cuốn sách xếp làm trang”**, bài thơ về đất nước trong thập kỷ 80 của anh **“Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi”** đã mang một âm hưởng khác nhưng nó vẫn là một thể thống nhất liền mạch. *“Giai đoạn trước đã kiến tạo cho giai đoạn sau. Sức nặng của câu thơ yêu đời được bắt đầu từ câu thơ mát mát”* [16,66]. Lưu Quang Vũ đã luôn cầu nguyện cho đất nước và con người Việt Nam. Có thể lấy đoạn thơ sau đây trong **“Người cùng tôi”** để nhấn mạnh thêm về tình yêu và cảm hứng về quê hương đất nước của anh:

*Giữa đau thương người đã nắm trong tay
Địa chỉ của niềm vui
Những lí do của hi vọng
Dạy tôi biết gieo trồng và cây gặt
Tôi tìm đời tôi trong số phận người
Tìm lẽ phải trên trán người bình tĩnh
Hạt muối tôi trong biển người vô tận
Chỉ khổ đau vì đau khổ của người
Chỉ sướng vui trong vui sướng của người thôi.*

Trong tập thơ **“Những bông hoa không chết”**, có một chùm bốn bài về Sông Hồng, ngoài ra còn có **“Năm 1954”**, **“Người báo hiệu”**, **“Khâm Thiên”**, ... là những bài thơ đi về phía dân tộc, cảm nhận về đất nước trong chiều dài lịch sử và chiều sâu văn hóa.

Dòng sông Hồng trong cái nhìn của cái tôi trữ tình Lưu Quang Vũ là dòng sông của thời gian, của lịch sử:

*Một con sông chảy qua thời gian
Chảy qua lịch sử
Chảy qua triệu triệu cuộc đời
Chảy qua trái tim mỗi người
Khi êm đềm khi hung dữ*

Dòng sông đó, trong cảm thức của cái tôi trữ tình, chính là nguồn cội của sự sống, của dân tộc, của tiếng mẹ đẻ, của những trang thơ, của mỗi cuộc đời:

*Một con sông rì rầm sóng vỗ
Trong muôn vàn trang thơ
Làm nên xóm thôn, hoa trái, những ngôi nhà
Tạo sắc áo, màu cây và tiếng Việt
Một giống nòi sinh tự một dòng sông*

Là người có kiến thức dày dặn về lịch sử và văn hóa, Lưu Quang Vũ đã có những cảm nhận thật sâu sắc về dân tộc trong chiều sâu của văn hóa, chiều dài của lịch sử. Cái tôi ấy nhìn một dòng sông không đơn thuần là dòng sông, cũng không phải là địa danh anh hùng trong kháng chiến mà được hiểu như một “hiện vật” gắn bó thiết thân với lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, là con sông lắng đọng phù sa của đất nước qua bao năm tháng. Nhìn dòng sông, cái tôi đó nhìn ra những lớp trầm tích lịch sử với bao nhiêu tầng sâu và giá trị mà không thể đo đếm chỉ bằng một lát cắt dọc của một thời đại riêng biệt. Đâu phải ngẫu nhiên mà nòi giống của một dân tộc bao giờ cũng gắn với “thủy tổ”, trên hành tinh này, có bao nhiêu nền văn minh không sinh ra ở một dòng sông? Sông Hồng – nơi đã sinh ra nền văn minh Bắc hà, con sông chảy qua thủ đô – trái tim của cả nước, cũng là con sông mà trong cái nhìn của cái tôi trữ tình Lưu Quang Vũ chính là cội nguồn của dân tộc, của tiếng nói và giống nòi. Sông Hồng trong cảm thức của cái tôi trữ tình Lưu Quang Vũ đã là biểu tượng của sự sống, của niềm vui, của hạnh phúc mới đang mở ra cho dân tộc hồi sinh, lớn mạnh:

*Máu ta mang sắc đỏ sông Hồng
nỗi khổ và niềm vui bất tận
luôn luôn mới đến, luôn luôn ra đi
luôn già nhất và luôn trẻ nhất
sông để lại trước khi về với biển
không phải máu đen độc ác của quân thù
không phải gươm đao ngàn năm chiến trận
không phải ghen ngào tiếng nấc*

*sau sụp đổ hưng vong thù hận sóng trào
là bãi mới của sông xanh ngát
là đất đai lấn dần ra biển
là tâm hồn đắm thắm phù sa
dâng yêu thương đỏ rục đôi bờ.*

Về điểm này, có lẽ cái tôi sử thi Lưu Quang Vũ đã gặp Nguyễn Khoa Điềm trong cảm thức “*đất nước này là đất nước của nhân dân/ đất nước của ca dao huyền thoại*”. Thế nhưng, ở hai nhà thơ này, cái tôi trữ tình suy tưởng về đất nước trong chiều dài lịch sử và chiều sâu văn hóa cũng vẫn có những điểm khác biệt. Nếu Nguyễn Khoa Điềm nhìn nhận dân tộc ở khía cạnh ấy thì Lưu Quang Vũ – với một cái tôi trữ tình mà bản chất sâu thẳm nhất vẫn là yêu thương và nồng nàn đắm đuối yêu thương – cái tôi trữ tình của anh nhìn thấy ở tận sâu hơn cả văn hóa, hơn cả lịch sử, đất nước này vẫn là đất nước của thương yêu. Bởi thế, dòng sông ngàn năm trải qua bao đau thương vẫn “*đắm thắm phù sa/ dâng yêu thương đỏ rục đôi bờ*”.

Cái tôi trữ tình suy tưởng về dân tộc đã lội ngược dòng về quá khứ đau thương để nhìn lại những gương mặt danh nhân, những trang sử hào hùng, cả những mâu thuẫn trong liệt căn tính (tính xấu) của dân tộc. Cái tôi ấy “bóc mẽ” cả những niềm tự hào tưởng như đã thành căn cốt của người Việt:

*Chúng ta nhớ gì ngày ấy? nước Nam
...Những ông quan võng lọng vẹo xiêu
Ham chọi gà và giỏi làm câu đố
Những đồng bãi bốn mùa nghèo đói
Những chiếu chỉ chữ Nôm*

Và tỏ niềm ngưỡng mộ với những bậc anh hùng lỗ vận của một thời đại nhiều nhưng:

*Ngọn đèn con leo lắt đêm đông
soi gương mặt một người thức trắng
Nguyễn Trường Tộ cô đơn đôi mắt sáng
viết tờ trần dâng vua*

*muốn trị thủy Hồng Hà
không thể dùng đê quai tạm bợ
phải đào hồ to khai thông đường sá
đến lúc cần trọng toán lí hơn văn...*

Cái tôi Lưu Quang Vũ nhập thân mình vào những con người vô danh của những ngày tăm tối ấy để cất lên tiếng nói về lịch sử, về những sự kiện bi thương của dân tộc một thời:

*Tôi là người lính già tóc bạc
Đi theo vua Hàm Nghi
Trong ngàn sân Quảng Trị xanh rì
Nhìn nhà vua trẻ măng
Tôi ôm đầu im lặng
Tôi quặn lòng nghẹn khóc
Nước mắt rồi chúng ta đi đâu?*

Đối diện với những sự kiện lớn của quá khứ để bàn về vấn đề sống còn của mỗi cá nhân, mỗi thân phận người trong cơn bão táp lịch sử, cái tôi Lưu Quang Vũ là cái tôi sử thi – nhân văn, hướng tới con người và vì con người. Cảm hứng ấy khiến cho cái tôi trữ tình Lưu Quang Vũ chỉ nhìn về một điểm độc sáng:

*Năm 72! Có thể thế được chăng
Hãy mở mắt ra trông
Vụ thảm sát xưa nay chưa từng có
Năm trái đất phóng bao tàu vũ trụ
Không nơi nào nói đến tình thương
(Khâm Thiên)*

Tình thương – thứ duy nhất cần, thứ duy nhất thiếu, cũng là thứ duy nhất cái tôi ấy đòi hỏi ở cuộc đời trong một năm tàn khốc 1972 – vụ rải bom B52 kinh hoàng mà mỗi người dân Hà Nội vẫn còn rùng mình khi nhắc lại.

Suy tưởng về đất nước và số phận con người toàn nhân loại, cái tôi trữ tình trong tập thơ “**Những bông hoa không chết**” có những ước vọng thật cao cả:

*Nếu trái đất này là một tổ quốc mênh mông
Mỗi nước là một cái làng
Trong làng nhỏ Việt Nam
Tôi đã sinh ra và đã yêu tất cả
...đến bao giờ mọi người thành ruột thịt
Những thành phố như con tàu trên biển
Đến bao giờ cặp bến yên vui
Trái đất xanh – tổ quốc của tôi ơi?*

Ước mong tất cả đều là ruột thịt, mỗi dân tộc là một ngôi làng trong tổ quốc, trái đất xanh, cái tôi sử thi đã vươn tới tâm nhân loại để nghĩ về hòa bình, về tình yêu thương, về sự sống.

Tập thơ được viết chủ yếu vào thời điểm năm 1975, bởi thế, cảm thức của cái tôi trữ tình về sự hồi sinh của dân tộc là một yếu tố không thể bỏ quên trong cái tôi sử thi Lưu Quang Vũ tập thơ này. Cái tôi ngập tràn hi vọng trước buổi bình minh của dân tộc - những ngày đất nước trở lại hòa bình - xuất hiện dày đặc và đậm nét trong suốt ba mươi tư bài thơ. Trước tiên, đây là cảm thức phủ nhận những gì đen tối của quá khứ, chối bỏ nỗi buồn đau, chờ đón và hi vọng ở niềm vui, hòa bình, hạnh phúc:

*Cho ta về lợp lại mái nhà xưa
Có nước lành có lửa ấm và hoa
Sẽ mọc lên chiếc liềm hái khổng lồ
Sẽ lớn dậy những thiên tài mới mẻ
Những ban mai không tả tơi đạn xé
Không ai phải chôn giấu điều mình nghĩ
Không còn ai đạp lên những mối tình
Không còn hàng rào, biên giới, nhà giam
(**Những đám mây ban sớm**)*

Nhịp điệu của ngày mới mở ra cho đất nước âm vang:

Những vua Hùng tóc râu bạc phới

Những em bé la khóc chào đời

Ông điệu dài nghi ngút khói bay

Chân người dậm dập dồn trên mặt trống

Điệu múa lớn của một ngày đang mọc

Ngọn lửa lớn của muôn đời nao động

Tâm hồn ta như sóng tới chân trời

Cái tôi suy tưởng về dân tộc, cái tôi hào khởi tươi vui trong những ngày độc lập đầu tiên của dân tộc, đó là những khía cạnh lớn của cái tôi sử thi Lưu Quang Vũ trong tập **“*Những bông hoa không chết*”**.

2.1.3. Trầm tư và triết lý

Trong thời kì chiến tranh, đứng trước sự mất còn của dân tộc, đối diện với những vấn đề quốc gia trọng đại, con người chủ yếu sống cho lí tưởng, hướng về những sự kiện lớn của lịch sử. Bởi thế, cái tôi công dân lẫn át cái tôi thế sự đời tư là điều dễ hiểu.

Cái tôi công dân của văn học chống Mỹ (hay gọi tên chính xác hơn là văn học thời chống Mỹ vì thuật ngữ này chỉ nhấn mạnh vào thời gian chứ không chú ý chỉ đến nội dung) chủ yếu đi về cảm nhận và bày tỏ thái độ ngợi ca với cuộc kháng chiến anh hùng bất khuất của nhân dân, ngợi ca dân tộc vững vàng trong khói lửa với cảm hứng sử thi làm nên âm hưởng chủ đạo cho dàn đồng ca *“Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng”* (Chế Lan Viên), *“Tổ quốc tôi như một thiên đường”* (Tố Hữu), cái tôi đó tự hào tin tưởng ngay cả những ngày gian khổ: *“tôi xẻ mình ra ngang dọc chiến hào/ cho liền sông núi vạn đời sau/ Việt Nam chín vạn ngày lửa đạn/ cho ngàn năm nhân loại ngẩng cao đầu”* (Chế Lan Viên). Hiện thực hào hùng của thời chống Mỹ được cái tôi công dân cảm nhận trên chiều kích của cảm hứng lãng mạn và con người đứng trên tư cách công dân để phát ngôn cho thời đại.

Cái tôi trữ tình Lưu Quang Vũ biểu hiện ở cái tôi công dân không nằm trong dòng chung này. Là cái tôi từ chối lí tưởng hóa, luôn có một cách cảm

nhận và phản ánh đời sống và hiện thực theo cách riêng, cái tôi công dân trong thơ Lưu Quang Vũ đã tìm thấy những ngã rẽ cho riêng mình. Trong các tập thơ của Lưu Quang Vũ cái tôi công dân là một cái tôi nhận thức về dân tộc và quốc gia theo chiều dài lịch sử - văn hóa, một cái tôi uyên bác, khám phá lịch sử và đất nước từ một góc nhìn rất sâu và bởi thế mà rất rộng.

Cái tôi thế hệ là một gương mặt khác của cái tôi công dân. Cái tôi công dân của văn học giai đoạn này là tiếng nói tự ý thức, tự biểu hiện của thế hệ trẻ về sứ mệnh của thế hệ mình: *“cả thế hệ dàn hàng gánh đất nước trên vai”*, quan niệm về nghệ thuật đơn giản mạnh mẽ: *“không có sách chúng tôi làm ra sách/ chúng tôi làm thơ ghi lấy cuộc đời”*. Trong tập thơ **“Bây ong trong đèn sâu”**, **“Những bông hoa không chết”**, cái tôi này góp mặt với những cảm thức rất sâu sắc về sứ mệnh của thế hệ mình:

*Chúng tôi đi
Cơn bão dữ thổi hai đầu đất nước
Tuổi trẻ, ước mong, những gì quý nhất
Đều trôi qua trong bụi xám chiến hào*

Thế nhưng, dẫu cùng chung cảm thức về thế hệ, cái tôi trữ tình Lưu Quang Vũ cũng có những điểm phân biệt: đó không phải là cái tôi nhập cuộc, dấn thân mà là cái tôi suy ngẫm, triết lí với những chua xót, cay đắng cho tuổi trẻ của mình, với những mộng ước không thành, những niềm đau che khuất mất tuổi thanh xuân, những mất mát không gì bù lấp nổi:

*Chúng ta ra đi chiến tranh mùa đông
Ta kịp biết gì đâu
Vừa hết trẻ con đã là người lính
...Đừng nói với ta những điều hào nhoáng về chiến tranh
Tuổi trẻ ta đã qua bạn bè ta đã chết
Ta đã vượt qua bao đèo cao chót vót
Bao điều nhà trường chẳng dạy cho ta*

(Những bông hoa không chết)

Lưu Quang Vũ – dù ở khía cạnh nào, ở bình diện nào, cũng vẫn là một cái tôi với cảm hứng nhân văn – nhân bản xuyên suốt. Trong cái nhìn của cái tôi đó, mọi sự lí tưởng hóa đều bị chối từ, mọi lời lẽ lập ngôn lập thuyết đều là sáo rỗng. Anh nói tiếng nói của riêng mình, cảm nhận hiện thực theo cách của riêng mình, bởi thế, cảm thức của cái tôi trữ tình Lưu Quang Vũ luôn đi một dòng riêng. Chúng tôi cho rằng, cái tôi trữ tình trong những bài thơ của Lưu Quang Vũ đã khái quát được những chân dung sống động của thời đại – của thế hệ một cách chính xác và thâm thía. Phải có một cái nhìn sâu và rộng thì mới có thể cảm thấy được rằng, thế hệ mình là *“Một thế hệ cứng đi như thời sắt/ Nhưng xoay ngăm vẫn cuộn ở lòng sông”*. Chiến tranh đã khiến con người thành những thứ quả “chín ép”, họ phải tự gồng mình lên, lao vào chiến tranh ngay khi *“vừa hết trẻ con”* để ở đó, học lấy cho mình những bài học cay đắng của cuộc đời có khi phải trả giá bằng cái chết. Và chiến tranh, bản thân nó không thể che đậy bằng bất cứ một mỹ từ *“hào nhoáng”* nào, tội ác của nó hiện lên trong từng số phận con người: *“tuổi trẻ ta đã qua/ bạn bè ta đã chết”*. Từ tư cách chứng nhân lịch sử, Lưu Quang Vũ đã đối mặt và viết về chiến tranh, về thời đại và thế hệ mình với những chi tiết tàn khốc nhất và chân thực nhất.

Cái tôi trong cảm hứng công dân là cái tôi có những cảm xúc chân thành và sâu sắc nhất trong tâm thức của một con người sống trong chiến tranh, tuy nhiên lại không đi theo dòng chung ngợi ca mà rẽ sang lối riêng, suy ngẫm và triết lí về thế hệ mình, về số phận con người trong cuộc chiến tàn khốc, ác liệt, máu nhiều hơn hoa, chết chóc nhiều hơn chiến công.

Cái tôi công dân là một yếu tố mới và đặc sắc trong thơ Lưu Quang Vũ thể hiện rõ nét trong các tập thơ anh. Cái tôi trong cảm hứng công dân với những góc cạnh độc đáo của nó làm cho gương mặt thơ Lưu Quang Vũ càng trở nên độc đáo hơn, đa diện hơn. Nhưng có lẽ, cái tôi công dân, cái tôi trầm tư triết lí vẫn chỉ là một phần mới mẻ, còn cái ẩn sâu đằng sau tâm hồn Lưu Quang Vũ, cái tôi chìm khuất nhưng đã là bản chất thơ Lưu Quang Vũ vẫn là một cái tôi thế sự đời tư.

2.2. Cái tôi trong đời sống riêng tư

2.2.1. Từ gia đình ra xã hội

Bên cạnh nguồn cảm hứng dân tộc, một phần không nhỏ thơ L- u Quang Vũ lấy đời th- ờng làm nguồn cảm hứng. Không thể phủ nhận L- u Quang Vũ cay xối nhiều nhất trên mảnh đất thơ tình. Ông là nhà thơ có t- duy h- ớng nội rất sâu song đích đến của một đời đâu chỉ có tình yêu. Con ng- ời còn phải đối mặt với bao nhiêu điều khác nữa. Vì thế, ông dành dụm một phần bút lực cho bọn bề đời th- ờng. Đó là tình cảm gia đình, tình bạn; là bản khoán với bao số phận mong manh...

Ng- ời mẹ tảo tần “*nhìn thấu tận đ- ờng xa*” đã trở thành nguồn cảm hứng ngọt ngào của thi sĩ. Tình th- ờng mẹ gửi cả vào những câu thơ viết về đời th- ờng xen cảm hứng dân tộc. Trên mỗi con đ- ờng nhà thơ từng hành quân, bóng mẹ trải dài. Đối với thế hệ thơ thời chống Mĩ, tình mẹ có thể dệt thành vô vàn thi phẩm. Trở lại thơ L- u Quang Vũ, mẹ chính là hiện thân của những điều thật thà, vĩnh cửu: *Mọi giả dối quanh co mọi tàn bạo hận thù/ Đều nát vụn tr- ớc mắt hiền của mẹ (Gửi mẹ)*. Cái tôi dần vật khi t- ờng nhớ về mẹ: *Ngày ấy hay mơ lắm sắc biển xa/ Ta ch- a biết trong ta có sóng cồn giận dữ/ Quá vô t- đôi khi ta chẳng nhớ/ Những nếp đau x- a trên trán mẹ già (Ngày ấy)*. Dẫu có lúc, ông cảm thấy đơn độc: *Tôi là đứa con cô đơn ngay khi ngồi cạnh mẹ/ Thành bé lẻ loi giữa lớp học ồn ào/ Bàn chân hồ nghi giữa đ- ờng phố xô xao (Mấy đoạn thơ)*. Nh- ng âu đó cũng là một cách L- u Quang Vũ chôn chặt nỗi niềm.

Và L- u Quang Vũ nhói đau trong lời viết về cha, khi ông và cha vĩnh viễn xa lìa. Nhà thơ đau trong tận đáy lòng bởi trên chặng đ- ờng kết đầy thành quả nghệ thuật của ông sau này, chẳng còn đ- ợc san sẻ cùng ng- ời. Nỗi đau mất cha thành lời chất vấn mang màu triết lí về lẽ sinh – tử. Lời thơ thảng thốt tr- ớc sự nghiệt ngã của thời gian: *Có lẽ nào/ Khi cánh cửa cuối cùng khép lại/ Chẳng còn gì ngoài cõi h- vô? (Buổi chiều ấy)*. Khi chứng kiến cuộc đời cha vĩnh viễn đóng lại, ông chạnh lòng tr- ớc vòng quay ngán ngùi của nhân gian. Có thể nói ở thập niên 80, sáng tác của ông không u buồn nh- những năm đầu 70 nữa. Song mỗi khi chạm đến những vấn đề xoay quanh số phận con ng- ời, mạch cảm xúc

và suy nghĩ cũng nối lại với giai đoạn tr-ớc trong chiều sâu đằm của tâm hồn đã có nơi trở về.

Thơ L-u Quang Vũ còn có một cái tôi khác – cái tôi trong thiên chức làm cha. Cái tôi sâu đậm hơn. Ông đếm nhịp sống của hai con ng-ời trong trái tim ng-ời mẹ bao la bằng cảm giác bồi hồi của một ng-ời sắp gắn đời mình với một sinh thể bé bỏng. Cái tôi hiểu đ-ợc chuyển biến khẽ khàng trong tâm lí ng-ời bạn đời đang sắp đến ngày trở dạ. Cái tôi đang trào dâng lòng yêu và chia sẻ: *Lần đầu tiên nghe con trở dạ/ Em quặn lòng nh-ng náo nức yêu th-ơng (Gửi em và con)*. Tác giả tâm tình với con thơ bằng lời ru đã cũ nh-ng ràn rụa th-ơng yêu. Khi đối diện với con, ông th-ờng giấu đi nỗi đau thật của đời mình, dù đắng cay đến đôn với ông t-ởng v-ợt quá sức chịu đựng:

Con ơi con hãy tha thứ cho cha

Cha chẳng thể sống cùng mẹ đ-ợc

Đời cha nặng gắt

Mẹ con cần suôi mát của đồng vui

(Nói với con cuối năm)

Nhà thơ nhận nhin, không để tiếng lòng mình nức nở thành lời. Nỗi đau mất tổ ấm gia đình càng làm cho tình cha sâu thẳm. Nh-ng vẻ khắc khổ vẫn hằn trên trang giấy. Đến *“Thằng Mí”, “Buổi chiều đón con”* thì cái tôi làm cha đã thôi bỡ ngỡ. Đây là những trang thơ đ-ợc viết bằng niềm vui của chặng đời có thể xem là thăng bằng nhất. Nếu tr-ớc đây, ông sợ chiến tranh và tổ ấm thiếu vắng tình mẹ, sợ những khổ đau lầm lạc đợi trên đường... làm tắt đi giọng hát ngọt ngào của đứa con đầu lòng mới tròn ba tuổi thì khi Mí (Quỳnh Thơ) chào đời, ông yên tâm hơn bởi đứa trẻ ấy đ-ợc sinh ra trong thời hậu chiến có tuổi thơ, sẽ tin cậy vào sự bảo bọc đầy đủ của mẹ cha. Tình th-ơng con đã vơi xốn xang, thấp thỏm. Nhìn chung khi đối thoại với con cái, thơ ông mang nhiều cung bậc.

Còn khi viết về bạn bè, ng-ời nghệ sĩ lại h-ớng đến từng mảnh đời riêng t- để cảm thông và chia sẻ: *Tôi không nén nỗi yêu th-ơng/ Mỗi lần nhìn các bạn tôi nằm ngủ/ Nghe tiếng nói khàn, tiếng nói mê, nghe nhịp thở (Những bạn khuân vác)*. Đó là tình cảm đ-ợc chất ra từ trái tim biết lắng nghe cả những thanh âm mệt mỏi của lớp ng-ời một đời cơ cực. Ông không bao giờ là ng-ời

ngoài cuộc quan sát mọi ng-ời quanh mình mà có cảm t-ởng ông hoá thân vào mỗi nhân vật trữ tình, nói giúp họ bao nhiêu điều thầm kín. Trong tình bạn còn có cả mối tâm giao h-ớng về văn ch-ơng, nghệ thuật; có cả những trở trăn về số phận thơ ca:

Thơ Khánh buồn nh- lòng đất n-ớc

Thơ hay thời loạn chẳng đâu dùng

V-òn cũ cây tàn chim chết cả

Ng-ời chơi đàn nguyệt có còn không?

(Đêm đông chí uống r-ượu với bác Lâm và bác Khánh, nói về những cuộc chia tay thời loạn)

Nếu nh- hầu hết sáng tác trong “**Hương cây**” lấy chất liệu từ chiến tranh thì sau “**Hương cây**”, thơ L-u Quang Vũ trở về với cuộc đời th-ờng nhật. D-ờng nh- trái tim bỏng rát của ông không còn đủ chỗ cho h-ớng cây, sắc cỏ ngày x-a ùa về. Nhà thơ cảm thấy mình mang nhiều nợ nần với cuộc đời quá. Ông nhạy cảm với bao nhiêu kiếp ng-ời bất hạnh, đúng nh- nguyện -ớc của nhà thơ lúc sinh thời, đ-ợc đấu tranh cho thân phận con ng-ời nhỏ bé. Trong hoà ca cách mạng, đây quả là một hồn thơ lạc nhịp. L-u Quang Vũ dừng lại tr-ớc bao nhiêu số phận đời th-ờng cụ thể. Đó là “*tuổi thơ không có tuổi thơ*”, là “*cô gái trở nên suồng sã*”. Là “*cô Kiều đàn nguyệt tặng chàng Kim*”, là “*ng-ời hoạ sĩ già mắt buồn ngơ ngác*”, là “*xích lô làm bụi lên cầu*”. Hay tác giả còn dồn tình th-ơng cho từng điều nhỏ nhoi vô tội tr-ớc bão lửa chiến tranh: *Bao bài ca xáo trộn trong tôi/ Có tiếng khóc của con chim gãy cánh/ Tiếng đau rên của ngôi nhà đổ sập/ Tiếng con thuyền không về đ-ợc bờ quen/ Tiếng m-a rơi trên ngọn cỏ yếu mềm...(Tôi chẳng muốn kỷ niệm về tôi là một điệu hát buồn).*

Thơ L-u Quang Vũ càng nhuần chín càng giàu chất suy t-ởng. Từ những hình ảnh cụ thể của đời th-ờng, tác giả khái quát đ-ợc những điều lớn lao hơn, đây ám gợi: *Muốn phá tan trên mặt đất/ Những t-ờng cao chia rẽ con ng-ời/ Những bóng ma đói nghèo cơ cực (Những ng-ời trẻ)*. Dừng ở “**Những tuổi thơ**”, chúng ta còn bắt gặp trong khoé mắt ông một nỗi u buồn nhân hậu. Bên trong những mảnh đời tuổi thơ nhàu nát đó là sự đảo lộn của tình ng-ời:

*Em gái m- ời lăm đã không còn thiếu nữ
D- ới mái tóc quấn trơ trụ vai gầy
Em đi đâu đêm nay
Để lòng tôi se lại*

Con ng- ời thơ nhiều chiêm nghiệm này không tránh hiện thực dù mỗi khi chạm đến nó, lòng ông quặn thắt. Chất thơ nh- càng đi xa dần khuynh h- óng của cả nền thơ hùng hực lửa hào hùng. L- u Quang Vũ một mình lặng lẽ trở về góc riêng dành cho những điều bình th- ờng mà cả dân tộc đang bận rộn với nhiều điều lớn lao, thiết thực hơn hình nh- đã bỏ quên nó.

2.2.2. Cái tôi trên mảnh đất tình yêu

Theo quan niệm của tác giả Hà Minh Đức: “Th- ờng thì cái tôi trữ tình trong thơ để bộc lộ trực tiếp trong tr- ờng hợp viết về chính bản thân mình và thơ thường phổ biến là cái tôi của tác giả” [8,74]. Dừng lại ở thế giới thơ tình L- u Quang Vũ, hẳn chúng ta sẽ ngẫm ngợi đ- ợc nhiều điều trần trở của cái tôi giữa cõi riêng t- thăm thẳm. Cái tôi trong thơ tình yêu của L- u Quang Vũ là hồn phách của nhà thơ. Trong dàn hoà tấu của nhà thơ cách mạng, L- u Quang Vũ riêng mình nắn nét cung đàn tình yêu. Bằng cái tôi nội cảm, L- u Quang Vũ gửi vào thơ niềm khắc khoải giữa tình yêu và số phận con ng- ời. *Anh là con ong bay giữa trời lặn đặng/ Trời đêm dài chẳng có một ngôi sao (Bây ong trong đêm sâu)*. Với một hồn thơ *âm thâm quặn quại vẫn yêu*, càng thấm thía vị đời, cái tôi trong thơ tình yêu của L- u Quang Vũ càng trải nghiệm. L- u Quang Vũ bình yên bên tình yêu đầu đời. Cái tôi thổ lộ yêu th- ơng bằng lời tự tình trong sáng. Chủ thể nhận ra một nửa đời mình giữa triệu con ng- ời: *Trong thành phố có một cây mát/ Trong triệu ng- ời có em của ta/ Buổi tr- a nắng bây ong đi kiếm mật/ Vào v- ờn rồi ong chẳng nhớ lối ra (V- ờn trong phố)*.

Cái tôi trữ tình thật sự hoà trong cái ta. Nh- ng ẩn sâu trong ta vẫn là một cái tôi mãnh liệt. Nghe trong câu thơ niềm kiêu hãnh của một trái tim yêu. Có khi, tình cảm lứa đôi trở thành hành trang bồi thêm sức mạnh cho ng- ời chiến sỹ dốc lòng ra trận. Phảng phất trong tình hậu ph- ơng dịu dàng mà bền bỉ:

V- ờn không níu đ- ợc b- ớc chân trở lại

Nh- ng lá còn che mát suốt đ- ờng anh

Cái tôi nhà thơ ở các sáng tác đầu tiên là cái tôi đắm thắm, ch- a va chạm và ít trở trăn. Con ng- ời hân hoan đặt hạnh phúc riêng mình vào tình cảm thiêng liêng. Nhà thơ ngân nga hát tiếng ca chung: *Em góp cả phần ngõ nhỏ của đôi ta/ Vào đ- ờng lớn trăm ng- ời đi tấp nập (Những con đ- ờng)*. Và trong cái t- ởng rất riêng, vẫn chứa đựng cảm xúc về quê h- ơng:

Bàn tay em đang bừng bông huệ trắng

Ôi bàn tay cầm súng

Bàn tay thơm mùi phù sa

(Ch- a bao giờ)

Màu sắc yêu tin giảng đây những bài thơ đầu tiên. L- u Quang Vũ mang trên vai khát vọng đ- ọc hát khúc *quân hành cả n- ớc ngân vang*. Bởi thế thơ của ông dành cho ng- ời vợ trẻ cũng tình tứ trong chừng mực, chân thành. Từ tình yêu của mình, ông cảm nhận được những điều rất “con người”: *Trao cảm th- ơng hai bàn tay nắm chặt/ Nghe máu mẹ cha chuyển giữa mỗi tay mình (Hơi ấm bàn tay)*.

Trong tập thơ “**Hương cây**” và những tác phẩm cùng thời với “**Hương cây**”, cái tôi nhà thơ run rẩy trong niềm hạnh phúc lứa đôi: *Lòng anh hồi hộp nh- con suối/ Thao thức mùa xuân giữa đất trời (Mùa xuân lên núi)*. Lời thơ băng khuâng, rạo rức; thiên nhiên hình nh- cũng thao thức cùng ng- ời. Nh- ng cái tôi trữ tình vẫn không thấy đ- ọc cuộc đời tròn trịa. L- u Quang Vũ đã mang đến mỗi ngày trong chuỗi ngày bình yên, thơ ông đã xáo động:

Ngực anh thở gắn liền với đất

Dẫu nhiều đêm anh khát những chòm sao

(Đất)

Bất hạnh sớm đón đợi nhà thơ ở độ tuổi lẽ ra con ng- ời chỉ mới bắt đầu xây đời. Cái tôi loay hoay với bao nhiêu câu hỏi của đời mình: *Có lẽ nào em là xa anh? (Mấy đoạn thơ...)*. Sau khi gia đình rạn vỡ, nhà thơ không tìm đ- ọc nơi n- ơng náu để nghe lòng dịu êm nh- ngày x- a. Mất niềm tin, ông cô đơn đến

giàng xé. Con ng- ời càng thấm thía cảm giác trống trải: *Nhớ vai em chập chờn
hoa gạo đỏ/ Nhớ vầng trăng xế nửa lúc xa xôi (Từ biệt).*

Đây là lời tâm sự xót xa trong tập thơ “**Bây ong trong đêm sâu**” – tập thơ chỉ kịp đến với ng- ời đọc khi nhà thơ đã ra đi. Trong khổ đau, sáng tác là nơi tr- ớc nhất để ng- ời thơ thành thực giải bày. Nỗi đau thốn thức thành lời làm nên những vần thơ đẹp đến muốn khóc. Nh- đã khẳng định, thơ L- u Quang Vũ in đậm dấu ấn cái tôi cá thể. Ông *miệt mài tự họa chân dung bằng chất liệu của một đời nghiệm suy*. Đây có thể là cái tôi lạc phách thời đại – một thời đại mà con ng- ời ta phải cố quên đi cái riêng t- để h- ớng về những điều lớn lao gắn liền với sinh mệnh dân tộc. Nh- ng với độ lùi về thời gian, chúng ta có hơn 20 năm để nhìn lại thơ ông, một khoảng thời gian không ngắn đủ để nhìn nhận lại một hiện t- ợng văn học. Ng- ời đọc sẽ lắng nghe đ- ọc nơi ông tiếng lòng của một cái tôi lặng lẽ th- ơng đời.

Cái tôi cô đơn đến tuyệt vọng. Không hiếm khi chủ thể ném trái mình đến tự trào: *Mất hạnh phúc rồi - , nh- ng anh cần chi hạnh phúc/ Hai tiếng xa vời hiểu rõ nghĩa từ lâu/ Ừ thì ngẩn ngơ anh đành nhận thế/ Giọt lệ trong không tủi hổ gì đâu (Anh đã mất chi anh đã đ- ọc gì)*. Giai đoạn 1971 – 1972 có thể xem nh- một cơn địa chấn nhỏ trong cuộc đời nhà thơ. Nỗi niềm của ông d- ờng nh- xa lạ với xung quanh. Tình yêu đầu đời sớm rời xa L- u Quang Vũ. Cái tôi đau đến nỗi không thể chôn chặt lòng mình. Nh- ng chủ thể cũng tìm ra nguyên nhân do sự đổ vỡ, để chịu đựng và ... tha thứ. Hình nh- ông đã chuẩn bị đón nhận cuộc chia tay tất yếu này:

Hai ta không đi một ngã đ- ờng dài

Không chung khổ đau cùng chung nhịp thở

(Từ biệt)

Và d- ờng nh- thể chỉ có tình yêu mới đủ sức tái sinh sự sống cho ông? Như tâm niệm của nhà thơ lúc sinh thời: “*Sự đầy đủ của cuộc đời con ng- ời là ở chỗ tìm thấy tình yêu, mặc dù tình yêu ấy có thể không ở lại cùng ta suốt đời*” [52,54].

Nhiều bài thơ tình của L- u Quang Vũ đều biết về *một ng- ời đàn bà không có tên* nào đó. Ngọn lửa yêu đ- ơng t- ởng chùng đã tắt đã lại nhóm lên, nh- ng nụ hôn vẫn rơi vào khoảng không cùng: *Trời xanh và cánh rộng/ Anh hôn từng ngón tay/ Anh hôn làn tóc xoã/ Trên trán buồn âm u/ Anh hôn lên đôi mắt/ Môi chạm vào bao la (Thơ tình viết về một ng- ời đàn bà không có tên II).*

Có thể nhân vật không tên là hiện thân của niềm đam mê ch- a thể nào với đ- ợc. Nh- ng cái tôi vẫn đeo đuổi, nh- đeo đuổi một khát vọng sinh thành thơ ca:

*Những dòng thơ giăng xé giày vò
Là mây trắng của một đời cay cực
V- ợt lên trên những mái nhà chật hẹp
Em là mây trắng của đời tôi.*

(Thơ tình viết về một ng- ời đàn bà không có tên III)

Vào khoảng thời gian này, đâu chỉ mình L- u Quang Vũ viết về tình yêu - đề tài muôn thuở nh- chuyện cổ tích không thể già nua. Nh- ng không nhiều tiếng thơ đau đớn với niềm riêng ấy. L- u Quang Vũ tìm đến thơ tình yêu tr- ớc hết nh- một sự giải tỏa tinh thần. Tình yêu của ông nhiều trần trở quá:

*Anh cũng th- ơng em suốt đời trên sóng n- ớc
C- ớp đ- ợc tàu anh t- ởng có ngọc vàng
Ngờ đâu chỉ là ván nát sàng hoang
Còn trơ lại hồn thơ tai ác quá*

(Bây ong trong đêm sâu)

Phải nói cái tôi mang tình mình trải chân thật lên mỗi lần yêu. Trong một bài thơ văn xuôi, hình ảnh *ng- ời đàn bà không có tên* một lần nữa trở lại; nh- ng lần này, tình yêu đã đạt đến độ thấm thía, đủ cả hai chiều rộng và sâu:

*Khi em quay mặt đi, tóc loà xoà gáy lạnh,
Anh biết đâu kia còn những giọt n- ớc mắt
Nỗi đau buồn xói lở những lòng sông.*

(Văn thơ tình viết về ng- ời đàn bà không có tên)

Vốn là ng- ời đa cảm, L- u Quang Vũ lại trải lòng mãnh liệt trong tình yêu mới – mối tình dành cho một hoạ sỹ tài hoa. Cái tôi không thôi đắm đuối, mạn

nông nh- ng lời yêu đã nhuộm đắng cay, d- ờng nh- thiếu hẳn về tự tin, hy vọng: *Em gầy nh- huệ trắng xanh/ Ngọn lửa nhỏ giữa hai vệt thắm/ Em tê dại em âm thầm kiêu hãnh/ Em cô đơn nh- biển lạ lòng ơi. (Lá thu)*. Phải chăng nhà thơ ám ảnh về hạnh phúc gia đình một lần nghiêng ngả. Có lúc, cái tôi nghi ngờ cả đến những điều thật nhất: *Chẳng lời ru nào làm anh yên lòng cả/ Anh nghi ngờ cả đến giọt s- ong rơi (Những ngày chưa có em...)*. Niềm bi quan ấy có thể dễ dàng lý giải. Khi những nỗi niềm đau khổ vẫn ch- a nguôi, con ng- ời không dễ lấy lại tin yêu. L- u Quang Vũ lại vốn là ng- ời chỉ tin vào những gì ông đã từng trải nghiệm; vì thế trong ông là bao trần trở, linh cảm mơ hồ:

Cậu bé con đôi mắt ngậy thơ

Đã đánh mất kho vàng và tiếng hát

Anh bỏ hồ trong, bỏ v- ườn cây mát

Đi tìm chân trời nh- ng chỉ thấy cô đơn

(Những ngày chưa có em...)

L- u Quang Vũ xót đau nh- ng không hụt hẫng nh- ngày x- a; bởi ông đã một lần dang dở cuộc sống vợ chồng. Nhà thơ vùi thời gian vào: *Những bức tranh nổi gió ở trên đ- ờng về/ Phía nào cũng hàng rào tr- ớc mắt/ Thế giới có bao nhiêu t- ờng vách/ Ngăn cản con ng- ời đến với nhau (Mấy đoạn thơ...)*. L- u Quang Vũ tự cảm thấy không còn gì trong đời có thể làm ông vội đi hoang vắng và quạnh quẽ: *Có những lúc tâm hồn tôi rách nát/ Nh- một chiếc lá khô nh- một chồng gạch vụn (Có những lúc)*.

Cái tôi không tránh khỏi chông chênh. Nh- ng tận sâu tâm thức cái tôi *chẳng bao giờ chịu ở với bờ yên là phút khát vọng thành màu trên khung vải (Ng- ời con giai đến phòng em chiều thu...)*. Sức gió lại thổi bùng lên trong “tôi” nỗi khát khao yêu người: *Thời đau khổ chung quanh đều đổ nát/ Nỗi cô độc đen ngòm nh- miệng vực/ Tôi muốn đi tới đích cùng em/ Tôi phải đi tới đích cùng em (Lá thu)*. “ Về bản chất, thơ trữ tình biểu hiện khát vọng của con người” [1,36]. Tự đáy lòng ông là sự khát thèm từng phút giây yêu sống: *Dẫu bao lần ng- ời làm tôi thất vọng/ Tôi vẫn yêu ng- ời lắm lắm ng- ời ơi/ Tình yêu tôi nh- một tiếng chuông dài/ Làm run rẩy hoa hồng trên ngực nắng (Có những*

lúc). Chính mâu thuẫn trong đời sống nội tâm tạo nên sự thống nhất trong t- ởng nghệ thuật của L- u Quang Vũ. Hầu nh- cả cuộc đời ông hiến dâng cho nghệ thuật, cho lẽ sống, cho tình yêu bằng *cái nhìn biện chứng: Đời sống là bờ/ Những giấc mơ là biển/ Bờ không còn nếu chẳng có khơi xa (Giấc mơ anh hề)*. Cái tôi giai đoạn cuối những năm 70 đã thôi loay hoay với nẻo đ- ờng nhọc nhằn đi tìm hạnh phúc. Sau một chặng đời nhìn thấu mọi buồn vui, sau khi vết th- ơng một thời xói lở tâm hồn đ- ọc khô lạnh, cái tôi thay đổi quan niệm về cuộc sống và con ng- ời. Rõ ràng, thơ là tiếng nói chân tình nh- ng cái thật đó phải đ- ọc chấp thành mơ - ớc. L- u Quang Vũ đã trọn vẹn trong thiên chức ng- ời nghệ sĩ, viết những vần thơ *tự v- ợt mình*. Thơ ông ảm dần lên. Nhà thơ đ- a bạn đọc chạm đến vùng mơ - ớc trong tập thơ “**Mây trắng của đời tôi**”. Cả tập thơ chất chồng khát vọng đ- ọc v- ợt lên bao nhiêu bó buộc của một cuộc đời. Ng- ời đọc ngạc nhiên tr- ớc sự đúc kết sâu sắc về cảm giác có đôi của thi sĩ (mà th- ờng dễ mấy ai thấu đ- ọc):

Phải xa em anh chẳng còn gì nữa

Chẳng còn gì, kể cả nỗi cô đơn

(Em vắng)

Chủ thể trữ tình một thời t- ởng không giải thoát đ- ọc cho mình khỏi tình cảnh cô đơn thế mà giờ đây lại khát thèm đ- ọc lấp đầy khoảng trống tâm hồn, bằng đủ cả đam mê, cồn cào, âu lo, chờ đợi... Thơ Lưu Quang Vũ *càng về chặng cuối càng giàu lí lẽ*. Đó là cách lí giải của một tâm hồn thơ đã đạt đến độ nhuần chín, lắng sâu qua nhiều đ- ọc – mất. Nh- ng một điều gì ch- a thể gọi thành tên khiến nhà thơ mơ hồ linh cảm. Đồng hiện trong tâm hồn tác giả là ngổn ngang pháp phủng về một cái gì đó rồi sẽ bỏ quên: *Anh biết tình yêu không phải vô biên/ Nh- tia nắng, chúng mình không sống mãi/ Nh- câu thơ, chắc gì ai đọc lại (... Và anh tồn tại)*. Nhà thơ không che giấu nỗi âu lo dù đã giành lại niềm yêu tin từ cuộc sống. Ông đã có không ít lần vấp vấp đủ để nghiệm ra rằng chẳng có gì trong đời là không thể xảy ra. Dự cảm khiến con ng- ời càng khao khát, càng muốn sống thật tròn đầy, dẫu muôn đời đó chỉ có là - ớc vọng.

Trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ, đặc biệt là thế giới thơ tình, cái tôi th- ờng mang hoa chăm chút, điểm xuyết tâm hồn. Mỗi loài hoa là một

tâm trạng của người nghệ sĩ, là một cung bậc cảm xúc của cái tôi trữ tình. Dù hoa chỉ thoáng trong thơ ông nhưng lại góp phần không nhỏ trong việc thể hiện tâm trạng thâm kín, phức tạp của cái tôi. Hoa muôn đời vẫn là biểu tượng của cái đẹp thanh khiết, là nguồn thi liệu truyền thống của thơ ca. Trong nền thơ hiện đại, không ít phụ nữ như Xuân Quỳnh, Lâm Thị Mỹ Dạ, Ý Nhi ... mang hoa rắc đầy vườn thơ tình yêu. Xuân Quỳnh làm thơ trên một mặt đất đầy hoa. Thế giới hoa trong thơ Xuân Quỳnh phần nhiều đơn sơ, dân dã. Đó là “*những kiếp hoa dại*” (chữ dùng của Vương Trí Nhàn). Với một trái tim còn cào nỗi nhớ, Xuân Quỳnh tìm thấy trong dáng dấp hoa đong nét của cuộc đời. Trong khi đó, Lâm Thị Mỹ Dạ đốt cháy lòng mình bằng những loài hoa đầy cá tính. Ấn tượng nhất trong những trang thơ viết về hoa của cái tôi khát vọng ấy là câu chuyện cổ tích về loài *hoa vọng phu*:

Hôn biêng biếc trong ngân

Sáng lạnh từng bông lạ

Lặng im mà ngân vang

(Sự tích hoa đỏ)

Còn hoa trong thơ Lưu Quang Vũ cũng rất đời, hoa đong tình ông. Có khi chúng tự mang tên: *hoa sen, tâm xuân, hoa vông, hoa cúc, hoa nhài, hoa bất tử*; nhưng thi thoảng xuất hiện một số loài hoa đợc cái tôi tâm trạng đặt tên: *hoa tuổi thơ, hoa biển, chùm hoa ngày cũ, hoa ngoại ô*... Hầu hết trong thế giới thơ Lưu Quang Vũ là những loài hoa thoáng hơng đồng quê. Hiếm tìm thấy trong vườn hoa ấy những màu hoa khuê các. Hoa trong thế giới thơ ông thường mang nhiều nỗi niềm. Có thể là chút vấn vương, là nỗi nhớ; có thể là một niềm vọng tưởng đến cùng: *Hoa tìm mùa xuân suốt đời chẳng gặp/ Anh suốt đời chẳng gặp sắc tâm xuân/ Em hôn nhiên em chẳng biết anh buồn/ Em cứ kể về loài hoa bé nhỏ/ Những chùm hoa nở bừng trong gió/ Những chùm hoa ngày cũ chết lâu rồi (Hoa tâm xuân).*

Nếu như hoa phẳng phất hơng dịu nhẹ trong tập thơ đầu tiên thì đến những trang di cảo, hoa như - ốt đẫm nước mắt của cái tôi cay đắng. Nhưng không mất niềm tin vào tình hoa nhân ái, cái tôi chẳng từ bỏ - ớc mơ. Trong

mạch thơ nửa cuối những năm 70, ngay trong tập “**Bây ong trong đêm sâu**”, cái tôi đã reo lên khi tìm thấy một loài hoa mà sau này nó gắn với đời ông nh- định mệnh – hoa cúc vàng. Nhiều lúc bất chợt ta gặp một L- u Quang Vũ chuyên cần đi tìm lại loài hoa của ngày x- a. Lúc này, hoa đã là tri kỉ. Mỗi khi nghĩ về Xuân Quỳnh là ông lại mừng tượng đến bao nét vẽ về hoa. “*Hoa vàng ở lại*” đ- ợc viết từ cảm xúc r- ng r- ng:

Những cánh đồng hoa cúc mọc r- ng r- ng

Chùm nắng lạ t- oi vàng trên cỏ dại

Trăng ngả xuống cho hoa mềm thức dậy

Những bức t- ờng lấy bầy bóng hoa lên

Ở chặng đời sau, d- ờng nh- L- u Quang Vũ rất thủy chung với một màu hoa – màu vàng hoa cúc. Nó trở thành nỗi ám ảnh từng ngày trong ông. Tình yêu thiên nhiên lại sống dậy cùng với sự tái sinh của con ng- ời, sau khi cái tôi ngoảnh đầu nhìn lại tháng ngày mình đã qua.

Cái tôi trữ tình trong thơ tình yêu của L- u Quang Vũ đã đi một chặng đ- ờng dài để về với đích cuối của cuộc đời – hạnh phúc. Nếu trong “**Hương cây**”, nhà thơ lắng nghe nhịp tim *đập dồn* của ng- ời bạn đời đang ấp iu một mầm sống mới thì gần cuối đời, L- u Quang Vũ lại chùng lòng, thủ thủ cùng một trái tim đau – sống quá sức vì hi sinh, vì tận tụy chắt chiu từng giọt hạnh phúc gia đình, và vì bệnh tật: *Em trở về đúng nghĩa trái tim/ Là máu thịt, đời th- ờng ai chẳng có/ Vẫn ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa/ Nh- ng biết yêu anh cả khi chết đi rồi (Tự hát – Xuân Quỳnh)*. Hình nh- cái tôi nhà thơ giấu đi giọt n- ớc mắt lăn trên lời nguyện cầu da diết của mình, trong một sáng tác cuối đời:

Trái tim hãy vì anh mà khoẻ mạnh

Trái tim của mùa hè, tổ ấm chờ che anh...

(Th- viết cho Quỳnh trên máy bay)

Suy đến cùng, đời sống vốn nhiệm màu, cho hai trái tim yêu đ- ợc kê bên nhau khi từ giã cõi đời. Đúng nh- lời thơ mà Xuân Quỳnh từng tâm niệm trong một lần “*tự hát*”, đ- ợc sống hết mình cho tình yêu sau cõi chết. Và lòng tri ân

của độc giả hôm nay là món quà vô giá mà cuộc đời đã dành tặng cho một nhà thơ nặng lòng vì nghệ thuật và một gia đình nghệ thuật nặng lòng với văn ch-ong. Âu đây cũng đúng là sự đồng vọng về sinh thời, L- u Quang Vũ luôn mong mỏi tìm kiếm. Tác giả Trần Đăng Xuyên từng nhận định: “*Một tuổi 40 cũng gần nh- hội đủ mọi trải nghiệm của cuộc đời, trong đó phần đời riêng, t- ởng là rất riêng của L- u Quang Vũ cũng hoá thành một mảnh, một phần hữu cơ của cuộc đời chung*”[25,437].

Quả thật, càng đi sâu vào thế giới thơ L- u Quang Vũ, chúng tôi càng thấy rằng cõi thơ ông đầy ắp những câu chuyện riêng t-. Nh- ng đó không hẳn là cõi đời của chỉ riêng ông: *Dành cho em, mặt trời không giấu che/ Rọi gay gắt những đ- ờng rừng uẩn khúc/ Sau đá nhọn, bỗng ào ào suối mát/ Dành cho em, vầng trán của mùa hè...(Dành cho em)*.

“*Cái tôi trữ tình như một nhân tố khởi sự và hoàn tất của cuộc sáng tạo trữ tình*”[1,36]. L- u Quang Vũ đã hoàn tất hành trình sáng tạo với một *cái tôi đi từ mạch cảm xúc thanh trong, dịu nhẹ ở các sáng tác đầu tay đến sự thức nhận sắc sảo, nhuần chín khi hồn thơ đong đầy gió bão*. Cuộc sống trong chiến tranh và cả trong thời hậu chiến đều đ- ọc bóc trần nh- nó vốn có. *Con ng- ời là gì đối với nhau?* mãi là dấu hỏi dài trĩu nặng trong tâm t- không chỉ của một thời. Thơ L- u Quang Vũ thực sự đã vỗ sóng nhân gian, dấu dịu êm hay dữ dội đều là con sóng của một trái tim khao khát yêu ng- ời:

Những ngọn lửa vô hình ch- a kịp có tên

Dòng nhựa trong cây, mùa xuân trong dòng nhựa

Cơn gió ẩn sau buồm, chân trời sau biển cả

Những nhịp cầu

Nổi hạt cát với ngôi sao

(Mây trắng của đời tôi)

CHƯƠNG 3:
NHỮNG PHƯƠNG THỨC NGHỆ THUẬT
THỂ HIỆN CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ LƯU QUANG VŨ

Mỗi tác giả có một thế giới nghệ thuật riêng, một cách chiếm lĩnh đời sống riêng. Trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác, đôi khi nhà văn có một số hình tượng xuyên suốt, nhưng trong một tác phẩm cụ thể, nhà văn cũng có thể xây dựng những hình tượng mang tính độc lập. Nếu như hình tượng nghệ thuật của văn xuôi chủ yếu là con người, thì hình tượng nghệ thuật của thơ đa dạng và phức tạp hơn, nó không chỉ là hình tượng nhân vật trữ tình mà còn có bóng dáng – thế giới hình ảnh – những ấn tượng, những ám ảnh tồn tại trong tiềm thức nghệ sỹ. Văn xuôi đòi hỏi có một tư duy logic chặt chẽ thì với thơ sự ngẫu hứng đôi khi là yếu tố cần thiết. Chính điều đó khiến thơ mang nhiều tính chất chủ quan và tác có thể tự nhiên bộc lộ mình. Đây chính là điều kiện để nhà thơ thể hiện thế giới tinh thần của mình với những nỗi ám ảnh, những suy nghĩ trở đi trở lại, những kí ức những kỉ niệm đã ăn sâu vào trong tâm thức của nhà thơ. Vì vậy trong sự nghiệp của một số tác giả ta thấy có những hình ảnh mang tính chất biểu tượng được lặp đi lặp lại trong nhiều tác phẩm. Nghiên cứu thơ Lưu Quang Vũ chúng ta thấy anh đã tạo được một thế giới thơ của riêng anh. Những hình ảnh được lặp lại rất nhiều lần là dấu ấn của một thế giới tinh thần luôn dằn vặt, khao khát và đổ vỡ. Chúng đã trở thành những hình tượng đa nghĩa, với tính biểu trưng cao. Những hình ảnh ấy, cũng là sự thống nhất cao độ giữa các mặt đối lập : chủ quan và khách quan, lý trí và tình cảm, cá biệt và khái quát, hiện thực và lý tưởng, tạo hình và biểu hiện, hữu hình và vô hình... Tất cả đều nhằm thể hiện một cách chân thực và sống động một cái tôi trữ tình đau đớn, xót xa với thực tại nhưng cũng nồng nàn, say đắm trong tình yêu. Đó chính là cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ.

3.1. Biểu tượng thơ

Biểu tượng là một trong những thành phần cấu tạo nên thơ, nhưng sử dụng biểu tượng như một thủ pháp thường trực và mang tính hệ thống không

phải là đặc điểm mà bất kì nhà thơ nào cũng có. Đọc thơ Lưu Quang Vũ, ta thấy rất nhiều hình ảnh được lặp đi lặp lại, trở thành một nỗi ám ảnh, như đất nước, mưa, gió, lửa, các loài hoa...và nó trở thành một hệ thống biểu tượng trong thơ anh.

3.1.1. Đất nước

Không phải vô tình mà Lưu Quang Vũ có được *Đất nước đàn bầu* hay đến thế. Dù thể hiện hay không thể hiện, và thể hiện dưới hình thức nào, thì trong sâu thẳm tâm lòng của người con ấy vẫn luôn trăn trở về hình ảnh đất nước, tổ quốc thân yêu, nhất là khi điều mình thương yêu ấy lại đang phải chịu nhiều lầm than, cơ cực. Đất nước được hiện diện trong thơ Lưu Quang Vũ với nhiều cách gọi khác nhau, khi trang trọng như Tổ quốc, Đất nước, khi khẳng định chủ quyền bằng hai tiếng Việt Nam, nước Việt, khi thân thiết gần gũi như Quê hương, khi thì Tổ quốc lại hiện diện trong hình ảnh Dân tộc, Nhân dân.

Theo sự thống kê của chúng tôi, từ Đất nước với 24 lần xuất hiện được Lưu Quang Vũ nhắc đến nhiều nhất, và xuất hiện đều đặn, xuyên suốt cả mấy giai đoạn thơ ông (tần số xuất hiện này khác với tần số của từ Quê hương và Tổ quốc mà chúng tôi sẽ phân tích ở dưới). Cũng dễ hiểu, bởi vì đó không chỉ là cách gọi bao quát nhất, thông dụng nhất, mà nó còn đi vào thơ ca thời kì này nhiều nhất với nhiều bài thơ đã trở thành bất tử.

Quê hương được nhắc đến đậm đặc trong giai đoạn đầu của thơ Lưu Quang Vũ. Quê hương chính là nơi mình sinh ra, nơi chôn rau cắt rốn, mà “*mỗi người chỉ một... Nếu ai không nhớ sẽ không lớn nổi thành người*” nơi có nhiều kỉ niệm tuổi thơ, với tác giả đó là mùi lá bưởi, lá chanh theo mãi mỗi bước quân hành:

Dáng quê hương trong cây lá hiền lành...

Cây lá nơi này cây lá quê hương

(Lá bưởi lá chanh)

Đó là những con đường: “Con đường quê hương, con đường yêu thương”, những mảnh vườn, dòng sông, đó là âm thanh: “*Tiếng trong trong như tiếng quê*”

huong” (*Quán nhỏ*). Những gì của ngày xưa, của tuổi thơ, những gì thân quen và gần gũi đều được Lưu Quang Vũ triu mến, thiết tha gọi Quê hương.

Tổ quốc lại là một cách gọi khác – trang trọng và vĩ mô hơn về đất nước của mình. Điều đặc biệt là ở những bài thơ giai đoạn đầu, Lưu Quang Vũ chỉ gọi Quê hương, Đất nước chứ không hề gọi Tổ quốc. Mãi đến những bài thơ sau, những bài thơ mới được phép xuất bản gần đây trong Di cảo *Những bông hoa không chết* - mảng thơ trước bị coi là “thơ đen” của Lưu Quang Vũ, thì đất nước lại được gọi bằng thuật ngữ rất trang trọng và thiêng liêng: Tổ quốc.

Tổ quốc là gì, nếu nơi đó không có người mình yêu dấu?

Tình yêu là gì, nếu không vì nó ta yêu thêm Tổ quốc?

(Cho Quỳnh những ngày xa)

Lưu Quang Vũ đã có những so sánh, lý giải rất hay và dễ hiểu về mối quan hệ giữa tình yêu cá nhân và tình yêu Tổ quốc, hay nói cách khác đó chính là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, cái Tôi và cái Chúng ta mà sau này anh đã - mạnh mẽ, thẳng thắn và rõ ràng hơn – đưa lên sân khấu trong vở kịch nổi tiếng « *Tôi và chúng ta* » - một đòn giáng thẳng vào thứ chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, cửa quyền đang lộng hành trong xã hội lúc bấy giờ. Khát vọng hướng về cái chung ấy ngày càng lớn:

Nếu trái đất này là một Tổ quốc mênh mông

(Những thành phố những xứ xa)

Sự chuyển biến trong cách gọi đất nước từ Quê hương trước đây sang Tổ quốc sau này cũng là một cách thể hiện sự trưởng thành của Lưu Quang Vũ, thể hiện tầm nhìn và tư tưởng đã thay đổi của anh. Khi đó, đất nước không chỉ bó hẹp trong phạm vi một thôn xóm, một làng quê, một thị xã, một huyện hay thành phố nữa mà là cả Tổ quốc mênh mông, cả đất nước bao la này chỗ nào cũng đã thân quen, trở thành một phần máu thịt của nhà thơ.

Lưu Quang Vũ tự hào và thẳng thắn khẳng định quyền làm chủ của người dân bằng cách gọi tên đất nước: Việt Nam, nước Việt. Rất nhiều lần “Việt Nam ơi” vang lên trong thơ anh, vừa thiết tha vừa thân thuộc. Đất nước còn bao gồm cả linh hồn dân tộc, đó chính là tiếng Việt – ngôn ngữ của dân tộc Việt. Không

phải ngẫu nhiên mà ông cha ta đã luôn ý thức được: Tiếng Việt còn thì nước ta còn.

Làm nên đất nước chính là Nhân dân, là dân chúng, quần chúng trong một nước; là Dân tộc - những người cùng chủng tộc ngôn ngữ tiếng Việt, cùng chung sống với nhau.

Ngoài ra đất nước còn xuất hiện trong một vài cách gọi khác như Nước non, Cả nước, Người, Mẹ hiền, Nam Bắc... Nhiều khi chỉ được gọi ngắn gọn bằng một từ “nước”:

*Ta đi giữ nước yêu thương lắm
Mỗi xóm thôn qua mỗi nghĩa tình*
(Gửi tới các anh)

Nhiều nhà thơ hay dùng từ Người để nói về đất nước, về Bác Hồ, hoặc về mẹ cha yêu kính của mình. Đối với Lưu Quang Vũ, Người khi thì là Tổ quốc (*trong Việt Nam ơi*), khi thì để chỉ nhân dân (*trong bài Người cùng tôi*). Đất nước, quê hương không chỉ là một hình ảnh quen thuộc trở đi trở lại trong thơ Lưu Quang Vũ, mà đã trở thành một hình tượng đẹp, có sức lay động và ám ảnh với những người yêu thơ và yêu nước.

3.1.2. Mưa

Dường như trong các thi sĩ thời đầu những năm 70, Lưu Quang Vũ nhạy cảm và thân thuộc với mưa hơn hết. Có lẽ định mệnh đã gắn anh với những cơn mưa ngay từ khi sinh ra với cái tên cha mẹ đặt (Vũ trong tiếng Hán và tiếng Việt đều có nghĩa là mưa), rồi các con của anh cũng được gắn với những cơn mưa (Lưu Minh Vũ - người con trai với người vợ đầu tiên). Mưa trong thơ Lưu Quang Vũ như là nơi để anh kí thác, gửi gắm, giải bày cõi lòng mình (theo sự thống kê của chúng tôi, trung bình mỗi bài thơ sẽ có ít nhất một lần hình ảnh mưa xuất hiện (158lần/155 bài) .

Các nhà phê bình đã cho rằng: Trong thơ Lưu Quang Vũ, Mưa cho thấy sự trôi qua của thời gian mà con người bất lực, không sao níu kéo nổi. Mưa làm cho hiện tại trở nên vô nghĩa và tương lai trở nên lờ mờ, không xác định. Mưa

gây nên ấn tượng về một không gian tù đọng, xám lạnh và một tâm trạng rã rời, bài hoài đầy âu lo. Mưa còn là điềm dữ báo trước cho những số phận:

*Mưa không mơ hồ mà tàn nhẫn từng cơn
Quyển sách cũ bài thơ nhoè nét chữ
Em đã tin trời xanh ngoài cửa sổ
Trời đen sầm sập nát vai em*

(Gửi một người bạn gái)

Lưu Quang Vũ viết về mưa buồn như thế nhưng mỗi khi mưa xám mờ giăng giăng trên phố người ta lại không thể không nghĩ tới câu thơ của Lưu Quang Vũ:

*Gương mặt em mưa ướt
Đôi mắt to tan vỡ cả trời chiều*

(Không đề)

Những kỉ niệm tuổi thơ mà cách đó vài năm anh còn chi chút, dè sẻn mỗi lần mang ra ôn lại, như một thứ gia vị ngọt ngào thêm vào cho cuộc sống hiện tại chán ngán này, thì giờ không còn đủ để an ủi anh nữa:

*Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa
Xoa nhoà những điều em hứa*

(Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa)

Mưa càng trở nên đáng yêu đáng nhớ hơn khi gắn với hình ảnh của người con gái – nhân vật trữ tình trong thơ. Năm lần hình ảnh Em xuất hiện cùng với chiếc áo mưa là năm lần tình yêu, những kỷ niệm đẹp được thăng hoa.

Mưa trong thơ Lưu Quang Vũ không chỉ còn là một hiện tượng thời tiết đơn thuần mà đã trở nên vô cùng đa dạng. Mưa trở thành nhân vật, thành người bạn đồng hành, là niềm vui nỗi buồn. Có những cơn mưa thật dễ chịu, đáng yêu, như cô gái trẻ trung xinh đẹp mang lại nguồn sức sống cho tâm hồn.

Mưa mát mẻ trong thơ anh

(Mấy đoạn thơ về lửa)

Nụ cười mới, cơn mưa rào cũng mới.

(Viết lại một bài thơ Hà Nội)

Sự mát mẻ, ướt át, dịu dàng và thấm mát của mưa dường như cũng tưới lên thơ Lưu Quang Vũ một sắc màu tươi mới. Nó cuốn trôi mọi lo buồn, rửa sạch mọi tội lỗi, cứu vớt mọi linh hồn:

Mưa mát lành, cuốn sạch mọi buồn lo

(Dành cho em)

Mưa rửa sạch máu tươi trên đá lạnh

(Câu nguyện)

Thế nhưng cũng có những cơn mưa thật khắc nghiệt:

Người quần quai dưới mưa dầm nắng gắt

(Sông Hồng)

Những khi cõi lòng anh hoang vắng, rêu phong, những hạt mưa lại đến trong thơ anh, lạ lùng đến mức dường như không thực.

Quán cà phê dưới gầm cầu xe lửa

Hạt mưa đen rơi trên đôi kính vỡ

(Lá thu)

Hình ảnh ấy gợi lên tro than, loạn lạc và li tán, gợi lên ảm đạm và u buồn. Mưa trong thơ Lưu Quang Vũ hiện hình với đầy đủ các cấp độ: từ “*hơi mưa*” nhẹ, đến “*mưa phùn*”, đến những trận “*mưa rào*”, “*mưa rào rào*”, “*mưa ào ạt*”; đầy đủ các tính chất như: “*mưa rêu*”, “*mưa dầm*”, rồi khắc nghiệt nhất là “*mưa buốt*”. Trạng thái của các hạt mưa cũng được diễn tả khá kỹ lưỡng “*mưa rơi*”, “*mưa bay*”, “*mưa rụng*” tùy theo tâm trạng của tác giả lúc bấy giờ.

Trong thơ ca Việt Nam, mưa đã từng xuất hiện mạnh mẽ và đầy sức mạnh trong thơ Nguyễn Trãi “*Xuân vũ thêm lai thủy phách thiên*” dịu dàng trong thơ Huy Cận “*Mưa xuân trên biển thuyền yên chỗ. Phiên cá chắc đầy phiên chợ mai*” mát mẻ và êm đềm trong thơ của Anh Thơ “*Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng*”... Đến Lưu Quang Vũ, mưa đọng lại như một niềm ám ảnh, một nỗi day dứt với vô vàn biến tấu.

3.1.3. Gió

Bà Huyện Thanh Quan hay viết về buổi chiều để thể hiện nỗi cô đơn buồn nhớ, Xuân Diệu hay nói tới thời gian để bộc lộ khát khao giao cảm với đời, Hàn

Mặc Tử hướng về trăng như một niềm khao khát... Lưu Quang Vũ “*Ước chi được hoá thành làn gió*” và tìm đến gió như là biểu tượng cho cuộc đời và thơ của mình.

Theo thống kê của chúng tôi, tổng số 155 bài thơ của Lưu Quang Vũ, nếu như mưa xuất hiện 158 lần, lửa 98 lần, hoa 88 lần, thì gió xuất hiện nhiều nhất với 171 lần, trong đó có những bài như *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi* thì tràn ngập là hình ảnh và công năng của gió. Gió đến từ “*rừng cao xạc xào lá đổ*”, từ “*ngọn gió đê cao*”, từ “*phương này thao thức phương kia*”, gió làm “*mù mịt những con đường bụi đỏ*”, “*gieo tung những hạt giống trên tay*”, làm “*đất trời dường nao động*”, thổi “*bùn than đỏ*”, làm khô se vết bùn trên áo người thương...

Cũng chỉ là luồng không khí chuyển động, nhưng gió lại có nhiều khả năng lớn lao, là một biểu tượng mạnh mẽ của năng lượng:

Gió thổi xạc xào lau sậy

(Phố huyện)

Gió đung đưa những trái thon vàng rục

(Mùa xoài chín)

Như gió diên, như nước phá tung bờ

(Chiều chuyển gió)

Giống như nhà thơ lãng mạn Anh P.B.Shelley, Lưu Quang Vũ thấy ở gió sự “*hoà điệu dấy loạn*” : gió có sức mạnh huỷ diệt và bảo tồn, gió mang trên đôi cánh của mình sấm chớp bão giông:

Gió thổi lồng những đóm lửa không nguôi

(Đất nước đàn bầu)

Gió đã thổi ngàn cây nến tắt

(Những ngọn nến)

Gió có thể làm tăng trưởng nhưng cũng có thể gây ra tan vỡ. “Theo kinh nghiệm tôn giáo, thánh thần có thể hiện ra trong tiếng thì thầm êm dịu của gió hoặc trong cuồng phong bão táp – A. Emest”. Khi gió xuất hiện trong các giấc

mơ, nó báo hiệu một sự kiện quan trọng đang được chuẩn bị ngầm; một sự đổi thay sắp xảy ra:

*Giấc mơ lạ về theo cơn gió lạ
Cơn gió quen thâm thì giấc mơ quen*

(Mùa gió)

Tôi muốn nói nhưng bốn bề gió lốc

(Giấc mộng đêm)

Ngọn gió thực tại đã đưa Lưu Quang Vũ tìm đến biển:

*Những manh buồm như ngực anh gió táp
Những con tàu như hồn anh cuồng loạn
Chẳng bao giờ chịu ở với bờ yên
Ánh lân tinh lấp lánh vỏ thuyền
Gọi anh đi trên bãi hà nhạn sắc*

(Viết cho em từ cửa biển)

Chỉ năm sau trở lại biển, ngọn gió trong anh đã khác:

*Chỉ gió về quần quai giữa rừng dương
Và sóng đập liên hồi lên ngực đá*

(Thị trấn trên biển)

Gió và biển đã cho anh thấy mình khôn lớn, trưởng thành lên với tháng năm, bớt lãng mạn mộng mơ, biết nhìn thẳng hơn vào hiện thực. Ở đó có những ngọn gió khác thật khốc liệt, như gió của chiến tranh:

*Gió hú gầm gào qua gạch vỡ
Người chết vùi thân dưới hố bom*

**(Đêm Đông chí, uống rượu với bác Lâm
và bác Khánh...)**

Chỉ có gió...

Gió ù ù trên mái ngói bom xô

(Ghi vội một đêm)

Năm cửa ô trở gió

(Những người đi năm ấy)

Gió của đói nghèo:

Phố nghèo hút gió

Dưới vòm cây run rẩy tối đen

(Cầu nguyện)

Của bán đảo mưa rào và gió mạnh

(Bài ca trên bán đảo)

Gió của tan vỡ:

Con thuyền giấy nát nhàu sau trận gió

(Gửi một người bạn gái)

Gió thổi tung bay những trang sách trên bàn

(Những bông hoa không chết)

Gió không chỉ gắn bó với cuộc đời Lưu Quang Vũ từ những ngày thơ bé “Tôi lớn lên trong ngọn gió nhà ga”, mà gió còn chứng kiến và đi theo anh trong suốt những chặng đường tình. Trong tình yêu, nhiều khi Lưu Quang Vũ ví mình như ngọn gió:

Anh mở gió tâm hồn cho bướm thắm kéo lên

(Bây ong trong đêm sâu)

Anh bỏ nhà ra đi như ngọn gió

(Không để)

Ngọn gió âm thầm quẩn quại vẫn yêu em

(Những ngày chưa có em)

Và có lúc gió lại là hình ảnh của người anh yêu:

Em cần gì, gió lốc của đời tôi

(Lá thu)

Em là ngọn gió chiều nức nở

(Anh đã mất chi, anh đã được gì)

Cũng như mưa, gió đẹp hơn, có hồn hơn và đáng yêu hơn khi gắn với hình ảnh của Em: “gió thổi quanh em tóc rối”, “em từ miền gió cát”, “em về tóc ngợp gió”, “ngọn gió nhỏ trên trán em kiêu hãnh”, “tóc đen thắm bay về như gió ồm”...

Gió còn là nơi thể hiện nhiều quan điểm, triết lý sâu xa. Đất nước trong mắt anh là “*con thuyền xuyên gió mạnh*”, ở nơi đó, con gió bão của cuộc đời vẫn xoay đất nước, thổi thốc vào những số phận:

Gió bão ngàn đời vẫn nối đuôi nhau chẳng tắt

(Mây đoạn thơ về lửa)

Tôi thở trong sức gió của muôn người

(Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi)

Ngọn gió lớn hoà bình

Ngọn gió xanh

(Nơi tận cùng)

Giữa ngọn gió cuộc đời vẫn xoay nhiều biến chuyển, sự đoàn kết, sức mạnh chung chí hướng của nhân dân lại có thể tạo thành một ngọn gió mới, ngọn gió màu xanh của tương lai và hi vọng, ngọn gió hoà bình, ngọn gió của mùa xuân: “*Gió xuân thổi hết những ưu phiền – Mùa xuân lên núi*”.

3.1.4. Lửa

Ngọn lửa mà hàng triệu năm trước Promete đã dũng cảm mang xuống cho loài người, ngọn lửa ánh sáng mà Danko đã phải đánh đổi cả trái tim mình, ngọn lửa soi rọi đời sống tăm tối và tuyệt vọng của con người. Ngọn lửa với ý nghĩa đen là “hiện tượng vật gì cháy sinh ra nóng và ánh sáng”, nhưng khi đi vào thơ Lưu Quang Vũ, thì nó lại mang rất nhiều thông điệp. “Lửa” được hình dung tỉ mỉ từ kích thước nhỏ bé như “đóm lửa, ánh lửa” rồi lớn hơn như “Ngọn lửa, đám lửa”. Đặc biệt, ngoài tên gọi lửa, lửa ánh sáng còn được thể hiện dưới những hình ảnh khác như ngọn lửa lập loè của Đom Đóm (***Bài hát trong một cuốn phim cũ...***) Diêm, Pháo dây (***Em***); Ngọn lửa nhỏ được hình thành từ nền (***Những ngọn nến...***), Ngọn đèn (***Bầy ong trong đêm sâu...***); Ánh lửa to và sáng của Bếp, Lò rèn (***Không đề...***), Đuốc (***Phố huyện***), Ánh sáng âm ỉ của Than (***Đất nước đàn bầu...***) tạo nên mỗi chuỗi liên kết có khả năng chuyển tải tình yêu, niềm tin và khát vọng mãnh liệt về cái đẹp.

Đồng lòng với quan điểm: “Bản chất của mọi vật là lửa”, Lưu Quang Vũ đã đề cao nguồn sáng này:

Hãy cho tôi chút lửa...

Sự sống là lửa

(Mấy đoạn thơ về lửa)

Nhưng thiếu lửa thiếu tiếng còi không biết lối về ga

(Những ngày chưa có em...)

Chỉ riêng lửa biết

(Người con giai đến phòng em chiêu thu).

“*Những sức mạnh tinh thần được tượng trưng bởi ánh sáng lớn*” – A.Emest. Lửa mang đến ánh sáng và làm nên sức mạnh cho con người, đặc biệt với tâm hồn yếu đuối của thi sĩ thì ngọn lửa đúng là một nguồn sáng, nguồn sức mạnh lớn lao:

Anh yên lòng bên lửa ấm thương yêu

(... Và anh tồn tại)

Không bao giờ Lưu Quang Vũ ngừng làm việc. Góc bàn nơi Lưu Quang Vũ hay ngồi viết có kẻ một dòng chữ to: Làm việc, làm việc để chiến thắng thời gian và bóng tối. Cả mười năm đến với sân khấu, Lưu Quang Vũ không còn “*Chỉ là ngọn lửa ở thêm ga - Nửa đêm nỗi nhớ*” nữa, mà anh làm việc như bạn bè nói, cháy đùng đùng như một ngọn đuốc.

Lửa được Lưu Quang Vũ so sánh và ví von như nhiều hình ảnh khác: *Trong đáy mắt có gì như ánh lửa/Thơ là bó đuốc đốt thiêu, là bàn tay thấp lửa/Những thủy thủ Cu Ba da đỏ hồng như lửa/Nhân dân có gì giống lửa phải không anh/Em là bóng cây, em là bếp lửa/Người yêu như lửa và như lụa/Anh chỉ là ngọn lửa ở thêm ga/Nụ cười cha ấm như ngọn lửa/Nụ cười vui như ngọn lửa hồng/Hơi thở của em như ngọn lửa phập phồng...* Lưu Quang Vũ đã đi đến cùng và đi đúng như người ta vẫn nói; trong tim phải có lửa, trong thơ phải có lửa, và trong tình yêu cũng phải có lửa, lửa xuất hiện nhiều và đa dạng trong thơ anh, tạo nên một sự da diết, một khát khao sống và cống hiến.

Màu sắc của lửa trong thơ anh cũng thật đa dạng, không chỉ thấy màu đỏ hồng bình thường của lửa (*Từ trận đánh xưa công đồn lửa đỏ - Đêm hành quân, Ngọn lửa hồng em ủ giữa chiều mưa – Nơi ấy*) mà lửa trong tâm tưởng

Lưu Quang Vũ, trong thơ Lưu Quang Vũ còn có những màu sắc khác như xanh (*Cháy trên là tí tách ngọn lửa xanh – Quán cà phê ngoại ô*), trắng (*là ngọn lửa trắng trong - Nếu đó là tội lỗi*), đỏ đậm (*Nhìn lò nung lửa thắm – Em sang bên kia sông*), đen (*Tóc em bay như một ngọn lửa đen - Ngọn lửa đen*). Lúc này lửa không hiện diện như ý nghĩa bình thường của nó nữa, mà mang theo tâm trạng, tư tưởng của người quan sát, chính vì thế có thể khẳng định lửa nói được rất nhiều điều, có nhiều ý nghĩa trong thơ Lưu Quang Vũ.

Giờ đây, *Chim sâm cầm đã chết* (Tên một vở kịch của Lưu Quang Vũ), nhưng khi sống, tài năng của anh đã cháy như những ngọn đuốc, bây giờ ngọn đuốc ấy đã tắt đi, vẫn còn lại muôn ngàn ánh lửa trong trái tim bao người. *Ngọn lửa trong gương* - bộ phim tài liệu đầu tiên dựng lại chân dung nhà thơ, kịch gia Lưu Quang Vũ và người vợ tài hoa Xuân Quỳnh, đã được phát sóng trên truyền hình cuối tháng 8, như một lời tưởng niệm và tôn vinh đôi bạn đời tài hoa bạc mệnh ấy.

3.1.5. Các loài hoa

Trong thơ Lưu Quang Vũ cũng đầy ắp các hình ảnh thiên nhiên, mà tiêu biểu nhất đó chính là các loài hoa. Trong cuộc sống hàng ngày, hoa thuộc về phần lãng mạn, tinh tế của thế giới tâm hồn, người ta thường dùng hoa để biểu lộ thay cho lời nói và cảm xúc của mình. Trong thơ cũng thế, hoa không phải vô tình mà xuất hiện và mỗi khi xuất hiện, nó đều mang theo một thông điệp nào đó bên cạnh sắc hương tự thân nó. Với Lưu Quang Vũ, anh luôn nhìn những bông hoa như một niềm trắc ẩn, tri ân, một sự thấu hiểu.

Buồn làm chi, này đây những bông hoa

Hoa trong trắng hiểu rõ lòng anh lắm

(Không đề)

Trong thơ Lưu Quang Vũ có rất nhiều loài hoa xuất hiện, 88 lần với đủ các loài hoa, từ cao quý như hoa sen, hoa cẩm chướng, tới bình dân như hoa muống, hoa mắc cỡ, hoa mào gà, từ hoa cỏ may, hoa tầm xuân, hoa cải, cả tình yêu muộn, chia cắt đến hoa hạnh phúc hoa hồng, từ hoa học trò hoa phượng đến hoa tình yêu tan vỡ ti hôn. Nhưng nhiều nhất vẫn là hình ảnh hoa cúc (10 lần),

rồi đến hoa hồng và hoa gạo (8 lần), hoa huệ, hoa cẩm chướng (4 lần), hoa tầm xuân, hoa sen (3 lần). Cả Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh đều có một tình yêu đặc biệt với hoa cúc, Xuân Quỳnh đã viết: “Mùa thu và hoa cúc, chỉ còn anh và em”. Lưu Quang Vũ cũng viết nhiều về cúc vàng – bông cúc nhỏ đôi khi vẫn là nỗi nhớ.

Hoa cúc vàng - nỗi nhớ của hoàng hôn

(Lá thu)

Bông cúc ấy có khi cũng lại là nỗi chờ mong một hạnh phúc an lành.

Biết ơn em, em từ miền gió cát

Về với anh bông cúc nhỏ hoa vàng...

(... Và anh tồn tại)

Có khi bông cúc ấy là biểu tượng của bình yên.

Nơi ấy em về mưa sẽ tạnh

Hoa cúc nở vàng trên cánh tay

(Không đề)

Và cũng có khi những bông cúc vàng nhỏ dại ấy, đi vào thơ Lưu Quang Vũ như những hình ảnh đầy sắc màu hội họa.

Những cánh đồng hoa cúc mọc rưng rưng

Chim nắng là tươi vàng trên cỏ dại...

(Những bông hoa vàng)

Hoa cúc vàng đọng lại trong thơ Lưu Quang Vũ như những đốm sáng nhỏ nhoi, nhưng sáng đậm, mang ý vị của mặt trời, màu của nắng, của mùa thu, và của tình yêu. Đọc thơ Lưu Quang Vũ, người ta dễ ám ảnh về một loài hoa như thế, một hồn thơ như thế.

Thơ Lưu Quang Vũ là thơ tình yêu, mà là thơ tình yêu thì không thể thiếu bóng dáng của hoa hồng – loài hoa của tình yêu và sắc đẹp, được tôn vinh là nữ hoàng của các loài hoa.

Lung linh hoa hồng nở giữa hoàng hôn

(Bài thơ khó hiểu về em)

Bông hoa mang vị nồng say của tình yêu con người ấy lúc nào cũng nhận được sự ưu ái của thi ca nói chung. Nhưng trong thơ Lưu Quang Vũ nó còn vô vàn sắc thái. Có khi nó gắn với những cảm nhận xót xa.

Hoa hồng rụng trên bàn như máu ứa

Cũng có khi, nó lại là những hồi ức của thời tươi đẹp

Ôm em trong vạt áo

Như hoa hồng ngày xưa

(Thơ tình viết về một người đàn bà không có tên²)

Lưu Quang Vũ từng có vở kịch **“Tin ở hoa hồng”**, như một sự khẳng định, con người cần tin ở tình yêu bất diệt. Và trong thơ, khi anh vẫn miệt mài **“xây ngôi nhà theo quy luật của tình yêu”** thì anh cũng luôn nhớ rằng:

Tình yêu tôi như một tiếng chuông dài

Làm run rẩy hoa hồng trên ngực nắng

(Có những lúc)

Tuy nhiên, trong thơ Lưu Quang Vũ, ta còn bắt gặp nhiều loài hoa khác, những loài hoa bé nhỏ, cũng đáng yêu như bóng dáng của những người con gái, những người đàn bà.

Bàn tay em sáng bừng bông huệ trắng

(Chưa bao giờ)

Em gầy như huệ trắng xanh

(Lá thu)

Vẻ đẹp thanh tịnh, trong sáng của bông huệ rất gần với vẻ đẹp dịu dàng mong manh của người phụ nữ đời anh, nhưng mong manh và vẫn mạnh mẽ lạ kỳ. Và có khi, là cả một cuộc đời trong sáng.

Trời vời vọi màu hoa huệ trắng

(Cầu nguyện)

Và hoa gạo với vị ngai ngái của nỗi đau đời xuất hiện rất nhiều trong thơ anh – bông hoa của cuộc sống làng quê, thể hiện sự no đủ và tươi đẹp của mùa màng cũng trở đi trở lại trong thơ Lưu Quang Vũ.

Một cái gì trắng xóa tựa mây bay

Là hoa gạo của lòng tôi chẳng tắt

(Có những lúc)

Phù lưu hoa gạo thắm

(Những vườn dâu đánh mắt)

Và vẫn là bông hoa trong dáng dập người anh yêu: “*Nhớ vai em chập chờn hoa gạo đỏ*”. Bên cạnh hoa gạo, những bông hoa đồng nội, dịa đàn, bé nhỏ như hoa ngâu, mào gà, hoa lục bình, tầm xuân, hoa muống ... Những bông hoa của quê hương, của làng quê đất nước, và của cả những mảnh tình đẹp đẽ, cũng nhiều lần xuất hiện trong thơ anh, đem đến thơ anh một không gian đầy hương thơm và sắc màu và những rung động khó quên.

Những hình ảnh về đất nước, về mưa gió, về hoa, xuất hiện trong thơ Lưu Quang Vũ kết hợp với nhau tạo thành một chuỗi hình tượng liên hoàn gợi đến một thế giới nhiều biến động, lăm gió nhiều mưa và dữ dằn như lửa, đồng thời cũng vô cùng “tươi hoa đẹp nắng). Những hình ảnh đó ít nhiều tạo trong thơ Lưu Quang Vũ một dấu ấn khó phai, thậm chí nó đã trở thành những mô típ, những hình tượng giàu sức lay động và ám ảnh. Và chính những hình ảnh này, cũng đã góp phần tạo nên phong cách Lưu Quang Vũ với những dấu ấn riêng biệt.

3.2. Thể thơ

Thể thơ - một khái niệm của thể loại – làm một phạm trù quan trọng của lý luận văn học, cho ta biết về phương diện hình thức của tác phẩm, các phương thức, thể thức cấu tạo văn bản và các hình tượng. Trong quan hệ với cái tôi trữ tình, thể loại thể hiện một góc nhìn, một trường quan sát, một quan niệm về đời sống.

Để nói về một thể thơ thống nhất trong thơ Lưu Quang Vũ thật khó, bởi anh thể nghiệm thơ mình trong tất cả các loại thể, từ thơ cổ truyền của dân tộc, đến thơ thất ngôn đời Đường, thơ ngũ ngôn, và nhiều nhất vẫn là những bài thơ tự do, tự do về câu chữ, khuôn khổ, điệu vần... Nhưng có thể nói rằng cũng giống như giọng điệu, thể thơ dường như không phải do Lưu Quang Vũ lựa chọn một cách lý tính hay dẫn đo, cân nhắc, mà chính từ cảm xúc luôn miên

man, đắm say, dạt dào mà dường như Lưu Quang Vũ đã bút phá, phá vỡ mọi thể thơ, mọi sự sắp đặt.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà thơ Lưu Quang Vũ vắng đi những thể thơ quen thuộc. Thể thơ lục bát, tiếng nói của ruộng đồng thôn xóm chính là nền móng vững chắc cho sáng tạo của bất cứ nhà thơ nào cũng đã đi vào thơ anh khá nhuần nhị:

*Lúa xanh đã nặng hạt vàng
Đông xa đã gặt, đường làng trái rom.
(Cánh đồng vàng thu)*

Nhưng bài thơ ấy có lẽ cũng là bài thơ duy nhất Lưu Quang Vũ áp dụng thể thơ lục bát của dân tộc, vì nó hợp cảnh và hợp đề tài. Những điểm hạn chế của thể thơ lục bát trùng với sự hạn chế trong việc thể hiện cảm xúc, bởi có quá nhiều niêm luật phải tuân theo, mà thơ Lưu Quang Vũ lại là thứ thơ thiên về cảm xúc và luôn thoát khỏi mọi sự ràng buộc. Do đó, không có gì khó hiểu khi sau này anh không làm hoặc không thể làm thơ lục bát nữa.

Lưu Quang Vũ cũng có nhiều bài tuân theo thể thơ quen thuộc của thời kỳ bấy giờ; mỗi khổ 4 câu, có gieo vần nghiêm chỉnh, như: *Tuổi thơ, Áo cũ, Thôn Chu Hưng, Trưa nay, Hơi ẩm bàn tay, Ngã ba thị xã, Ngày ấy, Vườn trong phố, Mùa gió, Quán nhỏ, Mùa xuân lên núi, Gửi em và con, Không đề, Gửi một người bạn gái, Mắt của trời xanh, Hoa vàng ở lại, Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi...* Ta có thể thấy rõ, những bài thơ ấy đều được làm trong thời kỳ hạnh phúc của thi sĩ: hạnh phúc tươi non những ngày đầu mới lớn, hạnh phúc đắm say trong mối tình đầu tiên và hạnh phúc bền chặt với cuộc hôn nhân cuối cùng. Lúc đó, thi sĩ còn có những bài thơ ít nhiều mang phong cách truyền thống, còn trong những giai đoạn khác tâm hồn anh phức tạp, nhiều mâu thuẫn, thơ anh không thể đứng yên, không thể tuân theo vần luật, nó trở về nguyên bản đúng như con người anh – tuôn chảy theo dòng cảm xúc, khó nắm bắt và khó phân chia khổ, đoạn.

Mà ngay cả ở những bài thơ tưởng như thi sĩ sẽ trung thành với thể thơ ấy, quy tắc gieo vần ấy trong suốt cả bài, thì cái nghiêm chỉnh ấy vẫn bị phá vỡ bởi một, hai dòng thơ ngắn hoặc dài hơn một chữ:

*Chưa kịp nắm, bàn tay đã rời
Sao trước chẳng yêu quê nhiều hơn nữa
Vườn dưa hấu nước ngọt trào ướt vỏ
Mía đưa vào lò bãi mật xanh thơm*

(Trưa nay)

*Như hai dòng sông gặp gỡ đôi phù sa
Nhập luôn nước hoà nhau màu sắc
Trao cảm thương hai bàn tay nắm chặt
Nghe máu mẹ cha chuyển giữa mỗi tay mình*

(Hơi ấm bàn tay)

Bài **Chia tay** lại là một thể nghiệm mới, tuy không lạ trong lịch sử thơ ca: cứ hai câu thơ tạo thành một khổ. Thông thường chỉ với hai câu thơ, người ta rất khó diễn đạt trọn vẹn một ý. Đây có thể nói là một bài thơ tài hoa thú vị của Lưu Quang Vũ:

*Bàn tay vẫn trong nắng nhòa xin chó tiéc
Đời rất rộng không lo lẻ chiếc*

Mỗi khổ hai câu đều diễn đạt trọn ý, hai câu đó lại gieo vần với nhau, có những cặp vần rất hay và thường là khó gieo như: tấp - gặp, tiéc - chiếc, được - trước... nhưng khi đã được sử dụng một cách hợp lý thì lại để lại ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc.

Ngay từ những năm mười lăm mười sáu tuổi, thơ Lưu Quang Vũ đã là thứ thơ không chịu gò bó trong cấu trúc, câu từ, sức chảy ào ạt của dòng tình cảm đã phá vỡ mọi khuôn khổ, khiến thơ anh có sức lôi cuốn mạnh mẽ:

*Sao tên sông lại là Thương?
Để cho lòng anh nhớ
Người xưa bảo đây đôi dòng lệ nhỏ
Những suối buồn gửi tới mênh mang*

*Đò về Nhã Nam
Đò qua Phủ Lạng
Mưa chiều nắng rạng
Đã bao năm?*

(Qua sông Thương)

Xa lạ với những hình thức cầu kì, bí hiểm, thơ anh hồn nhiên như lời nói hàng ngày, những câu cảm thán, những câu hỏi băng quơ đặt vào đúng chỗ gây nên những băng khuâng khó tả:

*Chiều ấy các anh đi
Nắng nhạt vàng hoe góc rạ
Gió xạc xào qua lũy tre
Em đứng nhìn theo sau cửa
Đất nước đánh thù đường trăm ngã
Các anh đi về đâu*

(Gửi tới các anh)

Phải chăng, cái gì tự nhiên cũng dễ chiếm được thiện cảm nhất? Chính vì mạch dạt dào tự nhiên này, Lưu Quang Vũ hay gieo vần đôi, ít khi gieo vần cách, tạo nên một thứ nhạc điệu du dương êm ái đặc biệt:

*Vào vườn rồi ong chẳng nhớ lối ra
Vườn em là nơi động gió trời xa
Hoa tím chim kêu bằng thưa lá nắng
Con nhện đi về giăng tơ trắng
Trái trong căng mập nhựa sinh sôi
Nơi ban mai cỏ ướt sương rơi
Một hạt nhỏ mơ hồ trên má
Hơi lạnh nào ngón tay cầm se giá?*

(Vườn trong phố)

Bài **Đất nước đàn bầu** là một dạng thức cấu trúc thơ dài, trong đó người viết phải tài tình móc nối được các lớp thơ. Sau những âm thanh đồng vọng từ lịch sử:

*Vó ngựa lao dồn dập
Giặc phương Bắc kéo về
My Châu chết không sao hiểu được
Vì đâu Trọng Thủy hoá quân thù?*

Là những hình ảnh của cuộc sống hôm nay:

*Gió mùa thu
Tiếng đàn bầu nức nở
Chiều chiều ra ngõ
Sông dài cá lội biệt tăm
Thương cha nhớ mẹ
Mênh mông chớp bể mưa nguồn...
Rồi lại là những dấu tích xưa:
Trên tranh khắc trên ngàn pho tượng cổ
Còn nóng rục tay người trong gỗ đá
Lung linh chim múa hoa cười*

Còn rất nhiều những hình ảnh nối tiếp nhau và đan xen nhau như thế. Ở đây, phương tiện gắn kết của Lưu Quang Vũ chính là hình tượng cây đàn bầu:

*Tiếng đàn bầu, tiếng đàn bầu mong nhớ
Trong gió lộng dưới mặt trời xúr sủ
Vẫn còn cào những cơn khát khôn nguôi
Đất phù sa vô tận dấu chân người...*

Các thể nghiệm thơ 7 chữ, 8 chữ của Lưu Quang Vũ khá nhiều, ngoài ra thơ 5 chữ (**Chiều, Thằng Mí**), thơ 6 chữ cũng lác đác xuất hiện (**Ngã ba thị xã**). Nhưng nhiều nhất vẫn là những bài thơ theo “thể tự do”. Chính vì sự tự nhiên ấy mà có hai loại độc giả khi đến với thơ anh: Loại thấy hay, thấy thích, và loại không thể cảm được, bởi vì: thơ gì mà như lời nói chứ chẳng phải vần thơ:

*Không phải nỗi buồn vui riêng của một người nào
Mà là bước ngoặt sống còn của toàn đất nước
(Mùa xuân Matxcova)*

Tứ thơ như tự hình thành trong quá trình cảm thụ. Thơ Lưu Quang Vũ ít thấy dấu vết của bố cục, chính vì thế, nhiều người muốn mổ xẻ thơ theo con mắt khoa học và những lập luận cụ thể, lý tính thì thường khó chịu khi gặp thơ anh, gai mắt trước những dòng thơ chảy miên man:

Bây giờ, anh mới hiểu hết câu nói trong kịch Secxpia:

Tồn tại hay không tồn tại?

Không có nghĩa là sống hay không sống

Mà là hành động hay không hành động, nhận thức hay không nhận thức, tác động vào cuộc đời hay quay lưng lại nó?

Anh không băn khoăn mình có tài hay kém tài, thành công hay thất bại

Chỉ day dứt một điều: làm sao với những sự vật bình thường

Những tháng ngày bình thường

Như chiếc hộp con, như tờ lịch trên tường

Ta biến thành con tàu, thành tấm vé

Những ban mai lên đường.

(Cho Quỳnh những ngày xa)

Kiểu thơ văn xuôi rất phù hợp để diễn đạt trọn ý vẹn tình, nhất là khi tác giả có nhiều tâm trạng, cảm xúc. Trong thơ Lưu Quang Vũ còn có cả những tiêu đề cũng tit tấp: ***Đêm Đông chí, uống rượu với bác Lâm và bác Khánh, nói về những cuộc chia tay thời loạn***. Chẳng ngắn gọn, chẳng hoa mỹ, chẳng có hình ảnh mỹ từ, ẩn hoán dụ như những yêu cầu thường thấy ở tên bài, Lưu Quang Vũ luôn thành thật và tự nhiên với phát ngôn của mình.

3.3. Không gian và thời gian nghệ thuật

Không gian và thời gian là hình thức nội tại của tác phẩm văn học. Từ điểm nhìn không gian và thời gian, nhà thơ thể hiện sự cảm thụ sâu sắc về con người, về cuộc đời. Thế giới thơ Lưu Quang Vũ là một chỉnh thể nghệ thuật tồn tại trong môi trường không gian – thời gian riêng, phản ánh tình trạng và cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Trong thực tế, không gian và thời gian có quan hệ chặt chẽ; đều là môi trường sống vô cùng của con người, bao trùm vạn vật.

Nh- ng khi đi vào thế giới nghệ thuật văn ch- ơng, chúng không còn nguyên chiều kích khách quan nữa mà đã tạo dựng bằng sự phong phú của các ph- ơng tiện nghệ thuật ngôn từ thông qua trạng thái cảm xúc của chủ thể thẩm mỹ - đó là không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật. Khám phá thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ trên hai bình diện này, chúng ta sẽ khai thác được chiều sâu t- t- ởng của ông – một nhà thơ có điểm nhìn đa chiều trong không gian, thời gian và cả trong chiều sâu tâm t- ởng.

3.3.1. Không gian nghệ thuật, không gian xã hội

“*Không gian nghệ thuật là hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chỉnh thể của nó*” [10,160]. Không gian nghệ thuật trong thế giới thơ L- u Quang Vũ dĩ nhiên gắn với lăng kính chủ quan của ng- ời nghệ sĩ. Vì thế, ngoài không gian vũ trụ, xã hội còn có những khoảng không tâm t- ởng mà khoảng cách giữa chủ thể và khách thể thẩm mỹ đ- ợc đo bằng cái nhìn tâm trạng – cái nhìn nội cảm của nhà thơ. Không gian nghệ thuật trong thơ L- u Quang Vũ chính là thể hiện bản lĩnh và tâm hồn của một nhà thơ “*biết hút nhụy mật từ trong bông hoa vô tận của đời sống xã hội*” [10,93].

Nh- đã khẳng định, trong v- ườn hoa muôn sắc của thơ ca cách mạng thời kì chống Mĩ, L- u Quang Vũ cùng với những ng- ời bạn thơ của mình không ngừng tìm tòi sáng tạo để góp phần làm phong phú thêm diện mạo của nền thơ Việt Nam hiện đại. Phải nói L- u Quang Vũ là một nhà thơ có điểm nhìn đa diện, có cái nhìn sâu và một tầm nhìn xa trông rộng. Và cùng với sự vận động của t- duy nghệ thuật, không gian cộng đồng chứa đựng t- t- ởng nhà thơ trên những b- ớc dài chuyển đổi.

3.3.1.1. Không gian mang dấu ấn lịch sử, dân tộc

Đó là dòng sông, vùng đất gắn với từng chặng đ- ờng hành quân của cái tụi hăm hở b- ớc vào quân ngũ. Không chỉ còn là tên gọi: sông Th- ơng, sông Đuống, sông Thao... nữa mà những dòng sông ấy chảy vào nhà thơ L- u Quang Vũ trong một sắc diện mới – nao nao tình cảm của một ng- ời lính trẻ: *Sao tên sông lại là Th- ơng/ Để cho lòng anh nhớ!/ Ng- ời x- a bảo đây đôi dòng lệ nhỏ/ Những suối nguồn gửi tới mệnh mang (Qua sông Th- ơng)*. Tự muôn đời, sông

là quê hương, sông là một phía bình yên của bốn bề bom đạn. Và trong thơ Lưu Quang Vũ, sông còn là nhân chứng của những cuộc tiễn đưa giữa thời bom lửa:

Trên bến sông này một chiều năm ấy

Mẹ tiễn cha đi bộ đội

Tiếng súng đồn Tây ngơ ngác hoàng hôn

(Chuyện nhỏ bên sông)

Và có khi sông lại vang tiếng gọi người đi đánh giặc, để lại đằng sau là nỗi nhớ nghẹn ngào. Không gian dòng sông lắng lại vết tích chiến tranh và cũng mang dấu ấn tâm hồn người, tâm hồn của cả dân tộc. Phải nói không gian xã hội trong tập thơ đầu tiên của Lưu Quang Vũ trong xanh màu sông nghĩa tình.

Lưu Quang Vũ gieo tình hậu phương vào không khí lửa đạn, khiến cho chiến tranh dịu dàu; chỉ còn thấy hình bóng những người lính trẻ yên lòng cầm súng bởi họ tin còn đâu đó phía quê nhà là niềm chờ mong chung thủy. Vì thế, chút tình riêng biệt rịn, Lưu luyện đều giấu sau tình dân tộc thiêng liêng: *Khi người thương đi quá chín cành bàng/ Bảo máy hạ máy đồng chi cũng đợi/ Trời xa bỗng âm ỉ súng giội/ Xóc ba-lô, anh vội lên đường (Trên đường)*.

Bên cạnh đó, con người trong thơ Lưu Quang Vũ còn trải mình trên những vùng đất in dấu dân tộc hào hùng. Thăng Long, Việt Trì, Nhã Nam, Phủ Lạng, Vũ-én, Lâm-thao...đều đi cùng kí ức nhà thơ: *Người phố Thăng Long phá nhà đi kháng chiến/ Tắm nước sông Thao lòng không bị rịn/ Mắt còn in nắng năm cửa ô (Phố huyện)*. Có cảm tưởng từng vùng đất gắn với bao nhiêu câu chuyện kháng chiến của dân tộc mà mỗi khi nhắc đến, nhà thơ nghe lòng mình xốn xang. Theo những địa danh đó, dòng hồi tưởng của con người cứ ào ạt ùa về. Là chiến tích của dân tộc, là một đêm hành quân, là tình hậu phương nồng ấm, là đợi chờ, hi vọng... Không gian trong tập “**Hương cây**” được nhìn qua đôi mắt biếc xanh của một con người chưa mất niềm tin vào cuộc đời. Điều này tạo nên âm hưởng riêng cho tập thơ “**Hương cây**” – ngân vang cảm hứng gọi ca, tự hào. Con người trong không gian lịch sử hoà mình vào không khí thời đại: Họ náo nức nhổ về sông biển, họ hẹn mai về lấy lại Thủ Đô. Đây là quan niệm nghệ thuật về con người của Lưu Quang Vũ ở các sáng tác đầu tay, quan niệm mang tầm thế hệ. Cũng như Bằng Việt, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy..., Lưu

Quang Vũ có một cái nhìn tin yêu về con ng-ời thời chiến. Và không gian cũng đầy hứa hẹn: *Tháng bảy m- a nhiều/ Tháng tám sen tàn b- ởi chín/ Chim ngói bay về bịn rịn/ Tháng chín lúa trở ðồng ðồng/ Trời thu h- ơng cốm mát trong (Gửi tới các anh).*

Không gian hiện thực chiến tranh: Khu rừng kháng chiến, xóm làng, gian hầm... thấp thoáng hình ảnh người mẹ, anh bộ ðội, cô em gái nhỏ... phía sau tiền tuyến ðậm tình quân dân. Đây thực sự là không gian ấm tình ng-ời: *Vỡ ðôi hoang mẹ trông sẵn ngò/ Con lớn trong nỗi nhọc nhằn của mẹ/ Trong cánh tay xóm làng bông bẻ/ Trong tiếng hò tha thiết vọng trên n- ơng (Thôn Chu H- ơng).*

Không phải ngẫu nhiên L- u Quang Vũ chọn “**Hương cây**” ðề tên cho tập thơ duy nhất của mình lúc sinh thời. Những sáng tác ðầu tiên của ông gắn liền với thiên nhiên nông h- ơng ðất, h- ơng hoa. Thế giới “**Hương cây**” với lá b- ởi, lá chanh, trái hồng sắp ðỏ, hạt thóc vàng, nhãn thơm thấm thoát giọt m- a ðâu..., tất thảy tạo nên dáng quê h- ơng trong cây lá hiên lành. Bồi hồi, rạo rức là cảm xúc chủ ðạo của chủ thể thơ trữ tình khi lòng yêu dân tộc gặp ð- ợc tình yêu thiên nhiên. Mỗi khi nhói lòng tr- ớc tai hoạ của kẻ thù gieo giặc khắp quê h- ơng, cái tôi lại xót xa với nỗi ðau không chỉ của con ng-ời: *Chôi biếc bây giờ đứt nhựa/ Thân cành ðau không cây ơi/ Bầm gan tím ruột bao ng-ời (Lá b- ởi lá chanh).*

Trong cái nhìn của nghệ sĩ, thiên nhiên ðẹp và ðáng nâng niu. Vì thế, cảnh vật cũng biết ðau, cũng là thân phận hứng chịu bom rơi lửa cháy. Đây là nguồn mĩ cảm của nhà thơ, t- ởng dịu nhẹ mà làm rát bỏng những tâm hồn từng xem thiên nhiên là tri âm, tri kỉ. Cũng bởi yêu thiên nhiên ða ðiệt mà cái tôi trong thơ L- u Quang Vũ không thôi có những khoảng khắc ngoái nhìn lại quê h- ơng bình yên. ðến với “**Hương cây**”, ng-ời ðọc sẽ không ngạc nhiên khi tác giả Lê ðình Ky cho rằng với L- u Quang Vũ, “*hơi thở ðuộm nhất là khi trở lại với cảm hứng thiên nhiên*” [20,24]. ðễ nhận thấy hơi thở nông ð- ơm trong “**Hương cây**” lan toả khắp không gian, kết thành một tình thơ dịu dàng, nhuần nhị. Không gian xã hội quỵện chặt lấy thiên nhiên. Qua ðó, L- u Quang Vũ tạo dựng ð- ợc một thế giới thiên nhiên thơm thảo tình ng-ời. ðó là không gian trong giai ðoạn sáng tác của thập niên 60. Với cảm quan thiên nhiên ch- a nhuộm u buồn, con ng-ời trong “**Hương cây**” mang tâm thế ðón ðợi cuộc sống yên lành: *Từ nơi này mai ðơn vị*

hành quân/ Suốt mùa hạ, suốt tình yêu xứ sở/ Với cây súng, với vần thơ viết dờ/ Với con đ- ờng rộng mở đến mai sau...(Thức với quê h- ơng).

Nh- ng khi L- u Quang Vũ chạm vào trắc trở thì không gian không ngừng biến động. Ở giai đoạn này, cái tôi trữ tình khôn nguôi ám ảnh về một không gian tâm trạng - u phiền. Có thể nói, “**Bây ơng trong đêm sâu**” chính là tập thơ ngập tràn không gian kí ức buồn bã về chiến tranh. Nhà thơ không nén nổi cõi lòng muốn khóc cho quê h- ơng. H- ơng cây ngày x- a không thể trở về tô vẽ cho hiện thực cuộc sống đau th- ơng nữa. Tuồng nh- chỉ có nỗi buồn rắc màu bốn bề không gian:

Lá cơm nguội rơi vàng rãnh n- ớc

M- a - ốt dầm trên gạch vỡ tan hoang

Đên Nô en

Trời vùi vùi màu hoa huệ trắng

(Câu nguyện)

Sau “**Hương cây**”, không gian cộng đồng đắm cảm xúc chân thành của cái tôi thế hệ. Đó là không gian điên đảo một đêm 1972 mà tác giả đã kịp ghi hình lại thành nhật kí của dân tộc – trang nhật kí khét kẹt mùi thịt cháy rợn mình, dai dẳng tiếng khóc trẻ thơ mất người thân... Lưu Quang Vũ thức nhận: *Tôi xé đi vòng hoa giấy bức màn s- ơng/ Những niềm vui đại khờ, những nỗi buồn yếu đuối (Nói với mình và các bạn)*. Quan niệm nghệ thuật của L- u Quang Vũ ch- a hẳn là một bút phá nh- ng trong làn hoà ca cách mạng đ- ơng thời, những vần thơ xoáy vào sự thật đau lòng của thân phận ng- ời dân chịu cảnh n- ớc mất nhà tan đến nỗi cả tâm can nh- vậy quả là đáng trân trọng. Nhìn chung trong giai đoạn mất thăng bằng nhất của đời mình, ông nh- không thể nhìn quê h- ơng bằng con mắt khác, mà nh- chỉ duy có con mắt thật mới giúp ông hoàn tất thiên chức ng- ời nghệ sĩ, nh- ông từng tâm niệm: Thơ không bao giờ câm lặng. Không gian giờ đây mang tâm t- xót đau của chủ thể trữ tình. *Trung đoàn 91, những đảo đá, những khu rừng ngã nhào theo trí nhớ...(Giác mộng đêm)* hết thấy đều thể hiện sự dang dở trong cuộc đời ng- ời nghệ sĩ. Có khi không gian là rừng đen mặt nạ sắt, vòm cây tối đen, ánh lửa hắt lên xanh

xám thân cầu. Đó là không gian tâm t-ởng của cái tôi thấy lòng rách nát khi nghẹn ngào cất tiếng gọi Tổ Quốc: Việt Nam ơi! Ta còn bắt gặp một không gian cõi mộng, ở đó những giấc mơ giày vò lấy con ng-ời: *Nén tắt lịm, chỉ ào ào sóng vỗ/ Những cánh đồng tôi đã đi qua/ Hiện về trắng xoá (Giác mộng đêm)*. Không gian xã hội đã là không gian tâm lí.

Có thể tìm thấy trong thơ viết về dân tộc của L- u Quang Vũ rất nhiều kiểu không gian hồi t-ởng, nhất là trong giai đoạn đầu thập niên 70. D- ồng nh- nhà thơ muốn xua đi cái ngột ngạt, lạnh lẽo của không gian thực tại; những lúc nh- thế, ông mong mỏi tìm về không gian của ngày x- a, ở đó dân tộc hiện lên đẹp đẽ nh- thời gây dựng hình hài đầu tiên. Trong tr- ờng ca **“Đất nước đàn bầu”** thấm đẫm tình dân tộc, L- u Quang Vũ dẫn dắt ng- ời đọc về với không gian thời cổ x- a xa thẳm đến thuở dân tộc vang tiếng g- om khua giữ n- ớc. Đất n- ớc thành không gian văn hoá ngân tiếng đàn bầu, buồn da diết song lại man mác nhân tình. Có thể nói, thời gian ngày x- a tạo thành một vùng không gian ngày x- a; và ng- ọc lại chính không gian ôm chứa những điều cổ x- a ấy lại gọi con ng- ời tha thiết tìm về quá khứ, trong niềm ng- ỡng vọng: *Ph- ơng Nam xa mây trắng xoá một màu/ Xác khiên mộc của bao đời chiến trận/ Những ng- ời đi mở n- ớc/ L- ỡi cuộc mòn cha gửi lại cho con*. Đây là nghệ thuật không gian hóa thời gian và thời gian hoá không gian, xuất hiện với tần số không nhỏ trong thơ L- u Quang Vũ.

3.3.1.2. Không gian khát vọng

Nghĩ về chức năng của thơ ca, L- u Quang Vũ cho rằng: Thơ cho kẻ không nhà mái lá chỡ che. Đây là quan niệm chi phối ý thức xây dựng không gian mở - ớc trong thơ ông. Cảm hứng mạnh mẽ nhất ở L- u Quang Vũ là sự khám phá, kiếm tìm. Không gian cộng đồng vì thế hình nh- bao giờ cũng quy tụ về không gian mở. Thậm chí ngay cả thời lao đao nhất của đời t- , thơ viết về quê h- ơng của ông cũng giằng xé nh- ng không phải để sục đổ mà để tự vực mình lấy lại tin yêu. Cái tôi luôn tự mâu thuẫn để tìm đến cái đích của lòng tin. L- u Quang Vũ không chịu bó mình trong sự chật chội; nghĩa là tầm nhìn của nhà thơ đ- ọc phóng đến những khoảng rộng của không gian. Trong **“Hương cây”**, thành công đáng kể của L- u Quang Vũ vẫn là những vần thơ tạo dựng đ- ọc không gian dài

rộng. Nh- vậy, càng chạm đến chân trời khát vọng thì tuồng nh- tâm hồn ng- ời nghệ sĩ chấp cánh bay cao. “*Tầng năm*”, “*Những con đường*” ... là những bài thơ mở ra cùng không gian khát vọng: *Ta đã lên tầng thứ năm/ Ta đã gặp trời mây loá trắng (Tầng năm)*.

Tầng năm là khát vọng đổi đời mà quê h- ơng từng ngày v- ơn tới. Tầng năm đâu phải là tầng cuối cùng, nghĩa là không gian đã đ- ợc thời gian hóa, trong không gian của hiện tại đã hứa hẹn một không gian ngày mới nữa sẽ chồng lên. Thơ L- u Quang Vũ để đ- a con ng- ời đến - ớc vọng bằng một nguồn mạch thơ cứ tuôn chảy nh- thế, đã tự tin thì quả quyết vô cùng: *Ngọn gió lớn hoà bình/ Sẽ thổi dập đóng lửa tàn dĩ vãng/ Sẽ cởi bỏ vòng xích xiềng oán giận/ Bẻ ngã những kẻ lòng đen tối/ Những đứa cầm dao cản lối/ Những bàn tay phá tổ trứng trên cành (Những ng- ời đi năm ấy)*. Chính cách nhìn này hình thành ở nhà thơ niềm ao - ớc không thoả cho nhiều dự định nghệ thuật trong đời; dấu bút lực của L- u Quang Vũ từng đạt đến độ dồi dào trên nhiều lãnh địa nghệ thuật. Thơ thời kỳ chống Mĩ cần lắm những tầng năm như thế. Phạm Tiến Duật, Thanh Thảo... có thể xem là những ng- ời bạn nghề miệt mài cùng ông đ- a hình hài dân tộc lên đến tầng cao. Là một nhà thơ luôn nặng tình dân tộc, L- u Quang Vũ không ít lần tuyệt vọng khi chứng kiến quê h- ơng phải chịu nhiều mất mát từ chiến tranh. Nh- ng thực ra trong L- u Quang Vũ là những cơn bão lòng: *Dù muôn mẫn dù tê dại bàn chân/ Tr- ớc mắt ta là khoảng vô cùng/ Mặt trời nh- cốc r- ợu nhớ mong/ Ta gửi lại muôn đời trên mỏm đá (Nửa đêm tới thành phố gặp m- a)*. Không gian cũng mở ra cùng - ớc vọng: *Lên ghềnh đá chênh vênh tôi viết/ Những dòng chữ không sóng nào xoá đ- ợc/ Những dòng chữ nh- móng tay day dứt/ Trên vỏ d- a xanh thắm của mùa hè (Móng tay trên đá)*. Xuất hiện trong thơ ông rất nhiều đường lớn, đường thênh thang... Sự hạn hẹp của không gian không đủ chỗ cho cảm xúc của hồn thơ luôn khát thèm những bờ biển lạ. Thất vọng – khát vọng là hai nguồn cảm hứng song hành trong thơ L- u Quang Vũ mà bao giờ khát vọng cũng thành hình từ bộn bề trần trở của con ng- ời:

Những cửa g- ơng hi vọng

Trên chông gai trên ngói nát

Sẽ có mái hồng sẽ có tổ chim

Nụ cười mới cơn mưa rào cũng mới

(Viết lại một bài thơ Hà Nội)

Đất n-ớc, trong nhìn nhận lạc quan của cái tôi, là một vùng không gian sáng bừng khát vọng – vùng không gian đầy gió – ngọn gió của sức mạnh, của tình yêu:

Gió và tình yêu thổi trên đất n-ớc tôi

Nh- tiếng gọi ngàn đời không khuất phục

Đất n-ớc giống con thuyền xuyên gió mạnh

Những mối tình trong gió bão tìm nhau

(Gió và tình yêu thổi trên đất n-ớc tôi)

Và ngọn gió thời đại – biểu tượng của không gian khát vọng ấy đã khuấy động cõi riêng của người nghệ sĩ vốn chẳng mấy yên lành. Để trên suốt hành trình sáng tạo thơ ca. gió xoáy lấy đời ông nghệ nhân – lành dữ đều đủ cả.

3.3.2. Không gian đời t-, trải nghiệm

Điểm nhìn của chủ thể trữ tình trải trên nhiều chiều không gian. Khi vết nứt đời t- ăn sâu vào tâm hồn, nhà thơ lại quay vào lòng để gọi đúng nỗi đau của đời mình. Cái tôi nức nở trong không gian đời t- nhiều nếm trải. Khép lại một b-ớc ngoặt đời t-, ông đều dừng lại để nghiệm suy và thấm thía. Không gian vì thế cũng hiếm khi ngừng xáo động. Không gian đời t- trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ chứa đựng tâm sự thành thật và sâu kín của một hồn thơ phức tạp.

3.3.2.1 Những khoảng vô cùng

Nh- đã thành nếp sống, L- u Quang Vũ luôn tất bật, hối hả trong đời với niềm khao khát lật xới muôn góc cạnh đời th-ờng. Càng đối mặt với cuộc đời th-ờng nhật, L- u Quang Vũ càng tự nghiệm mình trong những khoảng vô cùng, đựng chứa được nhiều chiều sâu cái tôi đa đoan. Đây là “vùng thẩm mỹ” đậm đặc trong thơ L- u Quang Vũ, tạo nên phong cách độc đáo cho thơ ông.

Gió là khoảng vô cùng ám ảnh nhất trong thơ L- u Quang Vũ. Khao khát tình yêu, nhà thơ mang trái tim “trở gió”:

Em có thấy những hồ xa vụt biến

Những con đ-ờng những nhà cửa rung rinh

Em có nghe đất trời đang náo động

Nh- tình em nổi gió giữa hôn anh

(Mùa gió)

Trong thơ cả mùa gió t- ởng hiền hậu, tình tứ nhất hồ nh- cũng đã tìm tòi cái không-lặng-yên: *Suốt đời không ngủ được/ Là ngọn gió heo may (Nửa đêm nổi nhớ)*. Đến với khung trời đầy gió trong thế giới thơ L- u Quang Vũ, chúng ta có thể gom đ- ọc nhiều sắc thái khác nhau; qua đó, ng- ời đọc sẽ lí giải vì sao L- u Quang Vũ xé toang lòng mình cho gió ùa vào thơ, nhất là trong địa hạt đời t- .

Nếu đến Nguyễn Duy ng- ời ta m- ờng tượng ra một thứ “*hội hoá trang của gió*” (chữ dùng của V- ơng Trí Nhàn) [36, 248] thì L- u Quang Vũ đâu chỉ tả gió, ông hoá thân vào gió, sống cùng với gió và gió là định mệnh đời ông. Dấu th- a thốt trong những bài thơ đầu tiên, vậy mà gió vẫn đọng lại trong lòng ng- ời cảm giác nôn nao: *V- ờn em là nơi động gió ngoài xa/Hoa tím chim kêu bàng th- a lá nắng (V- ờn trong phố)*.

Và khi cái tôi quay quắt trong bi kịch đời t- thì gió bỗng trở mình trong thanh âm thê thiết. Gió âm thầm quàn quại, Trời chuyển gió sắp quay cuồng bão lớn. Gió đã thổi ngàn cây nấn tắt, Tôi chỉ là cây trong nỗi buồn bão gió, Lòng tôi trắng mà mùa thu gió độc, Bao giấc mộng gió đuổi vào dĩ vãng... Không gian rung động trong cơn xoay lật của gió. Đối mặt với gió, cái tôi trữ tình càng cuồng lên tr- ớc cơn địa chấn đời mình: *Anh bỏ nhà ra đi nh- ngọn gió/Ngọn gió âm thầm quàn quại vẫn yêu em (Không đê)*. Có lẽ mang sức gió đến với tình yêu nên L- u Quang Vũ sớm có tiên cảm về chuỗi ngày không lặng đang đón đợi ông phía tr- ớc. *Lá đầu thu xao xác bên đ- ờng/ Trời chuyển gió quay cuồng trong bão lớn/Điều tôi xin phải chăng là quá muộn (Lá thu)*. Nh- gió, tình ông không thôi nồng nàn:

Tóc em rối và áo em đỏ thắm

Những bức tranh nổi gió ở trên t- ờng

Hoa cúc vàng – nổi nhớ của hoàng hôn

Và cũng không khác gió, ông linh cảm đ- ọc cái nghiêng xoay của tình đời: *Tôi ảo t- ởng quá nhiều - ? Có lẽ Em cần gì gió lốc của đời tôi (Lá thu)*. Vốn là một ng- ời không chịu buông số phận, L- u Quang Vũ càng về chặng sáng tác cuối đời càng nổi gió trong thơ. Gió càng dữ dội hơn, càng bùng lên nhiều khao khát mới; song nó không còn khắc nghiệt, mà trở nên tình tứ và rất đổi mãnh liệt trong niềm hạnh phúc tái sinh: *Gió xuân thổi hết những - u phiền (Mùa xuân lên núi)*, *Gió bồn chồn nhắc gọi b- ớc chân quen (Em vắng)*, *Gió lục địa tràn về nh- bão (Hoa vàng ở lại)...*

Có lúc, cái tôi chùng lòng ngấm lại bao nhọc nhàn của cuộc đời mình. Không gian hình nh- cũng thôi bão bùng: *Gió đã dừng nơi cuối chót không gian (Bài hát ấy vẫn còn dang dở...)*. Song đây chỉ là khoảng khắc tạm dừng chân để ng- ời nghệ sĩ tiếp tục đeo đuổi hành trình sống còn thăm thẳm:

Gió ph- ơng này thao thức ph- ơng kia

Bếp lửa tắt, gió lại bùng than đở

(Gió và tình yêu thổi trên đất n- ớc tôi)

Bên cạnh L- u Quang Vũ, nhiều thi sĩ cùng thời với ông cũng rất gắn bó với vùng không gian tâm trạng này. Bằng Việt là nhà thơ đam mê khắc hoạ sắc hình gió qua lăng kính của cái tôi tràn đầy sức sống: gió khát khe, gió thổi đông dài, gió rất mặt, gió cồn cào. Trong khi đó, Thanh Thảo lại m- ợn gió nghiêng ngấm thói đời:

Gió nh- diên qua mái nhà cũ nát

Ta cứ ngồi và trôi trong lênh loãng

này, bác gió

Sao không tung hé bọng ăn trên ngói tróc

Lại đi giật tấm tranh anh em nghèo

(Đêm trên cát)

Còn Hữu Thịnh lại nghiệm ra ý vị tình yêu bằng cái nhìn từ gió:

Gió không phải là roi mà vách núi phải mòn

Em không phải là chiều mà nhuộm anh đến tím

(Thơ viết ở biển)

Hay gió cũng từng làm cho hồn thơ Nguyễn Duy khắc khoải tr-ớc cái phẳng lặng của ngày mai: *Trái đất sẽ ra sao khi một ngày nào kia không còn gió nữa (Sông Thao)*. Cũn L- u Quang Vũ, nhà thơ mang cả một trái tim cồn cào vì gió. Ng- ời nghệ sĩ đam mê nh- gió, cuống quýt nh- gió; chịu ơn, giận dỗi, đôi khi còn sợ hãi gió. Và th- ờng những gì đọng lại trong đời lại là những điều ám ảnh nhất. Vì vậy, nếu không gian trong thơ L- u Quang Vũ th- a vắng gió thì hồn thơ ông sẽ trống trải ngẩn ngơ và thơ L- u Quang Vũ kể nh- bớt đời đi một nửa. M- a cũng là một vùng không gian tâm trạng. Tuy không rõ dáng hình nh- ng đó là nơi gửi gắm tâm tình của cái tôi. Hầu hết trong thơ L- u Quang Vũ là những cơn m- a tàn nhẫn, m- a tựa hạnh phúc mong manh. Đắm mình trong màu m- a tâm trạng nên sau mỗi lần rạn vỡ, cái tôi nhà thơ cảm thấy rất đau vô cùng:

M- a trên đ- ờng xa, m- a trên cửa sổ tâm hồn

Ôi tuổi thanh xuân trôi qua bằng những đêm trăn trở

(Những ngày chưa có em...)

Không gian đắm m- a ấy kéo theo một chuỗi thời gian nhiều nếm trải. ở đó, tuổi thanh xuân của đời ng- ời lại đ- ọc lo bằng khoảng thời gian nặng trĩu - u t- . M- a là không gian tâm trạng, vừa là dấu hiệu thời gian trôi chậm đến nao lòng. Trong m- a, con ng- ời d- ờng nh- ngẫm ngợi đ- ọc nhiều hơn về thân phận, về những mất – còn. Bỗng nhiên ta nhớ đến m- a ở một bài thơ lục bát của Nguyễn Duy, bất chợt mà tình tứ trong niềm mong đợi của đôi lứa yêu nhau: *Từ môi m- a giọt xuống môi/ Nhắm chung một hạt m- a rơi mắnh mà/ Áo em - ột lần vào da/ Tóc lẫn vào gió, gió là sợi tơ/ Mắt em trong đến ngáy thơ/ Trong nh- nắng giữa mịt mờ m- a giăng (M- a trong nắng, nắng trong m- a)*. Còn trong thế giới thơ L- u Quang Vũ, m- a giăng mắc cả không gian: *M- a c- óp đi ánh sáng của ngày/ Đ- ờng chập choàng trong nỗi khó gỡ/ Thức chẳng yên nên dở dang giấc ngủ/ Hạnh phúc con ng- ời mong manh m- a sa (Anh chỉ sợ rồi trời sẽ m- a)*. Đúng nh- cảm nhận của nhà phê bình V- ong Trí Nhàn, m- a trong thơ L- u Quang Vũ “cho thấy sự trôi qua của thời gian mà con người bất lực, không sao níu kéo nổi. M- a làm cho hiện tại trở nên vô nghĩa và t- ơng lai trở nên mờ mờ, không xác định” [37,69]. M- a gợi rửa buồn đau của cái tôi một thời muốn khóc. Trong cơn m- a xối lở không gian ng- ng đọng ấy, cái tôi dần hồi sinh:

M- a nh- b- ớc chân những khát vọng vô hình/ Trên một biển lá vàng đang nổi gió (M- a dữ dội trên đ- ờng phố trên mái nhà...).

M- a có lúc còn làm đây cho những yêu th- ơng tình tứ:

Em đứng bên anh nồng nàn mùa hạ

Ch- a kịp lời tình tự

Trời đã òa cơn m- a

V- ỡn rung lên trong n- ớc mắt trẻ thơ

Mắt em - ớt nhòa sung s- ửng

(M- a)

Tâm t- cái tôi trữ tình đến đây càng thể hiện nỗi lòng cái tôi của tác giả. Phải nói L- u Quang Vũ là nhà thơ đi từ tuyệt vọng, hụt hẫng, “sau nhiều năm mệt mỏi, chán chường, để tìm đến một lẽ sống mới cho cuộc đời và nghệ thuật” [8,82].

Linh cảm về sự muộn mằn của những lần những lần hẹn hò, ngỡ ngàng tr- ớc hạnh phúc tái sinh... chông chất trong thơ Lưu Quang Vũ màu mưa dự cảm. Không gian hoà lẫn với pháp phông, lo âu; không tin vào cái mong manh của những hứa hẹn hay ông không dỏm tin hạnh phúc sẽ trở lại cùng ông suốt đời:

Anh chỉ sợ rồi trời sẽ m- a

Xóa nhòa hết những điều em hứa

Mây đen trời chẳng còn xanh nữa

(Anh chỉ sợ rồi trời sẽ m- a)

Biển cũng là một khoảng không vô tận xuất hiện với tần số cao trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ, biển còn là lẽ sống, là - ớc mơ nghệ thuật. Thậm chí đó lại là nơi n- ơng nấu mỗi khi cái tôi không còn nơi bầu vú:

Bỏ ph- ờng phố bỏ dòng sông anh tìm đến biển

Tr- ớc mắt ta là khoảng vô cùng

(Nửa đêm tới thành phố lạ gặp m- a)

Vì cảm thấy đời không thoả đ- ợc khát vọng sống của mình, L- u Quang Vũ th- ờng tìm đến biển. Biển là - ớc mơ, cũng là tri âm, tri kỉ; thậm chí khổ ải của đời th- ờng t- ờng nh- suốt đời chôn chặt đều có thể gửi vào lòng biển bao la:

Anh không thể nào trốn chạy/ Anh ôm trong tay vòng tay khao khát/ Những dòng n-ớc mắt/ Cũng chói chang cửa bể chân trời (Viết cho em từ cửa biển). Và trong chặng đ-ờng sau cuộc đời, biển với L- u Quang Vũ là biểu t-ợng của vĩnh viễn. Tác giả lại không gian hoá thời gian: *Nắng đã tắt dần trên lá im/ Chiều đã xẫm màu xanh trong mắt tối/ Đ-ờng đã hết tr-ớc biển cao vời vợi.* Nghĩ là - ớc mơ nghệ thuật và khát vọng đời th-ờng thành thật của ng-ời nghệ sĩ sẽ là những khoảng vô cùng. Rõ ràng, biển chứa bao nhiêu biến cố đời ng-ời và cũng là vùng không gian đầy khát vọng.

Trong thơ L- u Quang Vũ, có khi cõi lòng thăm sâu cũng trở thành không gian tâm t-ợng, là khoảng không vô cùng; ở đó con ng-ời đ-ợc sống thật nhất – tuyệt vọng hay chờ đợi, hụt hẫng hay thăng bằng... đều thành thật: *Sau này chết đi, ở bên nhau mãi/ Chấm dứt mọi cay đắng buồn tủi/ Mọi nhọc nhằn ngang trái/E chúng mình không nhận ra đ-ợc nhau (Thơ tình về một ng-ời đàn bà không có tên I)*

3.3.2.2. Không gian sống đôi

Ấm ảnh về nỗi cô đơn ngay từ thuở còn trong vòng tay ôm ấp của gia đình: Tôi là đứa trẻ cô đơn ngay khi ngồi cạnh mẹ, L- u Quang Vũ rất mong đến đ-ợc với không gian sống đôi. Đó là hình ảnh con tàu – sân ga. Cuộc đời nhiều vấp vấp, có khi tận cùng của hoàng hôn là vỏ chai trống rỗng, nh-ng cái tôi vẫn không thôi đấu tranh để chiến thắng số phận. Nhà thơ sợ đơn côi, sợ cảm giác bị bỏ rơi, nhất là trong tình yêu. Vì thế, môtíp không gian sống đôi th-ờng song hành cùng cảm thức của cái tôi trữ tình. Hay nói khác hơn, trong một chừng mực nào đó, L- u Quang Vũ muốn rút gần khoảng cách của không gian, thu ngắn khoảng cách giữa mọi ng-ời. Với nhiều bài thơ của ông ở tập “**Bây ong trong đêm sâu**”, con tàu và sân ga nh- cùng sống đôi tình tứ. Mất một trong hai, con ng-ời rơi vào hụt hẫng. Có lúc, nhân vật trữ tình ví mình nh- toa tàu bỏ văng, không gian thành trống trải:

Những ngày ch- a có em

Anh nh- một toa tàu bỏ văng

Rất nhiều gió thổi qua cửa lạnh

Nh- ng thiếu lửa thiếu tiếng còi không biết lối về ga

(Những ngày ch- a có em)

Có lúc, con tàu – sân ga cũng là không gian của niềm an ủi; là sự vớt vát muộn màng: *Dẫu anh mất nhà ga êm đẹp đó/ Vẫn còn con tàu chuyển bánh đi xa (Anh đã mất chi anh đã đ- ọc gì)*. Nh- ng phần nhiều, trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ, con tàu - sân ga quanh quẽ nếu một trong hai không gian kia khuất vắng. Phải chăng đó là cái tạng riêng của L- u Quang Vũ, không bao giờ tìm thấy niềm vui ở sự lẻ chiếc. Và cuối cùng, con đ- ờng tàu trong thơ L- u Quang Vũ sóng đôi cùng một sân ga lớn hơn – sự vĩnh hằng:

Tàu lửa bay vút sáng cánh đồng khuya

Đất quằn quại, đá nghiêng răng vỡ nát

Đ- ờng ray bóng rung lên đau đớn

Nh- ng con tàu đang chạy tới một vầng trăng

(Nửa đêm tới thành phố lạ gặp m- a)

Không gian đời t- này mang nhiều tầng nghĩa sâu sắc, không đơn thuần gọi biệt li mà còn ẩn chứa nhiều tâm trạng khuất lấp của con ng- ời. Nh- vậy, ngay cả trong trạng thái cô đơn, ng- ời nghệ sĩ cũng cô đơn trong sự sóng đôi. Rõ ràng, cái đặc sắc của L- u Quang Vũ là ông đã biết “lạ hoá” một nếp tư duy quen thuộc. Trong nếp nghĩ truyền thống, con tàu – sân ga là biểu t- ượng của sự cách chia, li biệt. Chúng gọi cho ng- ời ta cảm giác lưu luyến, không nở xa rời. Nh- ng ở L- u Quang Vũ lại không đơn thuần là thế mà ông đã nhìn không gian sóng đôi này bằng cái nhìn hiện đại. Đó là con tàu – sân ga nh- trực tiếp đối thoại với nỗi lòng con ng- ời. Khi đứng riêng lẻ, nó là biểu t- ượng của sự đổ vỡ, là sự cô đơn đến tột cùng. Có thể nói qua hình t- ượng sóng đôi này, chúng ta còn đọc đ- ọc ở L- u Quang Vũ một quan niệm nghệ thuật về con ng- ời cô đơn cần sự giải thoát. Không phải chỉ là cô đơn trong cảnh ng- ời tiền đ- a ng- ời mà nỗi cô đơn còn bật thốt từ trong bản thân hình t- ượng. Quả thật, nhà thơ đã hất hăng lại càng gieo neo trong tâm trạng đa chiều của chủ thể trữ tình. Không gian trở thành chơi vơi: *Muốn lên tàu đi đâu thật xa/ Nh- ng nhà ga đã sụp/ Ngã t- m- a*

nhớ em/ Vừa th-ơng vừa trách giận/ Sao chân em dẫm đạp/ Lên những gì tôi yêu? (Ngũ t- thánng chạp).

Nh- vậy, L- u Quang Vũ không chỉ m- ợn hình tỰỢng sống đôi để đề cập đến hạnh phúc lứa đôi mà ông còn dùng nó nh- là một ph- ơng tiện nghệ thuật để chuyển tải những điều lớn hơn, về khát vọng, mất mát, về sự chịu đựng... Nhà thơ thử sống giữa làn ranh của không gian, thời gian sống đôi để tự cảm đ- ợc chiều sâu đời ng- ời. Đó là nhón quan của một nhà thơ luôn lấy sự chiêm nghiệm làm ph- ơng thức sống trong cõi thơ, cõi đời.

3.3.2.3. Không gian tổ ấm

Không gian đời t- nhỏ hẹp vừa thoáng đãng vừa ấm áp nhất trong thơ L- u Quang Vũ là không gian tổ ấm – không gian ngôi nhà. Chỉ là một bài thơ “*Nhà chậ*t” cũng đủ để ta lí giải đ- ợc vì sao hai tâm hồn nhiều đau xót Xuân Quỳnh – L- u Quang Vũ lại có thể n- ơng tựa vào nhau. Cái tôi chi chút, điểm xuyết yêu th- ơng cho tổ ấm, tạo nên một không gian ngập tràn hạnh phúc đời th- ờng:

Khoảng không gian của anh và em

Khi buồn bã em không thể quay mặt đi nơi khác

Anh không giấu em một nghĩ nào lo đ- ợc

Ta chỉ có mấy th- ớc vuông để cùng khổ cùng vui

(Nhà chật)

Quả thật, “*cái tôi trong thơ nâng con ng- ời lên cao hơn tồn tại trực tiếp, hướng nó về lí tưởng*” [42,14]. Cái tôi r- ng r- ng trong không gian nhà chậ

với bao nhiêu cảm thông, chia sẻ cùng ng- ời bạn đời đến từ miền gió cát. Không gian tổ ấm đã thực sự đ- ợc nội tâm hoá, ôm lấy tình yêu kì diệu của hai trái tim t- ởng quá sức vì hi sinh và chịu đựng. Không gian ấy vui buồn cùng m- ời năm năm ngọt đắng của gia đình nghệ thuật L- u Quang Vũ – Xuân Quỳnh. Càng thiếu thốn, con ng- ời ta càng thấy cần phải dồn hết tình yêu cho nhau, nhất là sự thấu hiểu và san sẻ: *Anh ngẩng mặt lên là ở cạnh em rồi. Đâu còn khoảng cách nữa, hai trái tim đan cài vào nhau trong khoảng không chậ*t hẹp: *Những ngày của riêng anh những ngày của riêng em bây giờ chung một/ Chung nhau chân trời chung nhau trang sách/ Chung nhau một ngọn đèn và khung cửa m- a rơi*

(Em). Hay có khi, không gian tổ ấm cũng tha thiết trong niềm ngóng đợi: *Tấm g-ong soi vào khoảng trống/ ngọn đèn soi gian phòng vắng/ tấm áo em trên thành ghế im lìm/ Chiếc thìa con, lát chanh mỏng úa vàng...(Em vắng)*. Hạnh phúc của cái tôi trữ tình chỉ gói trong mấy th-ớc vuông t-ờng vách nh-ng ng-ời đọc thấy yên lòng vì trong không gian t-ờng chừng nh- không thể bày biện t-ơm tất cho một mái ấm gia đình ấy, vẫn có hai ng-ời bạn đời cùng miệt mài viết cho xong những bài thơ còn dang dở.

Không gian tổ ấm xuất hiện nhiều giai đoạn sáng tác cuối cùng, khi cái tôi trữ tình nâng niu hạnh phúc và trân trọng xiết bao mọi điều giản dị. Những gì tồn tại trong miền không gian đó đều thân th-ơng: cái áo, cuốn sách lật giữa trang, lát chanh, giấc ngủ của người bạn đời... Tất cả mang nỗi niềm của một mái ấm gia đình. Nếu không khởi đi từ mất mát, ng-ời ta không dễ mấy khi trân trọng những điều bình th-ờng nhất. L- u Quang Vũ đến hạnh phúc sau nhiều lần vay trả, vì thế đối với ông, không gian mái ấm đong tràn yêu đ- ơng.

Trong không gian nghệ thuật, cái tôi trữ tình nhìn ra bên ngoài và đối diện với chính mình. Đó là môi tr- ờng để ng- ời nghệ sĩ bộc lộ cảm xúc và suy t- trên nhiều bình diện cuộc sống, của bản thân. Từ đó, không gian góp phần làm cho thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ trở nên đa dạng trong nhiều kích tác. Nhất là khi dừng lại tr- ớc không gian đời t- trong thơ L- u Quang Vũ, ng- ời ta càng cảm nhận sâu sắc hơn quan niệm nghệ thuật của ông lúc sinh thời, đ- ọc đúc kết sau một hành trình chiêm nghiệm: Thơ tôi là mây trắng của đời tôi. Đó là không gian lí t- ờng nhất mà một đời thơ L- u Quang Vũ h- ớng đến, bằng những khát khao chân thành; đúng nh- lời đại văn hào Pháp Victor Hugo: *“Để tạo ra tương lai, chẳng có gì bằng một giấc mơ”*.

3.4. Thời gian nghệ thuật

Trong văn học, thời gian là hình t- ợng nghệ thuật đ- ợc nhào nặn qua cảm nhận chủ quan của ng- ời sáng tạo. Trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ thì hôm nay có cái đã qua và cái mới bắt đầu. Đây cũng là một đặc điểm nổi trội của thời gian nghệ thuật trong thơ L- u Quang Vũ. Thời gian nghệ thuật là một hình t- ợng ám ảnh hồn thơ L- u Quang Vũ.

3.4.1. Thời gian lịch sử – xã hội

3.4.1.1. Thời gian thực hiện lịch sử

Ý thức đ- ọc b- ọc đi của hiện thực chiến tranh, L- u Quang Vũ đã thể hiện sinh động hình t- ượng thời gian gắn với từng hoàn cảnh cụ thể của lịch sử dân tộc. Đó là những đêm hành quân, là những năm đánh giặc, là một đêm 1972, là những bình minh tím than những hoàng hôn vàng úa. Có thể nhận thấy ở thơ L- u Quang Vũ kiểu thời gian lịch sử – xã hội đ- ọc cụ thể hoá thành thời gian chiến đấu, thời gian của xa cách, của nhớ mong, chờ đợi... **“Những con đường”, “Gửi tới các anh”**... khắc khoải thời gian nghĩa tình; ở đó, con người đối xử với nhau bằng nghĩa cử của hậu ph- ơng h- ớng lòng tiền tuyến. Đây vừa là thời gian lịch sử vừa làm nhịp b- ọc của cuộc sống đang hối thúc ng- ời trai trẻ lên đ- ờng. Và thời gian ở thơ ông gắn với những bản khoản th- ờng trực của con ng- ời tr- ớc thân phận nên khắc sâu hiện thực đau th- ơng, khốc liệt của chiến tranh. Bắt đầu ra khỏi thời **“Hương cây”**, thời gian cũng biến động cùng với biết bao biến động của đời ng- ời. Dòng thời gian không ngừng băng chảy nh- ng trong mạch ngầm của nó, có khi cũng tiềm ẩn những đ- ờng thời gian lạng lẽ; và khi con ng- ời khuấy động thì nó mới thực sự phát sinh. Ông có dòng sông thời gian cuộn đi bao biến cố của lịch sử và con ng- ời. Ông cũng có khoảng thời gian cụ thể về sự thật chiến tranh: *Lại sắp hết một năm/ Đất n- ớc ch- a xong giặc/ Bao nhiêu ng- ời chết/ Tiếng súng đống đinh lên ngực cuộc đời (Lại sắp hết năm rồi). Thời gian đi được tính bằng tháng năm lịch sử nh- ng lại đ- ọc đo bằng chiều sâu thăm tâm hồn con ng- ời: Cuộc chiến tranh đã mấy chục năm trời/ Con mới gần ba tuổi/ Tia nắng sớm mong manh chùm lá mới/ Đêm của đời gió bão đã dài lâu (Nói với con cuối năm)*. Có thể nói, con ng- ời trong thơ L- u Quang Vũ nhận thấy hết sự chi phối ghê gớm của thời gian đối với vận mệnh dân tộc và đối với từng số phận đang chịu cảnh biệt li thời chiến:

*Mấy m- ời năm đã mấy lớp ng- ời
Chia lìa gục ngã
Đã tận cùng nỗi khổ
Ng- ời ta còn muốn gì Ng- ời nữa
Việt Nam ơi?*

Con ng-ời trở nên nóng lòng tr-ớc vòng quay nghiệt ngã của thời gian trong khi cuộc chiến tranh của dân tộc còn đang đẫm máu. Nh-ng điều đáng nói ở L-u Quang Vũ là cái nhìn bi quan của ông về thời gian không phải xuyên suốt cả đời thơ mà đó chỉ là một chặng đở vỡ lòng tin không phải quá dài.

3.4.1.2. Thời gian hoài vãng

Quay về với ngày x-a của dân tộc có thể xem là ph-ong thức đầu tiên để ng-ời nghệ sĩ voi đi nỗi đau thực tại. Đôi mắt u buồn của L-u Quang Vũ d-ờng nh- ấm áp hơn khi ông h-ớng nhìn về thời quê h-ong yên bình. Chúng ta gặp rất nhiều hình ảnh biểu tr-ng của thời gian hoài vãng trong thơ L-u Quang Vũ. Đó là kí ức xa xăm, rìu đá cổ xưa, Trung Hoa tuổi thơ tôi...hay là điệp khúc da diết đi tìm lại thời gian đã mất. Có thể nói **“Hương cây”** gọi về những hồi ức đẹp đẽ. Dẫu có xen lẫn nỗi đau x-a, chuyện khổ x-a nh-ng vẫn là kỉ niệm êm đềm của cái tôi yêu quê h-ong bằng một tình yêu trong veo, thanh khiết – tình yêu của một trái tim còn rất trẻ, trong cả tuổi đời và trong cả nghĩ suy. Ra khỏi thời **“Hương cây”**, nhà thơ vọng t-ởng nhiều hơn và sâu hơn về quá khứ:

Ngày x-a yên ấm quá

Trẻ hát đồng dao trên phố

Con trai xách diều đi cày

Con gái quang liềm gặt lúa

(Đêm đông chí, uống r-ượu với bác Lâm bác

Khánh, nói chuyện về những cuộc chia li thời loạn)

Đầu thập niên 70, cùng với độ chín trong quan niệm nghệ thuật, cộng cảm với dấu ấn khó phai mờ của đời tư... hình thành trong thơ L-u Quang Vũ thời gian hoài vãng mang chiều sâu suy t-, triết lí. Đó là thời gian đi cùng miền kí ức u buồn, thảm thiết của dân tộc: *Đám ng-ời bán máu xanh gầy/ Co ro chờ ngoài bệnh viện/ Những sự thật buồn c-ời mà khủng khiếp (Nửa đêm tới thành phố lạ gặp m-a)*. Ngay trong tr-ờng ca đậm dấu ấn văn hoá - tr-ờng ca **“Đất nước đàn bầu”**, thời gian cũng nặng buồn đau của cái tôi quay quắt trong niềm hoài vãng:

Dân tộc tôi bốn ngàn năm áo rách

Những ng-ời chết đặc trong lòng đất

Những mặt vàng sốt rét

Những bộ x-ơng đói khát vật vờ đi

Thời gian hoài vãng còn là giấc mộng đêm làm con ng-ời đau đớn. Thời gian cõi mộng kéo theo khoảng không gian cõi mộng ám ảnh nhà thơ đến rợn ng-ời:

Nén tắt lịm, chỉ ào ào sóng vỗ

Những cánh đồng tôi đã đi qua

Hiện về trắng xoá

Những cô gái tôi yêu

Nói c-ời nghiêng ngả

(Giấc mộng đêm)

Càng nhìn quá khứ, cái tôi trữ tình càng tự điều chỉnh nhiều cảm nhận của mình một thời phiến diện. Ông càng khát khao hình hài quê h-ơng sẽ nh- trang sách tình yêu có ngôi sao lên. Chính điều đó thôi thúc L- u Quang Vũ tìm đến dòng thời gian khát vọng – mảng màu chính tạo thành phong cách thơ ông.

3.4.1.3. Thời gian khát vọng

Trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ, nếu thời gian hoài vãng tô đậm hiện thực thì thời gian khát vọng làm cho hiện thực hứa hẹn t-ơng lai: *Bán đảo ru ta thăm thẳm vành nôi/ Ôi tiếng nói và màu da vời vợi/ Tôi th-ơng mến tôi mong chờ biết mấy/ Những mùa vui sẽ gặt ở nơi này (Bài ca trên bán đảo)*. Dấu trong giai đoạn sáng tác bi kịch nhất, thơ L- u Quang Vũ cũng tiềm ẩn khát vọng. Niềm tin, -ớc mơ của con ng-ời khắc cả vào thời gian. Cũng nh- không gian, thời gian khát vọng làm cho hình t-ợng đất n-ớc đ-ợc hình dung ở cả chiều dài lẫn chiều sâu lịch sử. Qua đó, ta thấy sự chuyển biến trong nhận thức của tác giả: yêu tin – bi quan – lạc quan. Dễ thấy kiểu thời gian khát vọng bao trùm thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ. Thì ra trong ông, sự cắt chia quê h-ơng chỉ là cái tạm thời và đoàn tụ dân tộc mới là vĩnh cửu, trong niềm hi vọng của con ng-ời: *Nguyện cho phố tôi/ Không ai phải quanh năm túng đói/ Không còn ai bị mỗi mòn sủ nhục/ Nguyện cho kẻ ốm mau lành/ Nguyện cho ng-ời tôi th-ơng không ai phải khóc/ Nguyện cho lòng tôi đừng sợ hãi/ Nguyện cho lòng tôi đừng*

ngươi lạnh tình yêu (Câu nguyện). Có thể nói sự hồi sinh của lòng tin khác vào thời gian, vào t-ương lai của dân tộc: *Bà đứng đó miệng trâu cau thơm ngát/ Vàng yêu th-ương soi sáng suốt cuộc đời/ Khắp miền sông vang tiếng trẻ con c-ời/ Đất n-ớc đàn bầu/ Đất n-ớc ban mai...* Rõ ràng, thời gian lịch sử – xã hội trong thơ L-u Quang Vũ luôn vận động, gắn với hiện thực và cũng gắn với từng thời điểm dao động trạng thái cảm xúc của ng-ời nghệ sĩ.

Thời gian khát vọng sẵn có trong **“Hương cây”**, cái tôi ngập tràn lòng tin vào t-ương lai Tổ quốc. Tại thời điểm này, dễ tìm thấy trong thơ ông nhiều nỗi đợi mong: xôn xao bóng hình đất n-ớc đi lên, ngọn bút chì đang vạch nét t-ương lai... Có khi ngay trong thời điểm tưởng như không thể lấy lại thăng bằng của đời ông, chúng ta vẫn ngạc nhiên nhận ra bên trong vẻ rách nát đó là một hồn thơ cuộn vào lòng cơn sóng ngầm khát vọng: *N-ớc lũ qua sẽ còn lại phù sa/ Những tình yêu những - ớc vọng thiết tha/ Dẫu bay đi không một lời đáp lại/ Dẫu trơ trọi trong lạnh lùng bóng tối/ Dẫu đ-ờng dài xa ngái/ Đừng phút nào mệt mỏi, thơ ta ơi (Nói với mình và các bạn).* Thời gian hi vọng không phải bắt nguồn từ sự t-ởng t-ợng hão huyền mà đó là thời gian bắt rễ sâu vào hiện thực, nhất là hiện thực... của niềm tin:

Cuộc đời sẽ đi qua những ngày đông xám ngắt

Sẽ trở lại con sóng già đầu bạc

Sẽ có - ớc mơ và những quả d- a vàng

(Viết cho em từ cửa biển)

Trên bản tr-ờng ca **“Đất nước đàn bầu”**, t-ương lai đầy hứa hẹn của dân tộc bùng lên trên niềm tin của con ng-ời. Tác giả cảm nhận được b-ớc đi nhọc nhằn của dân tộc từ thời hồng hoang đến chân trời vụt mở bao la.ở đó, những con ng-ời của ngày x- a sống dậy, khuấy động cả thời quá vãng buồn vui của dân tộc không thể đo đếm bằng ngày. Và cuối cùng, trên triền sông ấy, quá khứ – hiện tại – t-ương lai đồng hiện trong niềm tin yêu của con ng-ời:

Mặt ng-ời x- a hoà lẫn mặt anh em

Câu hát cũ lẫn vào câu hát mới

Dòng sông hét, biển gầm lên dữ dội

Những chân trời vụt mở bao la

Đồng hiện là “*một hiện t- ợng mà ở đó các không gian – thời gian quá khứ, hiện tại (cả t- ợng lai) đ- ợc tái hiện trong cùng một lúc*”[2,45]. Đây là một nét nổi bật tạo thành phong cách thơ L- u Quang Vũ, trong nguồn thi hứng dân tộc. Ở giai đoạn sáng tác sau “**H- ơng cây**” đã xuất hiện kiểu thời gian đồng hiện nh- một triết lí sống về lẽ suy - thịnh của vận mệnh Tổ quốc.

3.4.2 Thời gian đời t- , thời gian chiêm nghiệm

Đây là thời gian chi phối rất nhiều đến cảm hứng sáng tác của L- u Quang Vũ. Ng- ời nghệ sĩ ấy không ngại ngần đến tận cùng hiện thực để sống trọn với nó, và tận cùng mình để đọc hết lòng mình; vì thế mà ông đến đ- ợc tận cùng nghệ thuật để sáng tạo và cống hiến, dấu đó là những vần thơ ông viết cho mình.

3.2.2.1. Thời gian hồi t- ởng

Ngay từ những ngày đầu sáng tác, L- u Quang Vũ đã mãi mê trở về với dòng thời gian của tuổi ấu thơ. Từ trong “**Hương cây**”, ta bắt gặp một cái tôi trân trọng quá khứ, miên man với kỉ niệm ngày x- a: hoa tuổi thơ, ổi năm x- a, võng ru ngày ấy, em nơi nào trong tí tắp chia xa, ban nhạc ngày x- a khúc hát ngày xưa... Nghĩa là bằng sự mẫn cảm của người nghệ sĩ, Lưu Quang Vũ xốn xang trong lòng kỉ niệm: *Em nh- gần nh- xa lẫn khuấy/ Anh bỗng thành chim nhận vọng trời xanh/ Anh nhớ em trong nỗi nhớ lá cành/ Nhớ nỗi nhớ của v- ờn x- a tội quá (Bài thơ khó hiểu về em)*. Và sau nhiều nỗi đau quá sức, thời gian của kí ức lại trở thành chỗ n- ợng nấu cuối cùng để L- u Quang Vũ tự trấn an mình và cũng để tự mình nghiệm ra nhiều lẽ đời khác nữa: *Nếu bây giờ đang là mùa hè/ Tôi sẽ vào rừng đan cho em chiếc mũ mềm bằng cỏ/ Nếu quên mình không còn ít tuổi/ Tôi sẽ hái cho em chùm xoan tây (Mấy đoạn thơ...)*. Ở đó, nhà thơ cất nghĩa cho những điều đ- ợc – mất. Thời gian vì thế cũng buồn bã cùng nỗi lòng cái tôi (*Gửi một ng- ời bạn gái, Anh chẳng còn gì nữa, Từ biệt, Em vắng, Nửa đêm nỗi nhớ...*). Chỉ một b- ớc trở lại cảnh cũ, lòng ông đã dậy lên bao nỗi nhớ ngày x- a: *Anh lên xứ Đoài x- a/ Ba Vì mây trắng/ Nhớ mặt em gầy sau lá m- a/ Lênh đênh bến n- ớc Trung Hà (Không đê)*. D- ờng nh- mỗi khi lòng dao động, L- u Quang Vũ th- ờng cú xu h- ớng tìm về cái đã qua. Lời từ tạ của ông quay quắt trong thời gian hoài niệm: *Anh cũng lạ cho mình xe cát bẻ*

*Chấp đời em vào với cánh bướm/ Anh giặt áo cho em, anh dọn bếp sửa buồng/
Anh cứ nghĩ th-ong nhau là tất cả/ Nh-ng em c-ời khi anh chẳng thể vui (Từ
biệt). Và khi nhìn lại quá khứ lặn đạn của đời mình, đôi lúc L- u Quang Vũ thức
nhận về thời gian hiện hữu bằng cái nhìn có phần bi lụy: Cuộc đời nh- một mù
già dâm dăng/ Một núi dây thừng bắn thủ rồi ren (Có những lúc).*

Thật khó có thể nói cho tận hết gan ruột của cái tôi bi quan gửi vào câu
thơ này. Thời gian nghệ thuật vừa cụ thể vừa trừu t-ợng, khiến ta nhói đau. Quá
khứ nh- hần sâu bao nhiêu trải nghiệm của đời ng-ời nghệ sĩ từ lặn đạn và thử
thách.

3.4.2.2. Thời gian tái sinh

Nh- đã thành quy luật, ng-ời ta rất trân trọng những gì có lại sau mất mát.
Khi đ-ợc bù đắp, dù là sự bù đắp mong manh hay vĩnh cửu đều tạo cho cái tôi
trữ tình một cảm giác tái sinh. Xuất hiện trong thơ L- u Quang Vũ dòng thời gian
tái sinh – mới mẻ, lành lặn – nh- ch- a từng khổ đau, mở ngày mới xé tan ngày
cũ, anh cùng em ta sống lại cuộc đời... Có thể xem thời gian tái sinh là một bước
chuyển tiếp của thời gian khát vọng. ở địa hạt đời t-, niềm khát vọng của cái tôi
trữ tình đã thành hiện thực; bởi vậy thời gian cũng bùng lên một ý nghĩa cao hơn
cả khát vọng của con ng-ời - đó là thời gian tái sinh. Con ng-ời nâng những điều
bình dị lên thành hạnh phúc cao cả: Ngày của đời th-ờng thành ngày-ở-bên-em.
Thời gian đã đ-ợc không gian hoá. Cuộc đời nh- thu lại trong một khoảng cách
rất gần giữa anh và em. Đến nỗi: *Em ở đấy, bàn tay tin cậy/ Bàn tay luôn đỡ lên
vì giặt giũ mỗi ngày/ Đôi mắt buồn của một xứ sở nhiều m- a/ Ngọn đèn sáng rụt
rè bên cửa sổ/ Đã quen lắm, anh vẫn còn bỡ ngỡ/ Gọi tên em, môi vẫn lạ lùng
sau (...Và anh tồn tại).* Đó là sự bù đắp công bằng của duyên nợ trần gian, sau
khi con ng-ời đã ném đủ mất mát. Thời gian bỗng làm cho con ng-ời tin vào
thực tại: *Em không b-óc ra từ một tấm g-ơng cám/ Không đến từ một con tàu
trong trí nhớ/ Không phải từ một giấc mơ một dòng sông hay một lùm cây rục rĩ/
Em đến giữa một ngày trong những ngày sống thực của anh (Em).* Thời gian tái
sinh trong thơ L- u Quang Vũ th-ờng đ-ợc khắc hoạ rõ nét trong hình ảnh đối

lập giữa hôm qua – bây giờ, x- a – nay đ- a ng- ời nghệ sĩ đến với những trang thơ mang đầy chất suy t- ởng:

X- a anh nh- lá th- không địa chỉ

Con tàu không lửa than, con thuyền cũ không buồm

Anh nghĩ quá nhiều về những khoảng vô biên

Những đảo lạ trong khói mờ ẩn hiện

Nay anh chỉ tin

Những nhánh cây trong tâm hái con ng- ời

(Suy t- ởng)

Thời gian trở nên có nghĩa vô cùng. Nó thấm từng chiêm nghiệm con ng- ời. Trong thời gian tái sinh, nhà thơ đ- ọc tiếp thêm nguồn sinh lực để tiếp tục vun trồng những - óc mơ cháy bỏng mà tr- óc đây, vì không đủ thời gian nghiền ngẫm đón đau, ông ch- a thể thực hiện đ- ọc. Sau cuộc đời này một cuộc đời khác nữa là triết lí thời gian tích cực của cái tôi một thời từng thấy quanh mình chỉ là những ngày đông xám ngắt. L- u Quang Vũ tựa vào thời gian tái sinh mà quay nhìn về quá khứ với cái nhìn trù mến: *Ta ngoảnh đầu nhìn lại tháng năm dài/ Mùa thu ấy vẫn còn nguyên ở đó (Mùa thu ấy vẫn còn nguyên ở đó).*

Quả thật, cả tập thơ “**Mây trắng của đời tôi**” là một sự hồi sinh đến linh diệu. Thời gian nh- quá ít ỏi để con ng- ời tận tụy chăm sóc cho nhau. Tình nghĩa vợ chồng đ- ọc nhân lờn trong cảm giác cái muộn màng vẫn là cái ban đầu: *Có em, anh bắt đầu tất cả/ Bắt đầu con đ- ờng, bắt đầu nhịp thở/ Mùa hạ đầu tiên ngọn gió đầu tiên (Chiều chuyển gió).* Chỉ có một nhân sinh quan tích cực mới đem lại khả năng cải hoá thời gian nh- thế. Đây là một nét độc đáo hình thành phong cách thơ L- u Quang Vũ. Và cũng chính cảm xúc thời gian tái sinh tạo cho ông tâm thế chạy đua cùng vòng đời ngắn ngủi, nhất là trong hành trình nhà thơ đi tìm hạnh phúc...

3.4.2.3. Thời gian dự cảm

Ai cũng có linh cảm về một cái gì đó mơ hồ đang đón đợi mình phía tr- óc. Với ng- ời sáng tạo nghệ thuật thì sự linh cảm ấy trở thành ám ảnh; là tiên giác, tiên nghiệm. Cảm thức thời gian trong thơ L- u Quang Vũ gắn chặt với tâm thế chỉ mới bắt đầu những ngày đẹp đẽ nhất trong khi từng ngày lại nhanh chóng

trở thành quá khứ: *Chỉ e nữa lòng em rồi cũng nhạt/ Quên hoa vàng ở lại những đêm m-a (Hoa vàng ở lại)*. Vì vậy. L-u Quang Vũ khắc khoải tr-ớc dòng thời gian dự cảm... Đứng trước tình yêu đã nhuộm màu thắm thía thì thời gian dự cảm mới thành hình t-ợng ám ảnh thế giới thơ L-u Quang Vũ. Nhà thơ có cả một chuỗi thời gian tiên cảm, khi hạnh phúc gia đình vừa mới ngoảnh mặt lại với ông: *Lá sẽ rơi trên cỏ mềm lối cũ/ Thân cây x-a sẽ gục đổ bên thềm (Thơ tình viết về một ng-ời đàn bà không tên I)*. Không ít lần ông tự cảm: *Chúng ta gặp nhau quá muộn trong đời/ Chúng ta cách nhau nh- buổi sáng cách buổi chiều/ Chẳng dám mong một lần gặp gỡ (Gửi)*. Nhiều khi L-u Quang Vũ đứng mấp mé cảm giác sắp chia lìa: *Tất cả ở đây đều ch-a định/ Cuộc đời nh- sắp sửa đi xa (Viết cho em từ cửa biển)*. Ấu đó cũng là biểu hiện của niềm đam mê sáng tạo nghệ thuật, sáng tác thơ của ông.

“*Bài hát ấy vẫn còn là dang dở...*” là niềm khắc khoải thời gian dự cảm. Thật hiếm có một bài thơ trữ tình nào mà hầu hết hình t-ợng đều đ-ợc khắc hoạ từ điểm nhìn quá khứ của chủ thể trữ tình. Tất cả là cái đã qua, và còn lại là dang dở. Tứ thơ cứ xoắn lấy sự tiên liệu của con ng-ời. Dồn dập trong hồn thơ đầy gió bão ấy là nắng đã tắt, chiều đã sẫm, đ-ờng đã hết, gió đã dừng, m-a đã tanh... và ng-ời đã sống hết tận cùng năm tháng. Nh-ng lại không phải là sự tĩnh lặng của thình không, cũng chẳng phải là tình thơ đã thôi xao động. Cái tôi trữ tình ở chặng đời này mang cảm giác bồn chồn với nhiều trăn trở mới. Nhiều câu thơ mang màu triết lí về thời gian, nh- có lần ông tâm sự: *Ai biết ngày mai sẽ có những gì (...Và anh tồn tại)*. Không phải L-u Quang Vũ bi quan mà đó là nỗi day dứt của một trái tim không muốn thêm một lần nào lìa xa hạnh phúc.

Hồn thơ già đi trong triết lí sâu sắc về đời ng-ời. Đây không hẳn là một t-ợng mới nh-ng lại khởi đi từ một trái tim đã qua nhiều chiêm nghiệm nên hết sức chân thật và da diết. Trong cái khoảng không cùng của cuộc đời, ng-ời nghệ sĩ chọt giạt mình vì còn nhiều quá những điều trong dự định:

*Còn bao chân trời mình ch-a tới đ-ợc
Bao hi vọng, khổ đau, nụ c-ời, n-ớc mắt
Mỗi con đ-ờng lai có những ngã ba
Dẫn đến vô biên bao chuyện bất ngờ
(Chiều chuyển gió)*

Cái tôi nh- muốn giữ lại thời gian để chiêm ng- ỡng tận bề sâu của hạnh phúc, trong cả tình yêu và hiến dâng nghệ thuật. *Ai thuở tr- ớc nói những lời thứ nhất/ Còn thô sơ nh- mảnh đá thay riêu/ Điều anh nói hôm nay, chiều sẽ tắt/ Ai ng- ời sau nói tiếp những lời yêu (Tiếng Việt)*. Nhà thơ th- ờng mang tâm thế cuồng quýt khi nhịp sống cứ vô tình gõ vào đời đều đặn. ở độ tuổi lẽ ra ch- a cần phải nhiều chiêm suy, day dứt thì L- u Quang Vũ đã h- ớng tầm nhìn của tuổi trẻ về cánh cửa cuối cùng của đời ng- ời – cõi h- vô: *Ôi nếu phải tan thành bụi cát/ Thành h- vô, không khí trời, không ánh sáng/ Chỉ trống rỗng, câm lặng, vô hình (Bài hát ấy vẫn còn dang dở)*. Chỉ có con người “lớn lên” từ những trải nghiệm mất mát của chính ng- ời trong cuộc thì mới có cảm thức sâu sắc về thời gian. Bỗng nhiên ta chợt nhớ đến nỗi ám ảnh thời gian trong thơ Xuân Diệu – con ng- ời luôn rơi vào chiếc đảo hồn cô đơn. Gấp gáp, vội vàng trong niềm khát khao không thoả khiến trong Xuân Diệu, hiện tại gắn với mặc cảm chia lìa. Ông- hoàng-của-thơ-mới nhìn thấy t- ơng lai u buồn trong hiện tại, luôn chi chút đếm đong dù thời gian ch- a hề vội cạn, luôn thấy bốn bề hạn hẹp dù không gian đã mở ra đến vô cùng: Lòng tôi rộng nh- ng l- ợng trời cứ chật. L- u Quang Vũ cũng gặp gỡ cảm thức thời gian của các nhà thơ mới. Nh- ng khác với Xuân Diệu, cái tôi trong L- u Quang Vũ thấy hiện tại đã thành dĩ vãng là để hối hả thực hiện nhiều dự định đang chờ đợi ông; và quan trọng hơn là tiên cảm cả thành quả đời ng- ời trong những ngày sắp tới: *Phút cuối cùng tay vẫn còn trong tay/ Ta đã có những ngày vui s- ớng nhất/ Đã uống cả men nồng và r- ượu chát/ Đã đi qua cùng tận của con đ- ờng/ Sau vô biên dẫu chỉ có vô biên/ Buồm đã tới và lúa đồng đã gặt (Bài hát ấy vẫn còn là dang dở)*. Nhìn chung, thời gian dự cảm rõ nét trong thơ L- u Quang Vũ song đậm nhất là ở tập thơ “*Mây trắng của đời tôi*”, khi cuộc đời riêng t- của ng- ời nghệ sĩ đã trở nên vô giá.

Thời gian đã đ- ợc nhìn nhận không chỉ trên ba chiều nữa mà trong thơ L- u Quang Vũ, con ng- ời đ- ợc phát hiện ở chiều thứ t- của thời gian - đó là chiều của đời sống tâm linh – theo quan niệm của văn hoá ph- ơng Đông. Có thể thấy, hình t- ợng thời gian trong sự kết hợp đồng hiện quá khứ – hiện tại – t- ơng lai là nghệ thuật xây dựng thời gian đời t- , thời gian tâm t- ợng trong thế giới thơ

L-u Quang Vũ. Chính dòng thời gian đồng hiện này làm cho con ng-ời đời t-
bộc lộ tâm trạng của mình trên nhiều chiều kích. T- ởng nhớ thì t- ởng nhớ đến
quất quay, âu lo thì âu lo đến ám ảnh, còn khao khát thì khao khát đến tận cùng.
Sự giao thoa của ba chiều thời gian nh- thế đã tạo trong thơ L- u Quang Vũ hình
t- ợng thời gian mang chiều kích mới: quá khứ trở nên x- a hơn, hôm nay đan cài
của cái còn phía tr- ớc và nhất là t- ợng lai lại ôm chứa cả chiều x- a của quá khứ
và chiều sâu của thực tại; xuất hiện đậm đặc trong thơ ông:

Nắng đầu hạ ch- a về

M- a cuối xuân sắp lạnh

Một cái gì mong manh, thấp thoáng

đang bồn chồn chuyển động giữa không gian

(Em có nghe...)

Với L- u Quang Vũ, đồng hiện thời gian đã trở thành một nghệ thuật ứng
xử với đời của một con ng- ời đam mê sống. Trong thơ ông, những t- ởng mỗi khi
thời gian đồng hiện thì con ng- ời nh- bị cuốn vào cơn lốc xúc cảm; mà ở đó,
cảm thức về cuộc đời trở nên sâu hơn và thấm thía hơn. Có thể khẳng định thời
gian đồng hiện trong thơ L- u Quang Vũ thể hiện đậm nét ở sự giao thoa kì diệu
giữa thời gian hồi t- ởng – thời gian dự cảm – thời gian tái sinh. Đây là sự hoà
quyện giữa những mặt t- ởng đối lập trong đời sống nội tâm của nhà thơ, khi dự
cảm là cảm thức thời gian chủ đạo, chi phối một đời sáng tác. Nh- vậy, L- u
Quang Vũ thể hiện sâu sắc triết lí về dòng đời riêng t- phân nhiều từ cái nhìn
đồng hiện thời gian. Không gian vì thế cũng trùng phức trong bề dày thời gian
chồng chất giữa cái quá khứ – hiện tại – t- ợng lai: *Em có nghe từ phía nào đang
tới/ Trên những ngã đ- ờng chở gió chiều nay/ Sau mỗi ngôi nhà, trên mỗi vòm
cây/ Một cái gì chúng ta còn ch- a biết/ Một cái gì ch- a ai đoán đ- ợc/ Đang
rung rinh xao động cả đất trời (Em có nghe...)* Trong cái nhìn đa chiều nh- thế,
nhân vật trữ tình xoay xở với cuộc sống để tìm ra ý nghĩa đời t- . Con ng- ời rồi
sẽ già đi, vạn vật đều trở thành x- a cũ, duy chỉ thời gian là vĩnh cửu trong cái
nhìn tâm linh của con ng- ời:

Những mặt trời trong trí nhớ lao đao

Hoa bất tử mọc l- ng đời hoang dại

Những cánh bướm mênh mông trên biển chới

Những con tàu – tất cả dẫn về em

(Mặt trời trong trí nhớ)

Không gian và thời gian trong thế giới thơ L- u Quang Vũ tồn tại trong nhau, là hai mặt của một thể thống nhất – là th- ớc đo đời ng- ời. Việc chia tách không – thời gian thành hai phạm trù riêng để khám phá thế giới nghệ thuật thơ ông chỉ mang tính chất tạm thời; để ng- ời đọc hình dung sắc nét hơn về từng khía cạnh của thế giới nghệ thuật thơ ông. Có thể nhận thấy hầu hết hình t- ợng không gian, thời gian đ- ợc tạo dựng qua lăng kính nội cảm phức tạp, đầy mâu thuẫn của ng- ời nghệ sĩ. Trong đó, cái tôi nh- ất kiệt mình để sống đến tận cùng nỗi riêng chung mẫn mà nhân tình. Không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật trong thơ L- u Quang Vũ có khả năng thanh lọc tâm hồn con ng- ời. Chúng đan quện vào nhau, tạo thành một thế giới nghệ thuật thơ ôm chứa những điều rất đời mà dấu ở tình riêng hay nghĩa chung thì cái tôi trữ tình cũng trải mình đến tận cùng.

3.5. Ngôn ngữ thơ ca và giọng điệu trữ tình

3.5.1. Ngôn ngữ thơ ca

Trong “Thi nhân Việt Nam”, Hoài Thanh nhận định: *“Phong trào thơ mới lúc bột phát có thể xem nh- một cuộc xâm lăng của văn xuôi. Văn xuôi tràn vào địa hạt thơ, đập phá tan tành”* [48,43]. Cái tôi thơ mới khao khát bộc bạch đến tận cùng gan ruột, vì thế d- ờng nh- dung l- ợng câu thơ gần với văn xuôi là đủ sức chuyển tải tâm trạng của người nghệ sĩ hơn cả. Nhưng “cuộc xâm lăng” đó không lâu và không nhiều. Mãi đến khi dòng thơ kháng chiến xuất hiện với nhu cầu thể hiện rõ lập tr- ờng, t- t- ờng của cỏ nhà thơ cách mạng thì lời nói mới đóng vai trò chủ đạo trong thơ. Từ đó, chất văn xuôi trở thành “chủ âm” của ngôn ngữ thơ cách mạng. Nh- vậy, là ng- ời sáng tác thuộc đội ngũ nhà thơ thời kì chống Mĩ, L- u Quang Vũ có điều kiện đ- a vào thơ nhiều ngữ điệu của cuộc đời, làm phong phú ngôn ngữ Việt Nam hiện đại nói chung, đồng thời cũng tạo ra một thế giới ngôn từ nghệ thuật mang giọng điệu của riêng ông.

Ngôn ngữ thơ gần với văn xuôi là đặc điểm dễ nhận thấy trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ. Ông sử dụng nhiều nhất là thơ tự do – có thể

dung chứa đ- ọc dòng chảy cảm xúc của chủ thể trữ tình. Nh- nhận định của Hữu Đạt: “*Thơ tự do chẳng những nói đ- ọc những mặt gồ ghề, gân guốc của cuộc sống mà còn nói đ- ọc những mặt đổi thay của cuộc đời một cách nhẹ nhàng, thấm thía*” [6,307]. D- ồng nh- L- u Quang Vũ có xu h- ớng mở rộng câu thơ thành lời nói tâm tình: Tôi chẳng muốn điệu hát buồn là kỉ niệm về tôi, Tiếng than vón tiếng nỉ non tiếng đùa tiếng khóc, Khao khát của em không phải của người con gái..., phù hợp với cách biểu hiện cảm xúc đắm đuối của cái tôi. Thơ là ngôn ngữ độc thoại nh- ng rõ ràng những câu thơ gần với văn xuôi nh- thế đã đ- a thơ L- u Quang Vũ xích lại lời thoại, trần tình: *Anh đã cho nhiều anh đã phải lãng quên/ Ng- ời ta chê anh nhiều l- u luyến quá/ Anh gắng g- ọng nghe theo anh vứt bỏ/ Bao điệu kì chân thực thuộc về anh (Anh đã mất chi anh đã đ- ọc gì)*. Tâm can ng- ời nghệ sĩ bật thốt thành lời, vì thế tự nhiên mà cảm động vô cùng. Tr- ớc bọn bề tốt xấu, mắt còn của thực tại thì lời nói trong thơ càng góp phần phản ánh đầy đủ cuộc sống đa dạng. Đây cũng là cái tạng của L- u Quang Vũ, không thể khuôn mình vào những dòng chữ ngăn ngủi khi mà dòng cảm xúc của nhà thơ hầu nh- ch- a bao giờ thôi đắm đuối, ngay cả khi đó là tiếng nói của nỗi đau tâm hồn.

L- u Quang Vũ đem vào thơ cách ngắt nhịp của lời nói. Đây chính là hiện t- ượng vắt dòng, xuất hiện với tần số cao trong thơ ông. Nhịp điệu thơ chính là nhịp điệu tình cảm. Kết cấu này tạo độ lo lắng cho mạch cảm xúc, tạo những khoảng lặng của một hồn thơ phức tạp. Nh- có lần sức nặng lời buộc tội về tình ng- ời của cái tôi trữ tình d- ồng nh- dồn cả vào những chỗ vắt dòng:

Sao mọi ng- ời có thể đứng d- ng

Nhìn em đi trên đ- ồng tối

Mọi ng- ời đều có tội

Tr- ớc tuổi thơ đã chết của em

(*Những tuổi thơ*)

Hay những vần thơ tình của tác giả, nhờ kiểu vắt dòng, d- ồng nh- cũng trở nên da diết hơn; và ở đó, nỗi rung động của nhà thơ nh- phả vào lời:

Ngày th- ờng nhật, chẳng có gì lạ cả

Sao suốt chiều anh cứ đợi mong em

(*Chiều chuyển gió*)

Có khi câu thơ đ- ọc cấu trúc từ rất nhiều dòng thơ, mang âm điệu lời nói và đó cũng chính là âm điệu của một tâm hồn ấp đầy khát vọng:

Mặt trời từ vực sâu đen thẳm

Từ biển đêm tràn trọc

Sáng dần lên trên những ngón tay em

(Viết lại một bài thơ Hà Nội)

Có thể nói, thơ L- u Quang Vũ gần với ngôn ngữ của lời nói còn nhờ vào sự xuất hiện đậm đặc hệ thống h- từ. Văn học hiện đại đã tìm mọi cách v- ợt qua khỏi rào cản từ ngữ trang trọng truyền thống để đ- a vào văn ch- ơng vốn từ giao tiếp đời th- ờng. Đối với thơ cách mạng mà yêu cầu triết luận sắc sảo đ- ọc đặt lên hàng đầu thì nghệ thuật sử dụng ngôn từ nh- thế không phải là hiếm. L- u Quang Vũ tiếp nối việc sử dụng h- từ của thơ ca cách mạng nh- ng phải nói ở ông, d- ờng nh- đó là sở tr- ờng. Và không chỉ đơn thuần nâng tầm khái quát, triết luận nh- cách thơ cách mạng th- ờng sử dụng mà trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ, hệ thống từ này còn giúp d- ời ngòi bút ông cộ xát đ- ọc với muôn mặt cuộc sống đời th- ờng.

L- u Quang Vũ rất thích hợp với những phụ từ chỉ sự phủ định có khả năng nhấn mạnh thái độ, tình cảm của cái tôi trữ tình, nhất là khi L- u Quang Vũ muốn chất vấn cuộc đời: *Anh chẳng mang cho đời những tiệc vui ảo ảnh/ Nỗi buồn chân thành đời chẳng nhận hay sao? (Có những lúc)*. Có khi, L- u Quang Vũ không giấu đi đ- ọc tâm trạng của mình: *Anh không thể nào trốn chạy/ Anh ôm trong vòng tay khao khát/ Những dòng n- óc mắt/ Cũng chói chang cửa bể chân trời (Viết cho em từ cửa biển)*. Nh- ng chính sự phủ định nh- thế đôi khi lại làm dịu đi nỗi đau trong hồn thơ: *Thôi chẳng chờ mong nữa/ Chẳng đua chen với cuộc đời này/ Xin chối từ cái bàn tiệc đắng cay (Ngã t- thán chấp)*.

Bên cạnh đó, thơ L- u Quang Vũ còn mang cách nói tự nhiên nh- ng giàu chất triết lí nhờ ph- ơng thức liên kết ý thơ bằng lớp từ nối: chỉ, để, dấu, nên, nếu, nhưng... Lớp từ nối này thường tạo được thế tăng cấp hay tương phản cho câu thơ. Ng- ời đọc hẳn phải bàng hoàng khi nhà thơ ngẫm nghĩ về thế thái nhân tình, bằng những hình ảnh thơ t- ơng phản: *Quán cà-phê chạng vạng khói bay/ Mùi khói cũ cay xè con mắt/ Ngồi quanh bàn giờ bao ng- ời lạ khác/ Cãi nhaui ôn ào*

*những chuyện làm ăn/ Chỉ anh điên vẫn đứng sống ngoài đ- ờng/ Thân tiêu tuy
ôm mặt c- ời lặng lẽ (Quán cà phê ngoại ô). Có lúc, L- u Quang Vũ đặt từ nối
vào giữa hai dòng thơ khiến ng- ời đọc có cảm t- ờng ông nén lại đau xót, giận
dỗi khi lí giải về sự tan vỡ niềm tin mà ông không phải ng- ời chịu lỗi:*

*Em biết đấy, anh chẳng tin định mệnh
Nh- ng trên đời này chỉ có - ớc mơ là thật
Hai ta hãy là giấc mộng của nhau thôi*

(Thơ tình viết về một ng- ời đàn bà không có tên I)

Và cũng chính nhờ khả năng khẳng định mạnh mẽ của từ nối, đặc biệt là từ nối “nhưng” mà nhiều khi Lưu Quang Vũ tạo ra trong chúng ta ấn tượng sâu sắc về một hồn thơ không bao giờ bằng lòng với định mệnh: *Không tới đ- ợc một vì sao xa lắc/ Nh- ng có thể đến trong mùa cấy gặt/ Làm thuyền trên sông, làm lúa trên đồng/ Làm ngọn lửa hồng, làm tấm g- ờng trong/ Và nhận hết niềm vui trên cõi sống (Bài hát ấy vẫn còn dang dở...);* và luôn tìm cách đứng lên từ những tổn thất và lầm lỗi đời mình để gây dựng lại sự lạc quan t- ờng xứng:

*Có những lúc tôi xuôi tay dưới sức
Nh- ng từ đấy nỗi buồn tôi thăm thẳm
Một cái gì nh- nhựa thấm trong cây
Một cái gì trắng xóa tựa mây bay
Là hoa gạo lòng tôi chẳng tắt*

(Có những lúc)

Và việc sử dụng từ nối cũng mang lại cho lời thơ những cung bậc tình cảm chân thành, dần dật. Ở bài “**Em**”, chúng ta ngỡ ngàng tr- ớc một sự đúc kết bình dị:

*Chúng ta đi bên nhau trên mặt đất
Dấu chỉ riêng điều đó là có thật
Đủ để anh mãi mãi biết ơn đời*

Nhiều đoạn thơ gần nh- lời nói nh- ng đ- ợc chắt lọc qua cái tôi đa cảm nên vẫn tạo rung động mạnh mẽ ở ng- ời đọc. Tác giả dùng rất nhiều tính từ cực tả, động từ mạnh: rách nát, ghê rợn, rách tan, kinh hoàng, tê dại, trống rỗng, vỡ

nát, quần quai, nổi gió, đốt lên, mở toang, xé toang, vò xé, rung lên đau đớn..., nhất là ở một giai đoạn sáng tác u buồn nhất. Đằng sau lời trần tình của L-u Quang Vũ là một khối mâu thuẫn hay là tiếng lòng của con người không an phận:

*Anh xé quyển vở thơ anh viết năm dòng
Anh xé lòng anh những đêm mất ngủ
Cửa kính đóng xong rồi anh đ- a tay đập vỡ
Đời anh ổn định rồi anh lại phá tung ra*

(Không đề)

Có thể nói bản sắc cảm xúc và chiều sâu t- t- ởng của L- u Quang Vũ đ- ợc thể hiện không ít qua hiệu quả sử dụng ngôn từ mang sắc thái mạnh mẽ này. Tác giả không bao giờ chấp nhận tình cảm mơ hồ, kể cả những cảm xúc nửa vời cũng khó tìm đ- ợc chỗ đứng trong thơ ông. Nh- ã khẳng định, mọi cung bậc xúc cảm của L- u Quang Vũ đều tận cùng: Nhà thơ từng đối mặt với nỗi đau xót nhất mà dân tộc phải hứng chịu – chiến tranh và chết chóc: *Đất lạnh lẽo s- ng vì như mặt chết/ Thân nát b- om sau tra tấn cực hình (Móng tay trên đá)*. Ông đã đi đến tận mình để gọi đúng đời mình: *Giữa chiến tranh hiểu đời thực hơn nhiều/ Rách tan cả và những làn s- ơng đẹp phủ/ Chỉ còn lại nỗi nhớ buồn trơ núi đá/ Điều em tin là nhắm nhí mà thôi (Gửi một người bạn gái)*. Khi L- u Quang Vũ tự bạch cũng là lúc bạn đọc lặn đi trong xúc động: *Còn ghé rợn tiếng g- om đao thù hận/ Còn nỗi buồn trống rỗng/ Sau một thời chiến tranh (Liên t- ởng tháng hai)*. Nhà thơ tiên cảm về thời hậu chiến. Thao thức của cái tôi gói trọn vào một từ trống rỗng đầy sức ám gợi về cảm giác hụt hẫng tột cùng của người tr- ớc những điều họ không l- ờng hết khi chiến tranh khép lại với đủ cả trắng - đen, tốt – xấu của đời th- ờng; mà ch- a dễ mấy ai cũng đủ bản lĩnh để dấn thân.

Không thể phủ nhận ngôn từ trong thế giới nghệ thuật L- u Quang Vũ giàu chất thơ. Đó là ngôn ngữ đầy chất cảm giác của cái tôi thức trọn giác quan một thời đã tràn vào thơ mới. Nhất là tác phẩm viết về thiên nhiên và tình yêu của L- u Quang Vũ, thực sự là hoà trộn cảm giác của nhân vật trữ tình, tạo rung động tinh tế ở bạn đọc. “Vườn trong phố”, “Mùa xoài chín”, “Quả dưa vàng”, “Bây

ong trong đêm sâu”, “Dành cho em”... gợi nhiều liên tưởng bất ngờ. Có thể nói, “**Hương cây**” bằng bạc hơi h- óng thiên nhiên, ở đó nhà thơ tạo ra một thế giới quyện hoà giữa sắc màu, h- ong thơm và thanh âm của sự sống trong lành: *Chim chiều kêu thơ ngây/ Trời chiều đăm đối/ Nắng chiều trong liểu tối/ Gác chiều nghe gió xa (Chiều)*. Tình yêu trong thơ ông cũng có khi đ- ọc nhìn qua lăng kính nhục thể của cái tôi trữ tình, nhờ ngôn từ trực giác, trong giai đoạn văn học cách mạng tr- ớc 1975 quả thật hiếm thấy. Ta cảm nhận đ- ọc mùi vị trần tục của tình yêu, nồng nàn mà vẫn e ấp: *D- a háu bỏ ra thơm suốt ngày dài/ Em cũng mát lành nh- trái cây mùa hạ (V- ỡn trong phố)*.

Hoàn toàn có cơ sở khi Anh Ngọc nhận xét: “*Mặc dù có sự cách biệt của hai thời đại, sự khác nhau nhãn tiền về bút pháp, nh- ng một phần quan trọng trong hồn thơ L- u Quang Vũ có lẽ gần với Xuân Diệu hơn, nghĩa là gần với tuổi trẻ và tình yêu, gần với mẫu thi sĩ của muôn đời*” [33,111]. Quả thật, L- u Quang Vũ cũng trở về gần với tâm thế cái tôi t- ợng tr- ng của “*một thời đại trong thi ca*” với sự thức trọn giác quan của nền thơ ca Pháp. L- u Quang Vũ có lẽ tiếp nối cái nhìn mang đầy tính trực cảm đó, để có thể thâu hết tình yêu vào trong cái cảm giác thiên nhiên đang nảy nở: Trái tròn căng mập nhựa sinh sôi. Chỉ có tâm hồn khát khao không thoả mới gửi vào thơ tình yêu cảm giác rất thực và rất đời nh thức nhận bằng trực cảm:- thế. Có khi, L- u Quang Vũ say s- a trong sự hoà trộn nhiều cảm giác, khiến ng- ời đọc vận dụng sự tinh nhạy của mình mới giải mã đ- ọc dụng ý nghệ thuật của ng- ời sáng tạo. “*Ghi vội một đêm 1972*” – là thời khắc lặng ng- ời :

Em ấm áp dịu dàng hơi thở

Nghe run run tim nhỏ đập mong manh

Nghe thơm non mầm nhỏ ngủ yên lành

L- u Quang Vũ là một nhà thơ giàu t- ợng t- ợng. Một bức tranh rất đời th- ờng bỗng trở thành ám ảnh, với nét vẽ thực sự cú hồn: *Những con chim lạc mỏ dài/ Bay qua vầng trăng lớn/ Cánh sừng sững tắm hoàng hôn đỏ rực/ Cát tiếng kêu hoang dại d- ới đêm nông (Đất n- ớc đàn bầu)*. Theo nhiều nhận định của giới nghiên cứu thì sức hấp dẫn của thơ L- u Quang Vũ không nằm trong sự

trau chuốt lời lẽ; song ông lại là người có ý thức làm “lạ hoá” vốn ngôn từ quen thuộc bằng ph-ong thức diễn đạt rất riêng, cụ thể là làm cho cảnh vật thành sắc cạnh thông qua ngôn ngữ giàu chất tạo hình. Nhiều hình ảnh quen thuộc của sự sống trở thành mới mẻ: Mặt trời trong trí nhớ, ngọn gió xanh, những bức t-ờng lẩy bẩy bóng hoa lên, chùm nắng lạ tươi vàng trên cỏ dại... Có thể người ta không thuộc nhiều thơ ông, nh-ng họ khó lòng bỏ quên những câu thơ nghẹn ngào, trong trang “nhật kí” Lưu Quang Vũ viết cho quê hương mà người đọc nh-đang trực diện với hiện thực chiến tranh tàn khốc:

Mùi thịt cháy rợn mình khói cay

Ta đứng lặng trong tiếng gấm báo động

D-ới vầng trăng tê dại nổi kinh hoàng

Bom xé trời, mặt đất chao nghiêng

Vực mở hoác những vực sâu khủng khiếp

(Ghi vội một đêm 1972)

Nh- vậy, lấy chất liệu ngôn từ của giao tiếp th-ờng nhật nh-ng L-u Quang Vũ tự làm mới chúng trong thế giới nghệ thuật thơ mình bằng phẩm chất tâm hồn dễ rung cảm, bằng một năng lực cảm thụ cuộc sống tinh tế và nhất là bằng cả một cá tính sáng tạo độc đáo của ngòi bút tài hoa. Ngôn ngữ thơ ông không mới mà lạ, bình dị mà thâm thúy, càng đọc càng thấy sức hút ở một tình thơ đậm sâu. Từ ngữ trong thơ ông không gò ép, không cố làm duyên mà vẫn ấn t-ợng. ở L-u Quang Vũ thì đôi bài thơ hay, một đoạn và thậm chí có khi chỉ một dòng thơ mà ngay trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ của L-u Quang Vũ, cộng với một giọng điệu thơ có sức mê hoặc, ám ảnh. Có thể khẳng định, thơ L-u Quang Vũ là sự tràn bờ cảm xúc trên nền suy t-ởng; càng nhuần chín trong t-duy thì lời thơ càng giàu triết lí, h-ớng về nhiều chiều sự sống.

3.5.2. Giọng điệu trữ tình

Giọng điệu là phạm trù thẩm mỹ của văn học, giọng điệu là “*một thước đo không thể thiếu để xác định tài năng và phong cách độc đáo của người nghệ sĩ*” [7,11]. Theo “**Từ điển thuật ngữ văn học**” thì giọng điệu “*thể hiện thái độ, tình cảm, lập tr-ờng t- t-ởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện t-ợng đ-ợc miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách x-ng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm,*

cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suông sã, ngợi ca hay châm biếm,...” [10,134]. Nói cách khác, giọng điệu trong văn học là lời văn nghệ thuật biểu thị cảm xúc, thái độ của chủ thể trữ tình trước hiện thực cuộc sống. Và theo tác giả Nguyễn Đăng Điệp, *“không thể có giọng điệu nếu không có những rung động sâu sắc, những nỗi đau, những xót xa trước thân phận con người, không xé chia với họ niềm vui và tình yêu cuộc sống”*[8,34]. Vì thế, giọng điệu thơ cũng là một nhân tố quan trọng thể hiện tâm hồn và phong cách thơ L- u Quang Vũ.

3.5.2.1. Các sắc thái giọng điệu thơ L- u Quang Vũ

Là một yếu tố của thi pháp, giọng điệu vừa có khả năng khu biệt sự độc đáo của từng phong cách vừa thể hiện tính riêng của nhà văn. Tất nhiên, giọng điệu chịu sự chi phối của điểm nhìn nghệ thuật. Bởi điểm nhìn – cái nhìn nghệ thuật *“thể hiện chiều sâu tư tưởng và sự nhạy bén của nghệ sĩ”*. Nghĩa là giọng điệu thơ L- u Quang Vũ tùy thuộc rất lớn vào điểm nhìn của tác giả. Vì thế, thơ L- u Quang Vũ có rất nhiều giọng điệu ứng với sự đa dạng điểm nhìn của chủ thể trữ tình.

Khi khảo sát các sắc thái giọng điệu thơ L- u Quang Vũ, chúng ta đi theo trục thời gian. Song sắc thái giọng điệu thơ L- u Quang Vũ phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: đặc điểm tâm hồn, sở trường ngôn ngữ... và cá tính sáng tạo của nhà thơ.

3.5.2.1. Giọng ngợi ca, yêu tin trong trẻo mà đậm thắm

Đó là giọng thơ của những năm 60, thời L- u Quang Vũ viết **“Hương cây”**, cái tôi ngập tràn cảm xúc nguyên lành của một tâm hồn nhạy cảm đang mở lòng đón những luồng gió mới của thời đại. L- u Quang Vũ miên man trong miền cảm xúc của người lính vừa vào quân ngũ, với niềm tự hào rạng rỡ. Ông đưa thơ vào vùng hân hoan, rạo rực của xúc cảm. Giọng điệu thơ căng ra trong niềm vui lí tưởng cách mạng và lí tưởng cuộc đời : *Con đường quê hương, con đường yêu thương/ Nói với vạn nẻo đường đất nước/ Náo nức ngày đêm xe xuôi ngược/ Đi ra tiền tuyến xa gần...(Những con đường)*.

Ta lắng nghe được cả giọng tâm tình của cái tôi đặt mình bên tình yêu Tổ quốc. Hồn thơ chan hòa nhiều vẻ đẹp, vì thế, giọng điệu thơ cũng rộn ràng niềm vui:

*Đi lên đi lên b- ớc chân không mới
Ta sinh ra từ đồng chiêm lây lội
Trong mái lều ẩm - ột ở quê h- ơng
Nay ta lên cao bốn phía t- ờng g- ơng
Cùng hạnh phúc cầm tay tình tự
(Tâng năm)*

Tình yêu trong giai đoạn “Hương cây” cũng thanh thoát, dịu nhẹ như không gian chiều, trong giọng thơ đậm thắm: *Chiều xuống cánh chim bay/ Nh- nụ c- ời thoáng gặp/ Nh- vầng trăng mới mọc/ Nh- mối tình mới yêu (Chiều)*. Hay có khi chất giọng trong trẻo, da diết của L- u Quang Vũ lại bắt nhịp cho ông thổ lộ những tâm sự kín đáo: *Giấc mơ lạ về theo cơn gió lạ/ Cơn gió quen thăm thỡ giấc mơ quen/ Cầm tay nhau run rẩy cả trời đêm/ Trong mắt - ột một vì sao thoáng hiện (Mùa gió)*. Chất giọng của thời “**Hương cây**” nhìn chung ấm áp nồng nàn.

3.5.2.2. Giọng suy t- , trải nghiệm

Đầu thập niên 70, thơ L- u Quang Vũ từ chất giọng trong trẻo hồn hậu của thời “**Hương cây**” chuyển sang bè trầm của giọng buồn. Dấu ấn đời t- hẳn vào thơ viết về dân tộc trong sự xót xa, hoài nghi... trong tuyệt vọng. Đó là giọng điệu chất vấn trong “**Việt Nam ơi**”:

*Đến bao giờ Ng- ời mới đ- ợc nghỉ ngơi
Trong nắng ấm và tiếng c- ời trẻ nhỏ?
Đến bao giờ đến bao giờ nữa
Việt Nam ơi?*

L- u Quang Vũ không thể cất giọng ca ngợi nh- buổi đầu sáng tác. Cái tôi mang cả sự nghi ngờ, nỗi bi quan hoà vào giọng; vì thế, có thể thấy suy t- , trải nghiệm là chất giọng chủ đạo của những sáng tác ở “Bây ong trong đêm sâu”. Th- ờng xuất hiện trong giai đoạn này những câu hỏi tu từ vừa nh- chất vấn vừa tự vấn. Nhất là ở mảng đời riêng t- , giọng thơ đầy dằn vặt qua hệ thống câu hỏi mang màu sắc hoài nghi, trăn trở:

*Anh nh- thẳng bờm
Chẳng thiết trâu bò chẳng thiết lim
Chỉ nhận nắm xôi c- ời ngật nghẻo*

(Ngũ t- thán chấp)

Và với một phẩm chất tâm hồn nhân ái, L- u Quang Vũ th- ờng hoà phối nhiều tông giọng, có trách móc, giận dỗi, nuối tiếc và cũng có nhẫn nhịn, thứ tha; có tuyệt vọng nh- ng cũng có mạch ngầm hi vọng. Chính đặc điểm này định hình phong cách thơ ông, một hồn thơ không chịu thua số phận, không mang cái nhìn bi quan gán vào cả đời thơ. Mà điều đáng trân trọng nhất ở L- u Quang Vũ có lẽ là một giọng thơ pha trộn nhiều cảm xúc, để cuối cùng thi sĩ tìm ra cái còn lại của cuộc đời chính là khát vọng. Giọng thơ cũng khác hẳn, khẳng khái mà điềm tĩnh hơn:

*Sự sống là lửa
Thiêu huỷ và sinh nở
Bình minh và lửa
Mở ngày mới và xé toang ngày cũ*

(Mấy đoạn thơ về lửa)

Vậy giọng điệu bi quan, giằng xé chi phối nhà thơ song nó không phải ám ảnh một đời. Đó chỉ là chặng đở vỡ lòng tin tạm thời về sau, lạc quan lại bừng sáng trong giọng điệu, đậm chất suy t- . Vì thế, thơ ông càng về cuối càng âm dần lên. Tác giả chủ yếu mang cái nhìn h- óng nội. Giọng điệu thơ ông cũng đậm tâm sự cá nhân; dấu đó là những đề tài viết nhõn dân và những điều xung quanh ông.

3.5.2.3. Giọng triết lí, chiêm nghiệm

L- u Quang Vũ lại thêm một lần đổi giọng. Trong tập di cao “**Mây trắng của đời tôi**”, tông giọng buồn lắng trong mạch ngầm để niềm vui lại đến khi thơ ông đã đến đ- ợc với vùng mây trắng của sự hồi sinh. Thơ L- u Quang Vũ trong giai đoạn này, nh- nhận định của Vũ Quần Ph- ơng: “*Khuynh h- óng cảm hứng đ- ợc nối lại với H- ơng cây nh- ng chắc chắn hơn... chứa đựng hơn, từng trải hơn*” [39,49]. Đó là giọng ngấm ngội, không còn cực đoan trong suy nghĩ và cũng can đảm đối diện với bao nhiêu nghịch cảnh đời t- :

*Những chuyến tôi đi, sao em không hiểu đ- ọc
Tôi tìm em trong nỗi nhớ muôn ng- ời
Khát khao sao phía tr- ớc chân trời
Tôi đập vỡ những bức tường thê thảm...*

(Mặt trời trong trí nhớ)

Giọng thơ ở những năm 1975 càng đậm triết lí. Đứng lên từ đau buồn, nhìn chung L- u Quang Vũ đã tìm lại giọng điệu vốn có của thơ ông – giàu nghiệm suy. Sau bao đ- ọc – mất trong đời, ông thêm một lần đổi giọng, không còn nặng nề nh- giai đoạn **“Bây ong trong đêm sâu”** mà lắng đọng trong sự nghiêm ngẫm về lẽ đời, từ những điều gần gũi mà thiết thực. Đó là giọng ngỡ ngàng, nghẹn ngào trong niềm hạnh phúc tái sinh; là giọng hàm ơn, sẻ chia, an ủi, giọng thảng thốt trong dự cảm chia xa; giọng hối hả tr- ớc bao dự định còn dang dở:

*Một con đ- ờng thăm thăm dẫn em về
Anh th- ơng nhớ tận cùng - ớc vọng
Một mùa hạ anh ch- a tới đ- ọc
Một thành phố xanh một bến bờ xanh...*

(Một thành phố khác một bến bờ khác)

3.3.2. Âm chủ của một giọng điệu

L- u Quang Vũ đã nhiều lần đổi giọng trong đời thơ. Nếu **“Hương cây”** là giọng thơ trong trẻo, tin cậy với cảm hứng ngợi ca trong tình yêu quê h- ơng hồn hậu, tình cảm riêng t- ắm thấm thì sau **“Hương cây”**, khi cảm nhận cuộc đời như một “cuốn sách lâm trang” thì giọng thơ trầm buồn hẳn, nhiều suy tư, giằng xé. Đề tài đất n- ớc, tình yêu, lẽ sống... mang âm hưởng buồn bã pha lẫn cảm giác cô đơn. Giọng thơ trần trở hơn và bắt đầu đậm triết lí. Khi cuộc sống tái sinh, thơ ông lại thêm một lần đổi giọng. Giọng thơ đã ấm áp hơn, nối với giọng ở tập **“Hương cây”** nhưng chiêm nghiệm, già dặn hơn nhiều...

Nh- vậy những hoàn cảnh, tâm trạng, điểm nhìn, nhận thức khác nhau đã hình thành nhiều giọng điệu trong thơ L- u Quang Vũ. Nh- ng dù tác giả nhiều lần đổi giọng, chúng ta vẫn tìm đ- ọc âm chủ của giọng điệu thơ L- u Quang Vũ,

đó là chất đậm sâu, trầm buồn; đậm tâm sự cá nhân mà giàu sức ám ảnh; nồng nàn mà rất thâm trầm trên nền cảm xúc và suy t-ởng.

Giọng điệu thơ L- u Quang Vũ trong t- ởng quan với một số bạn thơ cùng thời. Có thể nói, đội ngũ sáng tác trẻ thời chống Mỹ, nh- Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Hữu Thỉnh, Bằng Việt, L- u Quang Vũ... đã cùng hoà giọng, tạo nên nền thơ mang âm h- ởng của một thời đại hào hùng. Tuy nhiên, mỗi phong cách lại là một giọng điệu riêng. Trong nghệ thuật, mọi sự so sánh chỉ là t- ởng đối. Chúng tôi chọn một số tác giả tiêu biểu cùng thời với L- u Quang Vũ phong cách của họ đ- ọc khẳng định và thực sự độc đáo để so sánh với giọng điệu thơ L- u Quang Vũ. Từ đó thấy đ- ọc sự hoà giọng của thơ ông và tìm ra nét giọng riêng của L- u Quang Vũ.

Trong bài viết **“Mấy ghi nhận về thế hệ các nhà thơ trẻ thời kỳ chống Mỹ”**, tác giả Trần Đăng Xuyên khẳng định: *“Khát vọng muốn trả lời những câu hỏi lớn của thời đại, khám phá bản chất con ng- ời và cuộc sống đã tạo nên chất trí tuệ cho cả nền thơ”* [57,107]. Chính khuynh h- ởng này tác động đến giọng điệu chung của nền thơ hồi bấy giờ, mang tâm suy nghĩ sâu sắc và một bản sắc cảm xúc mạnh mẽ. Họ khám phá và phản ánh đúng thế hệ mình trong một sắc giọng mang tâm vóc thời đại mới, nh- nhà thơ Hữu Thỉnh từng đồng dạng: Chúng tôi làm thơ ghi lấy cuộc đời mình. Bằng Việt cũng hùng hồn cùng tuyên ngôn: Cả thế hệ dần hàng gánh đất n- ớc trên vai. Hay Lâm Thị Mĩ Dạ thể hiện chất giọng vừa tự hào vừa đau xót trong một tiếng lòng đồng điệu: *Tôi nhìn xuống hố bom đã giết/ M- a đọng lại một khoảng trời nho nhỏ/ Đất n- ớc mình nhân hậu/ Lấy n- ớc trời xoa dịu vết th- ơng đau (Khoảng trời, hố bom)*. Và L- u Quang Vũ hẳn cũng góp giọng mình vào nền thơ kháng chiến: *Thế hệ mình cần những ng- ời dũng cảm/ Dũng cảm yêu th- ơng dũng cảm căm thù (Nói với mình và các bạn)*.

Khi thể hiện phong cách, mỗi nhà thơ đều có ý thức tạo ra một giọng điệu mang đậm dấu ấn cá tính sáng tạo. Bắt đầu từ phong cách Phạm Tiến Duật, chúng ta có thể nghe vang vọng âm h- ởng sử thi hoà quyện cùng chất giọng đời thường. Ông mang cái chất “ngất ng- ởng”, ung dung và rất đời của tuổi trẻ vào thơ: *Nằm ngửa nhớ trăng nằm nghiêng nhớ bến/ Nôn nao ngồi dậy nhớ l- ơng đèo*

(*Nhớ*). Và trở về với tình yêu, nhà thơ cũng không giấu đ-ợc chất giọng bình thản, mạnh mẽ: *Anh lên xe, trời đổ cơn m- a/ Cái gạt n- ớc xua đi nỗi nhớ/ Em xuống núi nắng về rục rỡ/ Cái nhành cây gạt mối riêng t-* (**Tr- ờng Sơn Đông, Tr- ờng Sơn Tây**). Phạm Tiến Duật tr- ớc sau vẫn là một giọng điệu ngang tàng, đầy cá tính; khí khái mà rất dễ gần; kiêu ngạo mà rất duyên.

Hữu Thỉnh lại là một tr- ờng hợp khác. Ông đa diết trong mọi cung bậc cảm xúc. Giọng thơ Hữu Thỉnh nghe nh- giọng hát; nửa nh- tâm tình nửa ngậm nga, nhất là giai điệu đời th- ờng. Ta lắng nghe trong thơ tình yêu của ông một chất giọng tình tứ, đầy khao khát: *Anh xa em/ Trăng cũng lẻ/ Mặt trời cũng lẻ/ Biển vẫn cây mình dài rộng thế/ Vắng cánh bướm một chút/ Đã cô đơn* (**Thơ viết ở biển**). Song cũng thật đắm thắm trong âm h- ồng lời ru nh- ng giọng lại suy t- , trần trở:

*Nhạc ở trong đàn đàn có gì đâu
Rừng bỗng chao nghiêng tr- ớc sợi dây mỏng mảnh
Ng- ời bỗng bồn chồn tốt t- ời náo động
Tay vẫn tay mình mà t- ởng nắm tay ai*

(**Tiếng hát trong rừng**)

Có thể nói, chất giọng thơ Hữu Thỉnh mặn mà vị biển, biển đời và biển tình. Đến với Nguyễn Duy, ng- ời đọc lại lắng nghe một tông giọng khác, đậm sắc vị dân gian, trong vắt mà thâm thúy; giòn giã mà ngọt ngào:

*Không thể nào quên một buổi chiều nao
Tôi chợt biết tay em nhiều vết x- ớc
Ấy là lúc trong tay tôi rung lên ấm áp
Bản nhạc không lời m- ời ngón tay em đàn*

(**Âm thanh bàn tay**)

Nguyễn Duy là một nhà thơ mở rộng mình trên nhiều đề tài nh- ng giọng thơ vẫn tởm về gần với giọng đời, với bao nhiêu tình cảm riêng chung mà ông luôn luôn tìm một cách thâm nhập để thể hiện chất giọng - u t- nhân thế: *Còn một chút gì thiêng liêng/ Ở đằng sau sự chấp nhận nhọc nhằn/ Chấp nhận mọi tai - ơng bất chợt/ Bùn đất tiếp tục đời chất phác/ Ng- ời vô danh lấp lánh ngàn*

đ- ớc/ Tiếp tục đời vô danh/ Và chiếc xuống con tiếp tục đập dềnh (Lời ru từ mũ Cà Mau). Ta bắt gặp ở ông giọng điệu không nguôi nổi nhớ, một giọng thơ bất nhịp giữa hai miền kí ức và thực tại, tạo ấn tượng về một giọng thơ lạ trong nền thơ cách mạng.

Trở lại L- u Quang Vũ, giọng thơ ông cũng bắt đ- ợc giọng điệu chung của thơ ca chống Mỹ nh- ng thơ ông tr- ớc sau vẫn là một giọng điệu rất riêng, có khi còn là một giọng thơ lạc phách. Trong khi Phạm Tiến Duật, Hữu Thỉnh, Nguyễn Duy lấy khí thế thời đại hào sảng, lấy tâm thế của thế hệ chống Mỹ làm bề nổi cho giọng điệu thì L- u Quang Vũ lại khác. Ông để giọng thơ ngợi ca, tự hào lắng trong mạch ngầm của cảm xúc và lại để những dẫn vật, xót xa, day dứt làm thành giọng chủ đạo cho một tâm hồn thơ nhiều thao thức. Ông giằng xé, ngẫm ngợi hơn họ trong giọng thơ h- ớng về những vấn đề lớn lao và già dặn hơn, thâm trầm hơn khi giọng thơ tìm về chính mình. L- u Quang Vũ mang cái nhìn khác, đã cay đắng thì cay đắng đến quắt quay, đã hồi sinh thì đích thực là hồi sinh nhiều tiềm lực, đã khát khao thì không tách rời tiên cảm... Vì thế, thơ Lưu Quang Vũ mang nhiều sắc giọng điệu của một hồn thơ phức tạp. Và ta lại nghe ông phối giọng, trong một sáng tác trần trọc khôn cùng giữa hai miền tình cảm riêng chung:

Trang giấy hết, vầng trăng vừa khép lại

Hết nhà ga, chỉ có con tàu

M- a trên sông, tóc trắng ở trên đầu

Anh sống hết bài thơ anh đã viết

(Mùa thu ấy vẫn còn nguyên ở đó)

KẾT LUẬN

Vận dụng những vấn đề của thi pháp học hiện đại để đi vào thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ và đúc kết một hành trình sáng tạo thơ ca của ông, chúng ta có thể khẳng định L- u Quang Vũ là một nhà thơ tài hoa, đã tạo đ- ợc vị thế vững chãi trong nền thơ Việt Nam hiện đại và là một phong cách thơ độc đáo trong nền thơ thời chống Mĩ. Với độ lùi nhất định về thời gian, ng- ời đọc có điều kiện nhìn nhận lại sự nghiệp sáng tác của L- u Quang vũ và đánh giá một cách công bằng hơn những đóng góp của ông cho văn học Việt Nam hiện đại trong vai trò một nhà thơ thực thụ, đam mê và đầy trách nhiệm. Thơ L- u Quang Vũ để lại dư ỡm của một bút thơ già dặn, sắc sảo; một tình thơ sâu sắc cùng với một t- duy triết lí sắc sảo. L- u Quang Vũ là nhà thơ có biệt tài nói đến cái muôn đời từ những điều bình th- ờng nhất. Thơ ông thực sự là kết hợp hài hoà giữa chất cảm xúc và suy t- ớng

Có thể thấy bút lực L- u Quang Vũ không dồi dào nh- ng tinh tuý của quá trình sáng tạo là chất thơ đọng lại của một đời thơ. Rõ ràng, thơ ông ít hấp dẫn bạn đọc ở sức gọi mời của câu chữ nh- ng lại ám ảnh chúng ta bởi một hồn thơ dạt dào cảm xúc và một t- t- ớng nghệ thuật sâu sắc. Đắm đuối mà không thiếu chất triết lí, nồng nàn mà không thiếu độ sâu. Điều đáng ghi nhận ở L- u Quang Vũ là sự thống nhất trong quan niệm nghệ thuật và thực tiễn sáng tác. L- u Quang Vũ đã sáng tác dựa trên nhiều mảng đề tài từ bộn bề cuộc sống đời th- ờng và ông đã tự hoạ chân dung mình bằng chiều sâu nội cảm của cái tôi nhiều trần trở. Có thời người ta ngại đ- ăng thơ ông bởi ông “buồn quá”. Nhưng đó là một nỗi buồn chính đáng của một con ng- ời muốn v- ọt lên định mệnh để đến đ- ợc với niềm vui nổi sống. Chính điều đó đã mang lại cho nhà thơ một lối duy t- đối lập mà thống nhất; xuất phát từ một hồn thơ đầy mâu thuẫn, phức tạp. L- u Quang Vũ là một phong cách thơ thấm đẫm màu sắc cá nhân, mang biến động của đời sống tinh thần khắc cả vào không gian, thời gian; tạo nên sự xâu chuỗi, thống nhất trong t- t- ớng sáng tạo từ sáng tác đầu tay đến trang thơ cuối cùng: *“Sức nặng của câu thơ yêu đời được bắt đầu từ câu thơ mát mát”* [39,51].

Ấn t- ợng nhất ở nhà thơ L- u Quang Vũ chính là một tâm hồn thơ chân thật, chân thật với đời, chân thật với mình. Đó lại là giọng lạ của thơ ông. Bề nổi

của giọng điệu thơ ông là chất trầm buồn dấy lên từ bao nhiêu ngấm ngội, nghiệm suy trong cả hành trình sáng tạo. D- ông nh- ông không thể viết khác những điều mình nghĩ. Vì thế cái t- ởng chừng lạc điệu trong một giai đoạn sáng tác lại là cái tạng của riêng ông, khơi sâu vào những gì đời nhất mà cảm hứng hiện thực chính là chất men cảm xúc chủ đạo. Và cũng chính điều này đôi khi đem lại cho thơ ông một số hạn chế. Chất đăm đối trong tâm hồn nhiều lúc khiến ông sáng tác những bài thơ thiếu đi độ hàm súc; cũng có khi mãi mê lí giải, triết lí, trần tình mà L- u Quang Vũ làm cho ng- ời đọc có cảm giác ông sa vào dài dòng, kể lể. Nh- ng cái đó không nhiều. Tr- ớc sau, ông vẫn là nhà thơ tài hoa và giàu sức sáng tạo. Những gì L- u Quang Vũ để lại là một tình thơ cồn cào vì khát sống, khát yêu.

Đến với kịch và truyện ngắn sau hơn hai m- oi năm sáng tác thơ, đó là một b- ớc chuyển đổi trong sự nghiệp sáng tác của ụng, song vẫn là một sự nhất quán trong phong cách tác giả. Nếu có sự khác biệt, chẳng hạn giữa kịch và thơ, thì đó chỉ là biến động của đời sống nội tâm, những mâu thuẫn nội tại chồng chất trong thế giới nghệ thuật thơ L- u Quang Vũ và có chăng cũng chỉ là ng- ời nghệ sĩ ấy đến với kịch trong trạng thái thăng bằng hơn, điềm tĩnh hơn. Ngay văn xuôi L- u Quang Vũ cũng là “*chiếc cầu nối giữa thơ và kịch*” [51,119]. Ở đó, chất thơ tạo nên những trang truyện ngắn giàu cảm xúc trữ tình; đồng thời chất văn xuôi, đến l- ợt nó, lại tạo nên chất đời cho những kịch bản của ông. Và đi sâu tìm hiểu thơ Lưu Quang Vũ, chúng ta sẽ thấy đ- ọc thế giới nghệ thuật thơ ông mới thực sự là nơi ng- ời nghệ sĩ từ đó thử bút và cũng chính là nơi anh muốn trở về. Chỉ có trong thế giới nghệ thuật thơ, L- u Quang Vũ mới thể hiện đ- ọc tận cùng đời sống tâm hồn và những khát khao bỏng cháy của ng- ời nghệ sĩ. Thật hơn, phức tạp hơn, đậm dấu ấn cá nhân hơn. Đó là những gì ông gửi vào thơ. Và đó cũng chính là “cái còn lại” của Lưu Quang Vũ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (1996), “*Sự vận động của cái tôi trữ tình và tiến trình thơ ca*”, Tạp chí Văn học, (1), tr.36 -39.
2. Lê Huy Bắc (1996), “*Đồng hiện trong văn xuôi*”, Tạp chí Văn học, (6) tr.45 - 50.
3. Phạm Quốc Ca (2002), “*ý thức cá nhân trong thơ trữ tình Việt Nam sau 1975*” Tạp chí Văn học, (12), tr. 48 – 52.
4. Nguyễn Phan Cảnh (2001), *Ngôn ngữ thơ*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
5. Phạm Tiến Duật (1989) “*Chia tay với Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh*”, Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh gửi lại, NXB Giáo dục Hà Nội.
6. Hữu Đạt (1996), *Ngôn ngữ thơ Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Đăng Điệp (2002), *Giọng điệu trong thơ trữ tình*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Hà Minh Đức (1998), *Thơ và mấy vấn đề thơ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Hồ Thế Hà (2004), *Thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
10. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Đức Hạnh (2001), “*Một số biểu tượng thơ dân gian trong thơ Việt Nam hiện đại*”, Tạp chí văn học, (3), tr. 71 – 78.
12. Nguyễn Văn Hạnh (1998), “*Suy nghĩ về thơ Việt Nam từ sau 1975*”, Tạp chí văn học, (9), tr. 8-12.
13. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Bùi Công Hùng (2000), *Quá trình sáng tác tạo thơ ca*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
15. Bùi Công Hùng (2000), *Sự cách tân thơ văn Việt Nam hiện đại*, NXB thông tin, Hà Nội.
16. Mai H- ơng (1981), “*Nghĩ về đội ngũ trẻ trong thơ chống Mỹ*”, Tạp chí văn học (1), tr. 92-98.

17. Tố Hữu (2003), “*Đối với tôi, làm thơ là làm cách mạng bằng thơ*”, Tạp chí văn học, (2), tr. 3-6.
18. Roman Jakobson (2001), “*Chủ âm*”, Nghệ thuật nh- là thủ pháp, NXB Giáo dục, Hà Nội.
19. M. B. Khravchenko (1978), *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
20. Lê Đình Kỵ (2001), “*H- ơng cây – Bếp lửa - Đất nước và đời ta*” Lưu Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật, NXB Giáo dục, Hà Nội.
21. Đinh Trọng Lạc (1996), *99 ph- ơng tiện và biện pháp tu từ Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội
22. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hoà (1998), *Phong cách học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
23. Mã Giang Lân (1983), “*Suy nghĩ thêm về tứ thơ*”, Tạp chí Văn học, (6), tr. 96-106.
24. Mã Giang Lân (1995), “*Tìm một định nghĩa cho thơ*”, Tạp chí Văn học, (12), tr. 30-33.
25. Phong Lê (2001), “*Sự kiện Lưu Quang Vũ*”, *Một số g- ơng mặt văn ch- ơng – học thuật Việt Nam hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 433-439.
26. Phong Lê (1998) “*Xuân Quỳnh – Lưu Quang Vũ tình yêu số phận*”, Tạp chí văn học, (8).
27. Nguyễn Thế Lịch (2000), “*Ngữ pháp của thơ*”, Tạp chí ngôn ngữ, (12), tr.54-60.
28. Nguyễn Văn Long (2005), “*Thơ kháng chiến chống Mỹ trong tiến trình thơ Việt Nam hiện đại*” Văn nghệ (22), tr. 12-13.
29. Ph- ơng Lưu (chủ biên), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
30. Trần Hạnh Mai (2003), *Sự nghiệp phê bình văn học của Hoài Thanh*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
31. Nguyễn Đăng Mạnh (2000), *Con đ- ờng đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
32. Nguyễn Đức Mậu (2003), “*Thế hệ thơ chống Mỹ*”, Thơ, (2), tr. 4-5.

33. Anh Ngọc (2001), “*Vườn trong phố của Lưu Quang Vũ*”, *L-u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, tr.109-113.
34. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (2003), *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
35. Phạm Xuân Nguyên (1998), “*Lưu Quang Vũ tâm hồn trở gió*”, *L-u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hoá và thông tin, Hà Nội.
36. V-ong Trí Nhân (2001), *Cánh b-óm và đóa h-óng d-ơng*, NXB Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh.
37. V-ong Trí Nhân (2001), “*Những bài thơ cay đắng u buồn viết trong những năm chiến tranh*”, *L-u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, tr. 63 -76.
38. Ngô Văn Phú (1993), “*Thơ Xuân Quỳnh, thơ Lưu Quang Vũ*”, Văn nghệ, (38), tr.3.
39. Vũ Quần Phương (2001), “*Độc thơ Lưu Quang Vũ*” *L-u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
40. N. G. Pospelov (1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
41. Trần Đình Sử (1998), *Giáo trình dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
42. Trần Đình Sử (2003), *Lý luận và phê bình văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
43. Trần Đình Sử (2001), *Văn học thời gian*, NXB Văn học, Hà Nội.
44. Vũ Văn Sỹ (1999), “*Nguyễn Duy – Ng-ời th-ơng mến đến tận cùng chân thật*”, *Tạp chí văn học* (10), tr. 68-74.
45. Vũ Văn Sỹ (2000), “*Thơ Việt Nam trong tiến trình hiện đại hoá văn học dân tộc*”, *Tạp chí văn học* (12), tr. 42-52.
46. Nguyễn Thị Minh Thái (2001), “*Thơ tình Lưu Quang Vũ*”, *L-u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
47. Hoài Thanh (2001), “*Một cây bút trẻ nhiều triển vọng*”, *L-u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
48. Hoài Thanh, Hoài Chân (2003), *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.

49. Trần Khánh Thành (1982), “*Vài nét về h- óng sáng tạo trong ngôn ngữ thơ Việt Nam hiện đại*”, Tạp chí Văn học (2), tr. 42-50.
50. Vũ Duy Thông (1996), “*Cảm hứng lãng mạn qua hình t- ượng Tổ quốc trong thơ hiện đại*”, Tạp chí văn học, (5), tr. 36-39.
51. L- u Khánh Thơ - s- u tâm và biên soạn (2001), *L- u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
52. Lưu Khánh Thơ (2001), “*Tình yêu - đau xót và hi vọng*”, *L- u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
53. L- u Khánh Thơ - biên soạn (1997), *L- u Quang Vũ – Thơ và đời*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
54. Bích Thu (2001), “*Những bài thơ sống với thời gian*”, *L- u Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
55. Bích Thu (1983), “*Thơ và một số vấn đề*”, Tạp chí Văn học, (3), tr. 73-78.
56. Lý Hoài Thu (1999), “*Thơ Hữu Thỉnh – Một h- óng tìm tòi và sáng tạo từ dân tộc, đến hiện đại*”, *Tạp chí văn học*, (12), tr. 51-56.
57. Trần Đăng Xuyên (2002), “*Mấy ghi nhận về thế hệ các nhà thơ trẻ thời kỳ chống Mỹ*”, *Nhà văn hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo*, NXB Văn học, tr.89-126.
58. Trần Đăng Xuyên (2002), “*Phong cách thơ Phạm Tiến Duật*”, Tạp chí văn học, (3), tr. 33-38.
59. Phạm Thu Yến (1998), “*Ca dao vọng về thơ Nguyễn Duy*”, Tạp chí Văn học, (7), tr. 76-82.